

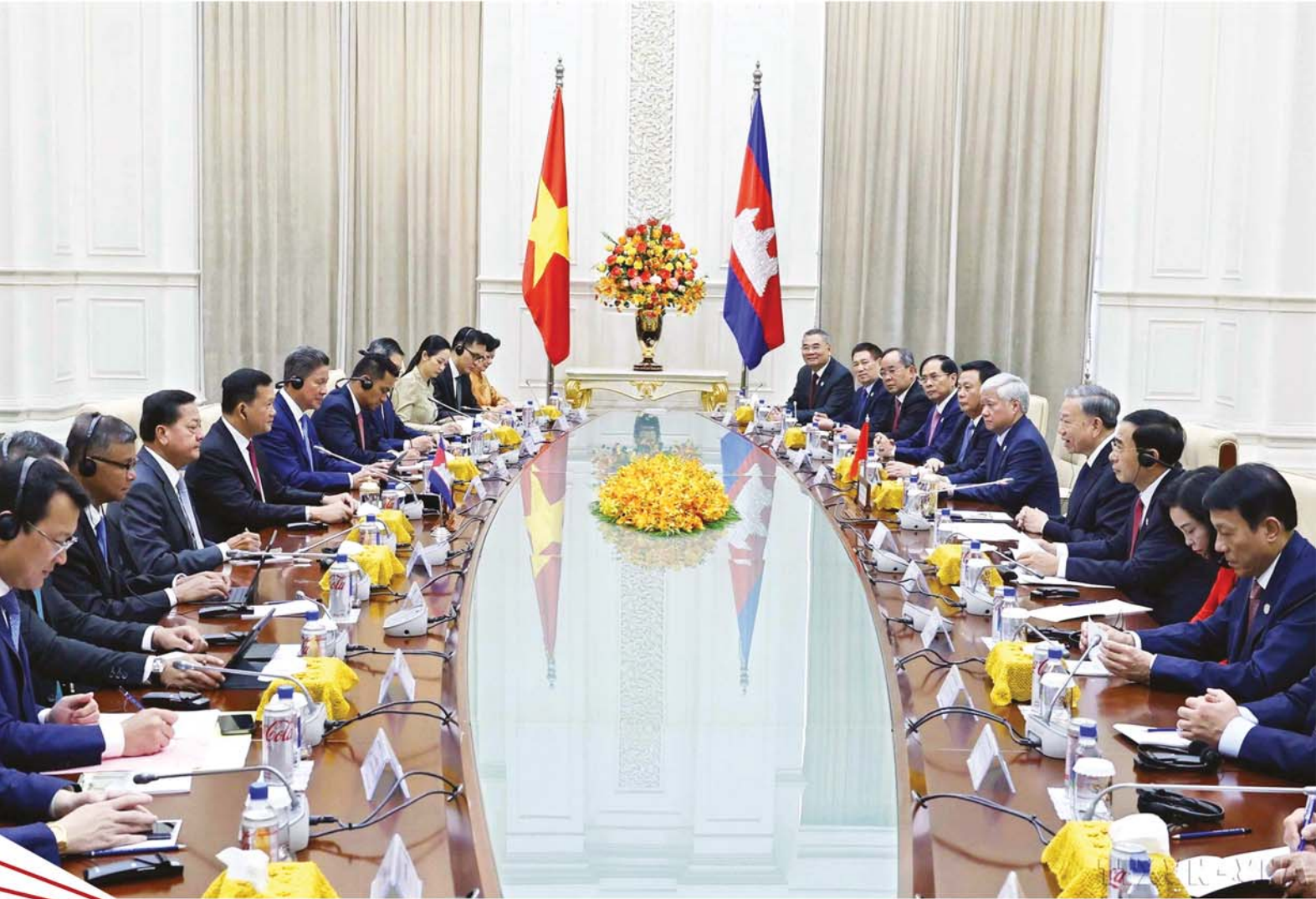


Số 251
THÁNG 7/2024

TẠP CHÍ

Mặt trận

CƠ QUAN CỦA ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM



- ▶ Phát huy truyền thống đoàn kết, đồng thuận của các tầng lớp nhân dân thông qua vai trò của Ban Công tác Mặt trận
- ▶ Giải pháp bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh hiện nay



Chào mừng
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
LẦN THỨ X, NHIỆM KỲ 2024-2029



NỘI DUNG

SỐ 251 (7/2024)

TỔNG BIÊN TẬP

ThS. TRƯƠNG THÀNH TRUNG

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

ThS. NGUYỄN VĂN DŨNG

ThS. TRẦN BẢO TRUNG

THƯ KÝ TÒA SOẠN

ThS. NGUYỄN THU THẢO

TÒA SOẠN:

59 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: 024. 6270 1757 - 024. 6270 1758

Hotline: 0388 35 99 36

Email: tapchimattranonline@gmail.com

Tạp chí điện tử Mặt trận: <http://tapchimattran.vn>

Tài khoản: 0011001262860, Sở Giao dịch Ngân

hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Giấy phép xuất bản số: 459/GP-BTTTT

do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày
06/10/2016.



Chủ tịch nước Tô Lâm dẫn đầu Đoàn đại
biểu cấp cao Việt Nam thăm cấp Nhà nước
tới Vương quốc Campuchia, tháng 7/2024.

ẢNH: TTXVN

Mỹ thuật: STARBOOKS

In tại: Cty CP In Công đoàn Việt Nam

NGHIÊN CỨU - LÝ LUẬN

- [5] Phát huy truyền thống đoàn kết, đồng thuận của các tầng lớp nhân dân thông qua vai trò của Ban Công tác Mặt trận
ĐỖ VĂN CHIẾN
- [9] Thực hiện chính sách bảo đảm đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số
HÀ THỊ KHIẾT
- [13] Cần sớm sửa đổi, bổ sung Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015
NGÔ SÁCH THỰC
- [18] Cơ chế chính trị - pháp lý nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong tiếp thu, giải trình, giải quyết và phản hồi kiến nghị sau giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
TRẦN NGỌC ĐUỜNG
- [21] Giải pháp bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh hiện nay
NGUYỄN NHƯ QUỲNH

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

- [26] Vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên
PHẠM THỊ KIM CÚC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI LẦN THỨ X MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

- [32] Những vấn đề đặt ra đối với tổ chức và hoạt động của các tổ chức tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp
LÊ BÁ TRÌNH

PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

- [36] Các điều kiện, yêu cầu bảo đảm cho tổ chức và hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong giai đoạn hiện nay
TRẦN THỊ XUÂN LAN

DIỄN ĐÀN ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

- [40] Nhận diện, ngăn chặn âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo chống phá cách mạng nước ta trong thời kỳ hội nhập quốc tế
DƯƠNG MẠNH HÙNG

GIÁ: 20.000 ĐỒNG



[6]



[10]



[15]

[44] Đấu tranh với âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc ở Việt Nam hiện nay

NGUYỄN THỊ PHUƠNG

[47] Phê phán các luận điệu xuyên tạc về chính sách dân tộc ở Việt Nam

ĐINH CÔNG TUYẾN

MẶT TRẬN VỚI CÁC PHONG TRÀO, CUỘC VẬN ĐỘNG

[50] Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công

TRẦN QUỐC DÂN

[54] Quan điểm và giải pháp nâng cao vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số

NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA, NGUYỄN VĂN QUÝ,
NGUYỄN THỊ HÒA

KINH NGHIỆM - THỰC TIỄN

[58] Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội

PHẠM THỊ HÂN

[62] Giáo dục văn hóa doanh nghiệp cho người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội

MẠC QUỐC ANH

NHỮNG VẤN ĐỀ QUỐC TẾ VÀ ĐỐI NGOẠI NHÂN DÂN

[66] Một số kinh nghiệm từ công tác giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Lào Xây dựng đất nước

VŨ HẢI VÂN

[69] Dân số thế giới sẽ đạt ngưỡng 9,8 tỷ người vào năm 2050 - Thách thức cho các quốc gia

HỒNG NHUNG biên dịch

NHÂN VẬT - SỰ KIỆN

[72] Phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế thực hiện thắng lợi việc chuyển quân, tập kết theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954

NGUYỄN VĂN NHẬT

[77] Từ Tây Nguyên đến chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

NGUYỄN KHẮC TRINH

CONTENT

NO.251 (JULY, 2024)

EDITOR-IN-CHIEF:

M.A TRUONG THANH TRUNG

DEPUTY EDITOR-IN-CHIEF:

M.A NGUYEN VAN DUNG

M.A TRAN BAO TRUNG

MANAGING EDITOR:

M.A NGUYEN THU THAO

OFFICE ADDRESS:

No.59 Trang Thi street, Hoan Kiem dist,
Hanoi

Tel: 024. 6270 1757 - 024. 6270 1758

Hotline: 0388 35 99 36

Email: tapchimattranonline@gmail.com

E-zine: <http://tapchimattran.vn>

Bank Account: 0011001262860,

Vietcombank Main Operation Center

*License No.459/GP-BTTTT issued by Ministry
of Communication and Information on 6th,
October, 2016.*



*President To Lam leads a high-ranking
Vietnamese delegation on a state-level visit
to Cambodia, July 2024.*

PHOTO: VNA

Graphic Designer: STARBOOKS

Printed at: Vietnam Trade Union

Printing JSC

RESEARCH - THEORY

- [5] Promoting the tradition of unity and consensus among people of all walks of life through the role of the Front Working Committee
DO VAN CHIEN
- [9] Implementing policies to ensure residential and productive land for ethnic minorities
HA THI KHIET
- [13] Urgent need to amend and supplement the 2015 Law on Election of National Assembly deputies and People's Council deputies
NGO SACH THUC
- [18] Political-legal mechanism to enhance the responsibility of state agencies in receiving, explaining, resolving, and responding to recommendations after social supervision and criticism of the Vietnam Fatherland Front
TRAN NGOC DUONG
- [21] Solutions to ensure national financial security and sustainability, contributing to macroeconomic stability in the current context
NGUYEN NHU QUYNH

PROTECTING THE IDEOLOGICAL FOUNDATION OF THE PARTY

- [26] The supervision role of the Vietnam Fatherland Front in nurturing and cultivating ethics and lifestyles among leaders, key officials, cadres, and party members
PHAM THI KIM CUC

HEADING TOWARDS THE 10TH NATIONAL CONGRESS OF THE VIETNAM FATHERLAND FRONT

- [32] Issues concerning the organization and activities of advisory organizations under the Vietnam Fatherland Front Committees at various levels
LE BA TRINH

PREVENT AND FIGHT AGAINST CORRUPTION AND NEGATIVE PHENOMENA

- [36] Conditions and requirements ensuring the organization and activities of the Community Investment Monitoring Board in the current period

TRAN THI XUAN LAN

FORUM OF GREAT NATIONAL UNITY

- [40] Identifying and preventing hostile forces' schemes to exploit religious freedom policies to sabotage our country's revolution during the period of international integration

DUONG MANH HUNG

PRICE: 20.000 VND



[30]

[44] Fighting against the schemes of hostile forces exploiting ethnic issues in Vietnam today

NGUYEN THI PHUONG

[47] Criticizing distorted arguments about ethnic policies in Vietnam

DINH CONG TUYEN

THE FRONT WITH CAMPAIGNS AND MOVEMENTS

[50] The Vietnam Fatherland Front in implementing preferential policies for revolutionary contributors

TRAN QUOC DAN

[54] The viewpoint and solutions to enhance the role of the Ho Chi Minh Communist Youth Union in preserving and promoting traditional culture in the context of digital transformation

NGUYEN THI QUYNH HOA, NGUYEN VAN QUY,
NGUYEN THI HOA



[52]

EXPERIENCE AND PRACTICE

[58] The Vietnam Fatherland Front of Quang Binh Province enhances the quality and effectiveness of social supervision and criticism activities

PHAM THI HAN

[62] Corporate culture training for employees in small and medium enterprises in Hanoi

MAC QUOC ANH

INTERNATIONAL ISSUES AND MOBILIZATION WORK

[66] Some experiences from the social supervision and criticism work of the Lao Front for National Construction

VU HAI VAN

[69] The world population will reach 9.8 billion people by 2050 - Challenges for countries worldwide

HONG NHUNG translation

CHARACTERS - EVENTS

[72] Promoting the strength of great national unity and international solidarity to successfully implement troop transfers and assembly according to the 1954 Geneva Agreement

NGUYEN VAN NHAT

[77] From Tay Nguyen to the battle of Dien Bien Phu, 1954

NGUYEN KHAC TRINH



[63]

Phát huy truyền thống đoàn kết, đồng thuận của các tầng lớp nhân dân thông qua vai trò của Ban Công tác Mặt trận

ĐỖ VĂN CHIẾN*

Tóm tắt: Trong quá trình hình thành và phát triển, Ban Công tác Mặt trận đã tham gia, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ quan trọng của địa phương, góp phần xây dựng, củng cố và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tuy nhiên, hiệu quả trong hoạt động của Ban Công tác Mặt trận vẫn còn một số hạn chế nhất định. Do đó, trong thời gian tới, hệ thống chính trị các cấp tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao vai trò, chất lượng hoạt động của Ban Công tác Mặt trận.

Summary: Throughout its formation and development, the Front Work Committee has effectively participated in and carried out significant local tasks, contributing to the construction, consolidation, and promotion of the great national unity bloc. However, there are still certain limitations in the effectiveness of the Front Work Committee's activities. Therefore, in the coming time, the political system at all levels will continue to implement synchronized and effective solutions to enhance the role and quality of the Front Work Committee's activities.

Từ khóa: Ban Công tác Mặt trận; truyền thống; đoàn kết; đồng thuận; phát huy dân chủ; Nhân dân; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Keywords: The Front Work Committee; tradition; unity; consensus; promoting democracy; the People; the Vietnam Fatherland Front.

Nhận bài: 28/6/2024; *Sửa chữa:* 3/7/2024; *Duyệt đăng:* 5/7/2024.

1. Ở nước ta, truyền thống gắn kết cộng đồng giữa cá nhân - gia đình - làng - nước gắn liền với chiều dài lịch sử dân tộc và tồn tại đến ngày nay. Tính cộng đồng ở các khu dân cư là nền tảng quan trọng cho các quan hệ dân chủ, bình đẳng, là cái gốc của cấu trúc, tổ chức làng xã Việt Nam. Điều này được thể hiện qua ca dao, tục ngữ, như “tình làng, nghĩa xóm”, “tối lửa tắt đèn có nhau” - đó là sức sống trường tồn của dân tộc Việt Nam. Sự trường tồn được kết tinh bởi tính cộng đồng bền chặt, liên kết các thành viên của gia đình, dòng họ cùng chung sống gắn bó với nhau theo đơn vị thôn, xóm, làng, bản. Tính cộng đồng giữa các hộ gia đình sinh sống ở các khu dân cư biểu hiện sinh động và đa dạng, hình thành tâm lý cộng đồng dựa trên sự cộng đồng về cư trú, cộng đồng về sở hữu chung và lợi ích, cộng đồng về tâm linh và cộng đồng về văn hóa; mỗi thành viên trong cộng đồng ngoài chăm lo cho bản thân

và gia đình mình còn có trách nhiệm bảo đảm lợi ích chung của các thành viên khác trong cộng đồng.

Hệ thống hành chính ở nước ta được tổ chức theo 4 cấp, bao gồm trung ương, tỉnh, huyện, xã. Như vậy, xã là cấp đơn vị hành chính thấp nhất trong hệ thống hành chính; tuy nhiên, các khu dân cư gắn bó gần nhất với Nhân dân. Hiện nay trên địa bàn cả nước, tại mỗi khu dân cư đều xây dựng “cánh tay nối dài” của hệ thống chính trị, bao gồm tổ chức đảng (chi bộ, tổ đảng); tổ chức chính quyền (thôn, ấp, cụm, khu phố...); tổ chức Mặt trận và đoàn thể (Ban Công tác Mặt trận; chi hội Phụ nữ; chi hội Cựu chiến binh; chi hội Thanh niên, Nông dân...). Các tổ chức nói trên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động đều được quy định bởi điều lệ của tổ chức; tuân thủ pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch; thực hiện phát huy quyền làm chủ của hội viên phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phát huy

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.



Đồng chí Đỗ Văn Chiến, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì cuộc làm việc cho ý kiến vào nội dung Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2024 - 2029.

ẢNH: PV

quyền làm chủ của cộng đồng dân cư, không thoát ly, tách rời với sự quản lý của Nhà nước trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của chi ủy, sự điều hành của trưởng thôn, vai trò tập hợp, vận động cộng đồng và sự hướng dẫn của Ban Công tác Mặt trận nhằm phát huy vai trò tự quản của Nhân dân theo phương châm: “Lấy sức dân để chăm lo cuộc sống của dân”.

Điều 27 Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa IX quy định cụ thể về Ban Công tác Mặt trận như sau: “Ban Công tác Mặt trận được thành lập ở thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố... (gọi chung là khu dân cư). Cơ cấu của Ban Công tác Mặt trận bao gồm: một số Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã cư trú ở khu dân cư; đại diện chi ủy; người đứng đầu của chi hội Người cao tuổi, chi hội Cựu chiến binh, chi hội Nông dân, chi hội Phụ nữ, chi đoàn Thanh niên, chi hội Chữ Thập đỏ... Một số người tiêu biểu trong các tầng lớp nhân dân, trong các dân tộc, tôn giáo...”. Ban Công tác Mặt trận có chức năng phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên; phối hợp với trưởng thôn (làng, ấp, bản), tổ trưởng dân phố... để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của địa phương¹.

Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư do Mặt trận Tổ quốc cấp xã thành lập, không phải là một cấp của Mặt trận mà là tổ chức tự quản thực hiện nhiệm vụ “cánh tay nối dài” của công tác Mặt trận tại các thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, tổ dân phố... có vai trò quan trọng trong việc mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp các

tầng lớp nhân dân, phát huy vai trò người tiêu biểu, xây dựng cộng đồng dân cư tự quản hoạt động trên cơ sở hương ước, quy ước; động viên Nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát và phản biện xã hội theo quy định của Đảng và Nhà nước; tập hợp ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước. Hiện nay, cả nước có 129.896 Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư, trung bình mỗi Ban có 5 thành viên. Tổng số thành viên Ban Công tác Mặt trận ở các địa phương là gần 650 nghìn người.

Để thực hiện các nhiệm vụ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận có nhiệm vụ triệu tập, chủ trì các cuộc họp, thường kỳ mỗi tháng một lần, họp bất thường khi cần thiết và việc tổ chức hội nghị của thôn, tổ dân phố được vận dụng linh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn ở cơ sở. Thành phần hội nghị cơ bản là cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Nhiều nội dung quan trọng được cử tri thảo luận và biểu quyết trong hội nghị thôn, tổ dân phố². Các nội dung tự quản của cộng đồng ở khu dân cư nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, xây dựng mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân thông qua vai trò “cầu nối” của Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư. Trong nhiều năm qua, các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phát động thông qua Ban Công tác Mặt trận và các chi hội đoàn thể ở các khu dân cư đã thu hút đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia với nhiều cách làm sáng tạo, phù hợp với đặc điểm, tâm lý của từng cộng đồng³.

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định trong Điều lệ, trên cơ sở phối hợp với trưởng thôn, nhiều Ban Công tác Mặt trận đã xây dựng được các mô hình tự quản trong một số lĩnh vực, thu hút, tập hợp được bộ phận đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, khơi dậy truyền thống yêu nước, phát huy quyền lợi và trách nhiệm, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng dân cư, bảo đảm an sinh xã hội, xóa bỏ hủ tục. Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư đã phối hợp với các chi hội đoàn thể triển khai xây dựng các mô hình tự quản ở khu dân cư để đưa “ý Đảng vào lòng dân” đến với từng thành viên trong cộng đồng, xây dựng được lực lượng nòng cốt nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, định hướng được dư luận xã hội, giúp củng cố niềm tin, nâng cao nhận thức trong Nhân dân, kịp thời đề xuất, xử lý hiệu quả các vụ, việc phức tạp ở cơ sở, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, nhất là ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng trọng điểm về an ninh - quốc phòng, mang lại cuộc sống bình yên cho Nhân dân. Thành viên nòng cốt của mô hình tự quản ở cộng đồng dân cư chủ yếu là các thành viên trong Ban Công tác Mặt trận; chi hội đoàn thể; người uy tín tiêu biểu trong cộng đồng đứng ra chủ trì, tập hợp, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong cộng đồng dân cư tự giác, tự nguyện, tâm huyết tham gia thực hiện với nhiều mô hình mới, cách làm hay theo phương châm “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”.

Ban Công tác Mặt trận và các chi hội đoàn thể ở các khu dân cư trên địa bàn cả nước đã xây dựng được 637.534 mô hình tự quản, với 23.460.795 thành viên tham gia với các tên gọi khác nhau trong các lĩnh vực⁴. Trong đó, mô hình tự quản liên quan đến lĩnh vực kinh tế có 288.921 mô hình, với 8.956.551 thành viên tham gia (trung bình khoảng 31 thành viên/mô hình); mô hình tự quản liên quan đến lĩnh vực bảo vệ an ninh, trật tự có 186.935 mô hình, với 6.916.595 thành viên tham gia (trung bình khoảng 37 thành viên/mô hình); mô hình tự quản liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường có 87.345 mô hình, với 2.533.005 thành viên tham gia (trung bình 29 thành viên/mô hình); mô hình tự quản liên quan đến lĩnh vực thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh có 67.432 mô hình, với 4.585.376 thành viên tham gia (trung bình 68 thành viên/mô hình); mô hình tự quản liên quan đến các lĩnh vực hoạt động khác có 6.901 mô hình, với 469.268 thành viên tham gia (trung bình 68 thành viên/mô hình)⁵. Những kết quả đạt được trong hoạt động tự quản của Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư góp phần đẩy mạnh phong trào thi đua rộng khắp trong các tầng lớp nhân dân, khơi dậy lòng yêu nước, vượt qua khó khăn, phát huy dân chủ và nội lực của cộng đồng dân cư, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh của các địa phương.

2- Bên cạnh kết quả đạt được, hoạt động của Ban Công tác Mặt trận ở một số địa phương còn có những hạn chế,

khó khăn, như công tác tham mưu cho Chi ủy, Chi bộ lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện chương trình phối hợp thống nhất hành động ở một số nơi còn thiếu cụ thể, chưa chủ động. Một số Trưởng Ban công tác Mặt trận chưa thực sự sát dân, gần dân, hiểu dân, lắng nghe dân để nắm bắt, xử lý, kiến nghị và phối hợp giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân nên hiệu quả chưa cao. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia các phong trào, các cuộc vận động ở một số khu dân cư hiệu quả chưa cao, chưa có chiều sâu, còn mang tính hình thức. Công tác nắm bắt tư tưởng, tình hình Nhân dân có lúc, có nơi chưa kịp thời. Công tác giám sát chỉ dừng lại ở mức độ “theo dõi - phát hiện”, nội dung kiến nghị chưa cụ thể, chưa theo sát việc giải quyết của các cơ quan liên quan đến nội dung đã kiến nghị, nên hiệu quả công tác chưa cao. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng một số địa phương chưa được phát huy. Vai trò phối hợp, thống nhất hành động giữa Ban Công tác Mặt trận với các chi hội đoàn thể và trưởng thôn ở các khu dân cư để vận động, phát huy tính tự nguyện, tự giác, tự quản, tự chịu trách nhiệm của Nhân dân ở cộng đồng dân cư chưa thống nhất, trùng lặp về đối tượng, nội dung và nguồn lực, thiếu sự chỉ đạo, lồng ghép, thống nhất giữa các tổ chức nên vẫn còn tình trạng “mạnh ai nấy làm”, xây dựng quá nhiều mô hình tự quản, nhưng chưa phát huy hiệu quả, chông chéo trong nhiều lĩnh vực bởi còn một số nơi chạy theo thành tích để bảo đảm các tiêu chí đánh giá thi đua, hoạt động theo kiểu “sớm nở, tối tàn, có kinh phí thì có hoạt động, hết kinh phí thì hết hoạt động”. Công tác hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra của hệ thống chính trị ở cơ sở trong triển khai thực hiện các hoạt động tự quản và các mô hình tự quản còn nhiều hạn chế; không ít Ban Công tác Mặt trận chưa xây dựng quy chế hoạt động, chưa xây dựng bộ tiêu chí hay khung chuẩn để đánh giá chất lượng hoạt động các mô hình tự quản nhằm thu hút sự tự giác, tự nguyện, đồng thuận của người dân để mô hình có sức sống lâu dài. Một số nơi còn chưa hiểu rõ mô hình tự quản, nội dung và phương thức vận hành của hoạt động tự quản ở khu dân cư để phát huy và thực hiện hiệu quả các phong trào, các cuộc vận động thi đua yêu nước do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể phát động. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ Ban Công tác Mặt trận chưa cao, không đồng đều; chế độ sinh hoạt phí đối với Trưởng Ban công tác Mặt trận còn thấp, chưa phù hợp từ đó không khuyến khích được Trưởng ban tích cực học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ, năng lực, nhiệt huyết công tác; kinh phí hoạt động cho Ban Công tác Mặt trận ở một số địa phương chưa thật sự được quan tâm. Việc đánh giá, khen tặng danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”, “Gia đình văn hóa” còn có biểu hiện chưa thực chất, chưa động viên được tính tự quản, sáng tạo trong công việc của mỗi người dân, mỗi gia đình.

3- Để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Công tác Mặt trận, phát huy vai trò tự quản, đoàn kết, đồng thuận xã hội của từng người dân, từng hộ gia đình, từng dòng họ sinh sống ở các khu dân cư trên địa bàn cả

nước, hệ thống chính trị các cấp cần quan tâm thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể và đội ngũ cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư để tiếp tục triển khai, thực hiện hiệu quả nghị quyết, chương trình hành động của Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp nhiệm kỳ 2024 - 2029. Hệ thống chính trị các cấp, nhất là hệ thống chính trị ở cơ sở tại hơn 10 nghìn xã trên địa bàn cả nước cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức lồng ghép các hoạt động tự quản ở khu dân cư thông qua vai trò của Trưởng Ban Công tác Mặt trận để tập hợp, vận động sự tự nguyện, tự giác, tự quyết, tự chịu trách nhiệm, tự chủ về kinh phí, tạo sự đồng thuận của các thành viên trong cộng đồng dân cư. Về quy mô tổ chức, phạm vi và lĩnh vực hoạt động sẽ linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện và tình hình thực tiễn của từng địa phương; phát huy tính chủ động, linh hoạt và sáng tạo của từng cộng đồng dân cư trong công tác xây dựng quy ước, hương ước nhằm tạo sự đồng thuận của mỗi người dân, mỗi gia đình, mỗi dòng họ và cả cộng đồng.

Thứ hai, xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư bảo đảm số lượng, bảo đảm cơ cấu thành phần theo quy định. Xây dựng quy chế hoạt động của Ban Công tác Mặt trận, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; duy trì họp thường kỳ mỗi tháng một lần, họp bất thường khi cần thiết. Thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Ban Công tác Mặt trận để triển khai các phong trào thi đua một cách linh hoạt, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với thực tiễn địa phương, thu hút đông đảo

người dân hưởng ứng tham gia. Chủ động nắm chắc tình hình Nhân dân ở khu dân cư, kịp thời phát hiện mâu thuẫn, bức xúc trong Nhân dân để có biện pháp giải quyết, tháo gỡ; thường xuyên “gần dân, sát dân, hiểu dân, trọng dân, nghe dân nói, nói dân nghe, làm dân tin”, tạo sự thống nhất giữa “ý Đảng, lòng Dân”, tăng cường đoàn kết thương yêu đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau, khơi dậy các nguồn lực trong Nhân dân “lấy sức dân để xây dựng cuộc sống cho Nhân dân”, lấy đoàn kết để phát huy sức mạnh của mọi tổ chức và cá nhân, lấy việc động viên, thực hiện dân chủ và công khai, minh bạch ở cộng đồng dân cư làm phương châm hành động.

Thứ ba, tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết liên tịch số 88/2016/NQLT/CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 7/10/2016 của Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, về “Phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ “Quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa””; kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị liên quan của Nhân dân. Tạo điều kiện thuận lợi để Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư triển khai thực hiện tốt việc tổ chức “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư” vào ngày 18/11 hằng năm nhằm góp phần phát huy dân chủ, thắt chặt tình đoàn kết, gắn bó, đồng thuận xã hội giữa các hộ gia đình tại các khu dân cư; xây dựng, nhân rộng, nâng cao chất lượng các hoạt động tự quản gắn với việc đánh giá, bình xét, biểu dương, khen thưởng các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa” ở khu dân cư trên địa bàn cả nước. ❖

Chú thích:

1. Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân; chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân ở khu dân cư với cấp ủy và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; động viên Nhân dân giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức; phối hợp thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở và hoạt động tự quản ở cộng đồng dân cư
2. Như: kế hoạch phát triển sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng, công trình phúc lợi công cộng, xóa đói, giảm nghèo; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương; xây dựng, giữ vững và phát huy danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”, “Khu dân cư tiên tiến”, “Gia đình văn hóa”; phòng, chống tệ nạn xã hội và xóa bỏ hủ tục; xây dựng và thực hiện quy chế, hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tham gia các cuộc vận động ở địa phương; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chỉ định trường thôn, tổ trưởng tổ dân phố và phó trường thôn, phó tổ trưởng tổ dân phố, thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.
3. Các phong trào, cuộc vận động tiêu biểu như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, nay là “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Cuộc vận động “Vì người nghèo”, do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động; cuộc vận động “Lao động sáng tạo”, “Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phát động; cuộc vận động “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, “Xanh - Sạch - Đẹp”, “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” do Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phát động...
4. Như: “Khu dân cư bảo đảm trật tự an toàn giao thông”, “Khu dân cư phòng, chống tội phạm”, “Khu dân cư bảo vệ môi trường”, “Khu dân cư lãnh mạnh không có tệ nạn xã hội và tội phạm”, “Khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu”, “Sạch làng, đẹp ruộng”, “Thắp sáng làng quê”, “Đường có hoa, nhà có số”, mô hình “Quỹ tiết kiệm xây dựng nông thôn mới” và các mô hình liên kết hộ gia đình, như “Tổ liên gia”, “Tổ tự quản”, “Tổ hoà giải”, “Gia đình, dòng họ không có người phạm tội, mắc tệ nạn xã hội”, “Tổ an ninh nhân dân”, “Tổ phụ nữ thu gom, phân loại rác thải” mô hình “Xóa 1 hộ đói, giảm 1 hộ nghèo”, mô hình “Hũ gạo vì người nghèo”.
5. Đề án xây dựng mô hình tự quản ở các khu dân cư của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2020.

Thực hiện chính sách bảo đảm đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số

HÀ THỊ KHIẾT*

Tóm tắt: Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến vấn đề đất đai cho đồng bào thiểu số, tập trung giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt, đẩy nhanh việc hoàn thành các dự án định canh, định cư. Để triển khai thực hiện hiệu quả chính sách; các bộ, ngành, địa phương có liên quan đã ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định các nội dung được giao và thực thi nhiều chương trình, giải pháp tích cực, có hiệu quả nhằm giải quyết vấn đề đất ở, đất sản xuất, giúp đồng bào dân tộc thiểu số có nhà ở, đất canh tác, có việc làm ổn định, góp phần xóa đói, giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số.

Summary: Our Party and State have issued numerous directives and policies related to land issues for ethnic minorities, focusing on fundamentally addressing the shortage of productive land, residential land, housing, drinking water, and accelerating the completion of settled agriculture and fixed residence. To effectively implement the policies, relevant ministries, sectors, and localities have issued guiding documents, stipulated the assigned contents, and implemented many positive and effective programs and solutions to address residential and productive land issues, helping ethnic minorities have housing, agricultural land, stable employment, and contributing to poverty alleviation in ethnic minority areas.

Từ khóa: Đất ở, đất sản xuất; đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách dân tộc; đại đoàn kết toàn dân tộc; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Keywords: Residential land; productive land; ethnic minorities; ethnic policies; great national unity; the Vietnam Fatherland Front.

Nhận bài: 25/6/2024; Sửa chữa: 28/6/2024; Duyệt đăng: 3/7/2024.

Theo kết quả Điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê, quy mô dân số của 53 dân tộc thiểu số ở nước ta là 14,1 triệu người, với khoảng 3.680.943 hộ, chiếm 13,7% tổng số hộ của cả nước, sinh sống ở 54 tỉnh, 548 huyện, 5.468 xã, 56.453 thôn. Trong đó có 6 dân tộc có dân số trên 1 triệu người¹, 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người², trong đó có 5 dân tộc có dân số dưới 1.000 người gồm: Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Bơ, Ơ Đu. Địa bàn cư trú của đồng bào các dân tộc

thiểu số phần lớn là miền núi, chiếm ¾ diện tích cả nước, chủ yếu tập trung ở vùng miền núi, trung du phía Bắc, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và khu vực Nam Bộ. Đây là những địa bàn có vị trí chiến lược, quan trọng về chính trị, an ninh - quốc phòng và tài nguyên thiên nhiên của đất nước, nhưng cũng là vùng có cấu tạo địa chất, tự nhiên phức tạp, có độ dốc cao, chia cắt, cơ sở hạ tầng khó khăn, tập trung chủ yếu là các xã nghèo, huyện nghèo và người nghèo.

* Nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Trưởng Ban Dân vận Trung ương, Phó Chủ tịch không chuyên trách Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.



Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng phối hợp tổ chức Lễ tôn vinh người có uy tín tiêu biểu khu vực biên giới, biển đảo lần thứ II, năm 2024 với chủ đề “Điểm tựa của bản làng”.

ẢNH: QUANG VINH

Hiện nay, có gần 2 triệu người dân tộc thiểu số sống ở khu vực thành thị, chiếm 13,8%; số người dân tộc thiểu số sống ở khu vực nông thôn là hơn 12 triệu người chiếm 86,2%. Xét về phân bố số hộ gia đình theo vùng kinh tế - xã hội, số hộ gia đình dân tộc thiểu số ở vùng trung du và miền núi phía Bắc chiếm 47,5%; tiếp theo là vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung với 14,1%; Tây Nguyên là 13,8%. Theo kết quả điều tra 53 dân tộc thiểu số năm 2019, diện tích đất canh tác các loại bình quân hộ tại các xã vùng dân tộc thiểu số là hơn 14 nghìn m²/hộ. Diện tích đất bình quân hộ dân tộc thiểu số vùng trung du và miền núi phía Bắc là khoảng hơn 15 nghìn m²/hộ (trong đó, đất trồng cây hàng năm hơn 5 nghìn m²/hộ; đất trồng cây lâu năm khoảng gần 8 nghìn m²/hộ; đất nông nghiệp khác khoảng hơn 2 nghìn m²/hộ); duyên hải miền Trung hơn 18 nghìn m²/hộ (trong đó, đất trồng cây hàng năm gần 4,5 nghìn m²/hộ; đất trồng cây lâu năm khoảng gần 7 nghìn m²/hộ, đất nuôi trồng thủy sản khoảng 550 m²/hộ, đất làm muối khoảng hơn 5 trăm m²/hộ, đất nông nghiệp khác khoảng hơn 5 nghìn m²/hộ). Tây Nguyên hơn 16 nghìn m²/hộ (trong đó, đất trồng cây hàng năm hơn 7 nghìn m²/hộ;

đất trồng cây lâu năm khoảng gần 12 nghìn m²/hộ, đất nông nghiệp khác khoảng hơn 7 nghìn m²/hộ); đồng bằng sông Cửu Long hơn 5 nghìn m²/hộ.

Trong nhiều năm qua, thực hiện nhất quán chính sách: “Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển”, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhưng kinh tế - xã hội các vùng dân tộc vẫn còn nhiều khó khăn; vẫn là vùng chậm phát triển, đất sản xuất bị thu hẹp do bị thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư phát triển. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất ở một số địa phương thực hiện còn chậm, làm ảnh hưởng đến quyền lợi, đời sống và sinh kế của người có đất bị thu hồi đã ảnh hưởng không nhỏ tới phát triển kinh tế - xã hội, cũng như đời sống của một bộ phận người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tỷ lệ nghèo và cận nghèo của các hộ dân tộc thiểu số vẫn đang cao gấp 3,5 lần tỷ lệ nghèo và cận nghèo chung của toàn quốc. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo khu vực biên giới chiếm 48,4%; khu vực nghèo nông thôn là 39,4%. Tại vùng Bắc Trung Bộ, duyên hải miền Trung là 48,2% số hộ dân tộc thiểu số của các xã

vùng dân tộc thuộc diện nghèo, cận nghèo. Vùng trung du và miền núi phía Bắc là 39,1%, vùng Tây Nguyên là 35,5%, có 21 dân tộc có tỷ lệ nghèo chiếm 50% trở lên. Đối với các xã vùng dân tộc thiểu số, một trong những vấn đề quan trọng để giảm nghèo bền vững là người dân phải được an cư, lạc nghiệp. Theo kết quả Điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019, cả nước có 24.532 hộ dân tộc thiểu số thiếu đất ở, 210.400 hộ dân tộc thiểu số có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất. Việc bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào di cư tự phát chưa được giải quyết thấu đáo, kéo dài. Tình trạng tranh chấp, khiếu kiện đòi lại đất và vi phạm pháp luật về đất đai và pháp luật bảo vệ và phát triển rừng ở các nông, lâm trường vẫn còn phổ biến dưới nhiều hình thức như hộ gia đình, cá nhân đòi lại đất của ông, cha trước đây mà Nhà nước đã giao cho các công ty nông, lâm nghiệp quản lý và đòi lại khi đã hết thời hạn nhận khoán hoặc hết chu kỳ kinh doanh theo hợp đồng.

Tranh chấp đất đai giữa người dân di cư tự do từ các địa phương khác đến lấn chiếm đất đai của các nông, lâm trường và các hộ gia đình, cá nhân tại chỗ đang nhận khoán đất. Khiếu nại việc Nhà nước giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận cho công ty nông, lâm nghiệp chồng lấn lên đất của người dân đang sử dụng... Tình trạng này đã được Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 1/3/2020 của Chính phủ về ổn định dân di cư tự do và quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường nêu rõ: “Đời sống và sản xuất của một bộ phận người dân di cư tự do còn gặp nhiều khó khăn, việc phục hồi sản xuất chưa bền vững, thiếu đất ở, đất sản xuất, thiếu nước và điện sinh hoạt, thu nhập thấp, nơi ở tạm bợ, không ổn định, thiếu cán bộ kỹ thuật và nguồn vốn bố trí cho công tác khuyến nông, tỷ lệ hộ đói nghèo cao, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số di cư từ các tỉnh phía Bắc vào Tây Nguyên, nhiều hộ dân chưa được hưởng các chính sách an sinh, xã hội của nhà nước nên đời sống còn gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn gia tăng tình trạng người dân di cư tự do đi nơi khác và gây mất trật tự an toàn xã hội”.

Trước thực trạng này, việc thực hiện chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc là nhiệm vụ cấp bách nên Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận liên quan đến vấn đề đất đai cho đồng bào thiểu số như: Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 31/10/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã nêu rõ “Sớm có giải pháp đáp ứng nhu cầu đất sản xuất và việc làm cho bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số không có đất sản xuất”. Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/1/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đã chỉ rõ: “Gắn mục tiêu bảo vệ, phát triển rừng với hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập, bảo đảm đời sống, việc làm, an sinh xã hội cho người dân địa phương, đồng bào dân tộc miền núi, biên giới, nhất là cho người dân làm nghề rừng”. Kết luận số

65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, đã nêu: “Tập trung giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt; đẩy nhanh việc hoàn thành các dự án định canh, định cư. Mục tiêu giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số vào năm 2025”. Nghị quyết 18-NQ/TW cũng đặt ra mục tiêu đến năm 2025 giải quyết cơ bản những tồn tại, vướng mắc có liên quan đến đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, Nghị quyết 18-NQ/TW cũng nêu một trong những nhiệm vụ giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính về đất đai, trong đó có chính sách ưu đãi thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Để thể chế Nghị quyết 18-NQ/TW, Luật Đất đai năm 2024 vừa được Quốc hội thông qua đã dành riêng 1 điều (Điều 16) quy định trách nhiệm của Nhà nước về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Theo đó, Luật quy định, Nhà nước có chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với phong tục tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng vùng. Quốc hội khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 88 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, trong đó mục tiêu về quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư vùng đồng bào dân tộc đến năm 2025 được xác định cụ thể: “Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư, sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào”.

Thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/2/2020 và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trong đó nội dung giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất được triển khai thực hiện tại Dự án 1 của Chương trình với mục tiêu tới năm 2025 sẽ giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho 17.400 hộ, giải quyết trực tiếp đất sản xuất cho hơn 47.200 hộ và giải quyết sinh kế cho 271.800 hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Để triển khai, thực hiện các bộ, ngành, địa phương có liên quan đã ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định các nội dung được giao. và thực thi nhiều chương trình, giải pháp tích cực, có hiệu quả nhằm giải quyết vấn đề đất ở, đất sản xuất giúp đồng bào dân tộc thiểu số có nhà ở, có đất canh tác

hoặc việc làm ổn định, giảm dần đói nghèo, góp phần bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.

Việc giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong những nhiệm vụ quan trọng của hệ thống chính trị các cấp từ Trung ương đến cơ sở để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, qua gần 3 năm thực hiện Dự án 1 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, công tác giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là vùng khó khăn đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần có giải pháp quyết liệt, đồng bộ để tập trung giải quyết như: đối với việc hỗ trợ đất sản xuất, nhiều địa phương không còn quỹ đất sản xuất để hỗ trợ cho hộ nghèo nên không thực hiện giải ngân được vốn đã giao; hộ thuộc diện thụ hưởng có đất ở nhưng không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nguồn gốc đất chủ yếu là từ các nông, lâm trường nhưng nguồn đất này ở một số địa phương đang cho thuê hoặc sử dụng mục đích khác là rất lớn trong khi rất nhiều nghị quyết ra đời để thu hồi lại đất nông, lâm trường để phục vụ sản xuất nhưng không thực hiện nên khó có nguồn quỹ đất lấy để thực hiện các chính sách. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện cả nước có hơn 3,3 triệu ha do Ủy ban nhân dân xã quản lý (chưa giao). Bên cạnh đó, các địa phương còn diện tích đất rất lớn đang giao cho các tổ chức kinh tế sử dụng dưới dạng giao quyền sử dụng đất/thuê đất có thời hạn. Trong số hơn 6,8 triệu ha đã giao cho các ban quản lý và các công ty lâm nghiệp, ước tính khoảng hơn 1 triệu ha đang có chồng lấn (hiện không có số liệu chính xác trên toàn quốc, các địa phương ước tính tỷ lệ chồng lấn với rừng sản xuất là 15 - 30%, rừng phòng hộ 10 - 15%, rừng đặc dụng là 5-7%). Ngoài ra, nhiều diện tích chưa được sử dụng, quản lý hiệu quả, đang giao khoán lại cho cộng đồng bảo vệ, chăm sóc.

Việc tháo gỡ vướng mắc về giải quyết đất ở, đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số có ý nghĩa rất lớn, không chỉ giải quyết nhu cầu cấp bách về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào, mà còn có ý nghĩa đối với việc thi hành phù hợp hơn và hiệu quả hơn chính sách, pháp luật đất đai hướng tới phát triển bền vững bố trí ổn định dân cư khi Luật Đất đai năm 2024 mới được ban hành, thiết nghĩ hệ thống chính trị các cấp cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đất đai rộng rãi đến cán bộ các cấp, đến các tổ chức, cá nhân và đồng bào các dân tộc thiểu số với những nội dung thiết thực và hình thức phong phú

như thi viết, thi sân khấu hóa; tổ chức giao lưu trực tuyến; giải đáp, tư vấn pháp luật; tổ chức tiếp công dân và giải đáp chính sách, pháp luật về đất đai cho người dân. Phát huy vai trò của các cơ quan thông tấn, báo chí tổ chức xây dựng các chuyên mục "hỏi đáp", "luật sư của bạn", "trợ giúp pháp lý"... qua phổ biến, tuyên truyền pháp luật về đất đai, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật đất đai của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất.

Hai là, hoàn thiện cơ chế, chính sách về sử dụng đất, trong đó có việc sử dụng đất ở, đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số bảo đảm tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất. Tổ chức hiệu quả các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất phải gắn với mục tiêu ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội, môi trường sinh thái, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống đoàn kết các dân tộc; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Công nhận cộng đồng dân cư là chủ rừng có quyền lợi và nghĩa vụ như các chủ rừng khác; công nhận diện tích rừng thiêng, rừng tâm linh, rừng đầu nguồn nước... gắn với phong tục tập quán, tín ngưỡng, văn hóa của các dân tộc.

Ba là, tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc nông, lâm trường nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường, đảm bảo đất đai phải có chủ thực sự, tiến hành đo đạc, lập bản đồ địa chính làm cơ sở quản lý chặt chẽ giải quyết căn bản tình hình thiếu đất ở, đất sản xuất, kiểm soát tình hình di dân tự do; ổn định tình hình trật tự an ninh xã hội, bảo đảm quyền lợi của người dân. Đảm bảo giảm thiểu và chấm dứt tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai, phá rừng lấy đất sản xuất, dẫn tới mất rừng, suy thoái rừng và sa mạc hóa.

Bốn là, các cấp, ngành, địa phương cần tăng cường các biện pháp và trách nhiệm quản lý, thực hiện chính sách, pháp luật về lĩnh vực đất đai, nhất là thực hiện quy hoạch dân cư, kế hoạch sử dụng đất nông, lâm nghiệp, quy hoạch các loại rừng. Chủ động nắm chắc tình hình di biến động dân cư, dân số trên địa bàn. Khẩn trương hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với các địa phương không còn quỹ đất cần thực hiện hỗ trợ theo hình thức: Chuyển đổi theo nhu cầu đào tạo nghề; mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ nông nghiệp hoặc vay vốn để làm nghề khác tăng thu nhập; hỗ trợ xuất khẩu lao động, giao khoán bảo vệ rừng, trồng rừng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết đối với việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho hộ dân tộc thiểu số. ❖

Chú thích:

1. Gồm các dân tộc: Tày, Thái, Mường, Khmer, Nùng và Mông.
2. Gồm các dân tộc: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ở Đu, Bâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hủ.

Cần sớm sửa đổi, bổ sung Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015

NGŨ SÁCH THỰC*

Tóm tắt: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/9/2015. Trên cơ sở tổ chức thực hiện, giám sát thực hiện Luật Bầu cử nhiều kỳ, nhất là Luật Bầu cử năm 2015, tổng kết 2 cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV, XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, 2021 - 2026 theo Luật Bầu cử năm 2015, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Luật Bầu cử năm 2015.

Summary: The Law on the Election of National Assembly deputies and People's Council deputies No. 85/2015/QH13, dated June 25, 2015, took effect on September 1, 2015. Based on the organization and supervision of the implementation of the Law on Election over several terms, especially the 2015 Law on Election, and summarizing the two elections of the 14th and 15th National Assembly deputies and People's Council deputies at all levels for the 2016-2021 and 2021-2026 terms according to the 2015 Law on Election, it is necessary to amend and supplement the 2015 Law on Election.

Từ khóa: Luật Bầu cử năm 2015; đại biểu Quốc hội; đại biểu Hội đồng nhân dân; sửa đổi, bổ sung; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Keywords: The 2015 Law on Election; National Assembly deputies; People's Council deputies; amendment, supplementation; the Vietnam Fatherland Front.

Nhận bài: 28/6/2024; *Sửa chữa:* 3/7/2024; *Duyệt đăng:* 5/7/2024.

Những thành công của các cuộc bầu cử

Thứ nhất: Số lượng đại biểu trúng cử cao, chất lượng đại biểu nâng lên, tỷ lệ về cơ cấu nữ, chuyên trách có tiến bộ. Cuộc bầu cử năm 2021, nhiệm kỳ 2021 - 2026 có 499 người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, 3.721 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện bầu được 22.550 đại biểu, Hội đồng nhân dân cấp xã bầu được 239.788 đại biểu

Thứ hai: Cuộc bầu cử diễn ra trong khó khăn, thử thách, khi mà cùng lúc vừa phải tổ chức cuộc bầu cử thành công, đúng pháp luật, vừa phải bảo đảm an toàn trong điều kiện phòng, chống đại dịch Covid-19 và thực hiện tốt nhiệm vụ phục hồi, phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, đời sống và an toàn cho người dân.

Thứ ba: Cuộc bầu cử được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp và sự vào cuộc, chung sức đồng lòng, đoàn kết thống nhất của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ, đồng thuận của Nhân dân và cử tri cả nước.

Thứ tư: Cuộc bầu cử ngày 23/5/2021 có số lượng cử tri đi bầu lớn nhất từ trước đến nay, với 69.523.277 cử tri và tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu là 69.243.939 cử tri (đạt 99,60%).

Thứ năm: Cuộc bầu cử được chuẩn bị kỹ lưỡng, chu đáo, chủ động, chuyên nghiệp, sáng tạo, với tinh thần trách nhiệm rất cao, nắm bắt nhanh nhạy, xử lý kịp thời, linh hoạt, đúng pháp luật trong mọi tình huống phát sinh.

Thứ sáu: Thành công của cuộc bầu cử cho thấy sức mạnh tổng hợp của Nhân dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, thể hiện sinh động tinh thần yêu nước, đại đoàn kết toàn dân tộc và niềm tin vững chắc của Nhân dân đối với chế độ xã hội chủ nghĩa, với Đảng và Nhà nước, để lại nhiều dấu ấn tốt đẹp, được dư luận trong nước, đồng bào ta ở nước ngoài và truyền thông quốc tế ghi nhận, đánh giá cao.

* Tiến sĩ, Nguyễn Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Theo quy định của pháp luật, Mặt trận Tổ quốc có 6 nhiệm vụ cơ bản trong công tác bầu cử. Với quyền và trách nhiệm được pháp luật quy định Mặt trận Tổ quốc các cấp đã thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao và đạt kết quả tốt trong các nhiệm vụ, tổ chức các cuộc hiệp thương thành công, góp phần vào thành công của các cuộc bầu cử. Trong đó, việc tổ chức lấy ý kiến của cử tri nơi công tác và nơi cư trú có điểm mới, khó về đánh giá tín nhiệm của người ứng cử nhưng đã tổ chức thành công bước đầu. Việc chuẩn bị và tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nơi làm việc) và nơi cư trú được Mặt trận Tổ quốc các cấp ở địa phương thực hiện theo quy định của Luật Bầu cử và hướng dẫn tại Nghị quyết số 1186/2021/UBTVQH14 ngày 11/1/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử được tổ chức thực hiện đúng trình tự, bảo đảm thành phần, số lượng cử tri tham dự, công khai, nghiêm túc, dân chủ, đúng quy định...; công tác an ninh trật tự, phòng, chống dịch được đảm bảo. Tại các hội nghị, cử tri được mời đến tham dự khá đông đủ, nhiều nơi trên 80%, có nơi đạt tỷ lệ 100%. Đa số hội nghị đều chọn hình thức giờ tay để thể hiện sự tín nhiệm và tại các hội nghị hầu hết cử tri đều đồng ý với danh sách những người ứng cử. Tại một số hội nghị, cử tri cũng có ý kiến đối với một số ứng cử viên (một số người tự ứng cử) chưa thực sự xứng đáng, chưa gần gũi với Nhân dân...

Tổng hợp số liệu từ báo cáo của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thì tổng số hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi công tác của đại biểu Quốc hội là 1.066 hội nghị với 41.951 cử tri tham dự, trong đó có 8 người có kết quả tín nhiệm dưới 50% tổng số cử tri tham dự. Tổng số hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú của đại biểu Quốc hội là 1.353 cuộc với 80.074 cử tri tham dự, trong đó có 29 người có kết quả tín nhiệm dưới 50% tổng số cử tri tham dự.

Những vấn đề đặt ra

Số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu có mặt bất cập, đại biểu khối nhà nước cao, trí thức, người uy tín, tiêu biểu trong khối Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội và quân chúng giảm

Cần rõ quy trình, vai trò của Trung ương Mặt trận và các địa phương trong thỏa thuận về cơ cấu, thành phần trước khi hiệp thương lần thứ nhất. Khắc phục bất cập trong điều chuyển cán bộ sau các cuộc hiệp thương lần thứ hai. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 không quy định Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp có thẩm quyền điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân sau hiệp thương lần thứ hai, gây khó khăn cho công tác hiệp thương ở địa phương; Tại Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW ngày 20/1/2021 về công tác nhân sự đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 về tiêu chuẩn, điều kiện của đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách cấp huyện. Theo đó, "ứng cử phó trưởng

ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện phải có thời gian giữ ngạch chuyên viên từ 5 năm trở lên và đã được quy hoạch vào chức vụ phó trưởng phòng hoặc tương đương ở cấp huyện trở lên". Tuy nhiên, trên thực tế có những đồng chí giữ ngạch viên chức nhiều năm, thậm chí hơn 10 năm mới chuyển sang ngạch công chức. Nếu theo hướng dẫn thì không đủ điều kiện ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách cấp huyện, gây khó khăn trong công tác cán bộ ở địa phương.

Về số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội thuộc khối Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận (gồm cả Trung ương và địa phương) khóa XV có 70 người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội (trong đó có 11 người thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, 2 người là cá nhân tiêu biểu và 57 người thuộc các tổ chức thành viên của Mặt trận). Khóa XIV có 145 người ứng cử đại biểu Quốc hội, đạt tỷ lệ 16,5%; trong đó ở Trung ương có 31 người và địa phương có 114 người. (Khóa XIII là 139 người, đạt tỷ lệ 16,71%, gồm 30 người ở Trung ương và 109 người ở địa phương). Tổng số người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV thuộc khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là 74 người (bao gồm Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên ở Trung ương và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên các cấp ở địa phương), đạt tỷ lệ 14,62% so với tổng số người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV của cả nước, so với khóa XIV giảm 4 người.

Giới thiệu người ứng cử một số nơi vẫn chưa bảo đảm số dư, Cơ cấu, thành phần ở hội nghị hiệp thương lần thứ nhất, thứ hai khá tốt, nhưng đến hội nghị hiệp thương lần thứ ba và kết quả bầu cơ cấu ngoài Đảng, tự ứng cử, tôn giáo giảm

Tổng số người được các Hội nghị hiệp thương lần thứ nhất phân bổ giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cả Trung ương và địa phương) bầu cử năm 2021 là: 1.076 người; đạt tỷ lệ bình quân là 2,15 lần so với tổng số đại biểu dự kiến được bầu. Một số nơi có tỷ lệ cao nhưng một số nơi tỷ lệ còn thấp (tỷ lệ này của kỳ bầu cử Quốc hội khóa XIV là 2,04 lần; Quốc hội khóa XIII là 2,20 lần; Quốc hội khóa XII là 2,23 lần).

Tổng số người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV là 870 người (gồm 205 người ở Trung ương và 665 người ở địa phương), đạt tỉ lệ số dư là 1,74 lần (khóa XIV là 879 người, đạt tỉ lệ số dư là 1,76 lần; khóa XIII là 832 người, đạt tỉ lệ số dư là 1,66 lần). Khối Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên các cấp có 153 người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV; trong đó ở trung ương có 29 người và địa phương có 124 người, tỉ lệ 17,48%.

Cơ cấu kết hợp: Có 394 người ứng cử là phụ nữ, tỉ lệ 45,28% (khóa XIV có 344 người, tỉ lệ 39,16%; khóa XIII có 262 người ứng cử là phụ nữ, tỉ lệ 31,49%); Có 187 người ứng cử là người dân tộc thiểu số, tỉ lệ 21,49%; có 77 người ứng cử là người ngoài Đảng, tỉ lệ 8,85%; có 205 người ứng



Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV.

ẢNH: QUANG VINH

cử là đại biểu Quốc hội khóa XIV tái ứng cử, tỉ lệ 23,56%; có 218 người ứng cử là người trẻ tuổi (dưới 40 tuổi), tỉ lệ 25,05%. Về người tự ứng cử đại biểu Quốc hội có 76 người tự ứng cử đại biểu Quốc hội tại 24 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tỷ lệ là 8,64%.

Khóa XIV có 11 người tự ứng cử, tỉ lệ 1,25%; khóa XIII có 15 người tự ứng cử, tỉ lệ 1,8%. Khóa XV danh sách tự ứng cử 76, tỷ lệ là 8,64%, danh sách bầu 9, trúng cử 4 đại biểu, tỷ lệ 0,8%. Đại biểu các tôn giáo khóa XIV là 7 đại biểu, khóa XV là 5 đại biểu, tỷ lệ 1%.

Quy trình công tác nhân sự, giới thiệu người ứng cử, lấy ý kiến cử tri về người ứng cử, việc hiệp thương, vận động bầu cử để lựa chọn được những ứng cử viên xứng đáng được tiến hành chặt chẽ, nhưng không phát hiện được đại biểu tham nhũng, tiêu cực, suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức

Vẫn còn có người ngay sau khi trúng cử không được công nhận tư cách đại biểu, ngay đầu khóa nhiều người đã bị bãi nhiệm tư cách đại biểu.

Tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi công tác và nơi cư trú, vận động bầu cử một số nơi làm chưa tốt

Công tác tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử ở một số nơi gặp một số khó khăn, hạn chế nhất định do số lượng ứng cử viên bố trí trong một hội nghị quá lớn. Một số nơi, hội nghị được tổ chức chưa thật sự chu đáo, số lượng cử tri tham dự hội nghị chỉ vừa đủ số lượng theo quy định, do vậy chất lượng của hội nghị chưa cao.

Do pháp luật chưa quy định cụ thể số lượng hội nghị tiếp xúc cử tri dẫn đến việc các tỉnh, thành phố tổ chức hội nghị rất khác nhau. Đối với bầu cử đại biểu Quốc hội: có nơi tổ chức trên 100 hội nghị, có nơi chỉ tổ chức dưới 10 hội nghị; tỷ lệ bình quân số ý kiến phát biểu tại hội nghị cũng khác nhau, có nơi 20 ý kiến/1 hội nghị, có nơi 1 ý kiến/1 hội nghị, thậm chí có nơi không có ý kiến; thành phần cử tri chưa rộng rãi, chủ yếu vẫn là đại diện một số cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, đoàn thể tại địa phương... Một số địa phương chưa thực hiện tốt, có nơi chưa tổ chức đầy đủ các hình thức vận động bầu cử cho người ứng cử đại biểu Quốc hội thông qua phương tiện thông tin đại chúng theo khoản 2 Điều 65 và Điều 67 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Vận động bầu cử của đại biểu Quốc hội năm 2021 có 664 hội nghị, với sự tham gia của 108.607 cử tri, có 3.438 lượt cử tri phát biểu ý kiến; số hội nghị tiếp xúc cử tri để vận động bầu cử của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là 1.851 hội nghị, với 176.100 cử tri tham dự, có tổng số 8.360 lượt ý kiến phát biểu; số hội nghị tiếp xúc cử tri để vận động bầu cử của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện là 7.803 hội nghị, với 500.795 cử tri tham dự, có 28.673 lượt ý kiến phát biểu; số hội nghị tiếp xúc cử tri để vận động bầu cử của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã là 40.176 hội nghị, với 2.283.353 cử tri tham dự, có 118.650 lượt ý kiến phát biểu.

Về việc vận động bầu cử: Cần có quy định cụ thể về cách thức, số lượng các hội nghị tiếp xúc cử tri, tránh sự chênh lệch quá lớn về số hội nghị cử tri giữa các địa phương; đồng

thời cần có quy định cụ thể, thống nhất về việc thực hiện song song cả hai hình thức vận động bầu cử là hội nghị tiếp xúc cử tri và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Bên cạnh đó, cần có cơ chế cụ thể để phát hiện và xử lý những trường hợp người ứng cử vi phạm quy định về vận động bầu cử.

Việc phân bổ các đại biểu về các địa phương, đơn vị bầu cử chưa phân định rõ trách nhiệm, quy trình từ đề xuất đến quyết định

Việc phân bổ người ứng cử đại biểu Quốc hội ở Trung ương về địa phương ứng cử có nơi còn chưa hợp lý, như: phân bổ nhiều người ứng cử trong cùng một khối ở Trung ương về ứng cử cùng một địa phương (khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở Trung ương có 6/28 vị cùng được phân bổ về ứng cử tại Thành phố Hồ Chí Minh¹); quy định về tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân còn chưa thật cụ thể, do vậy xảy ra tình trạng tại một số địa phương bố trí có sự chênh lệch quá rõ về năng lực, trình độ chuyên môn, chức vụ, kinh nghiệm công tác giữa những người ứng cử trong cùng một đơn vị bầu cử.

Còn có điểm phải bầu cử thêm, bầu cử lại

Tại kỳ bầu cử nhiệm kỳ 2021 - 2026, không có đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nào phải tổ chức bầu cử thêm. Có 2 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện ở 2 tỉnh Kiên Giang và Quảng Ngãi phải tổ chức bầu thêm 2 đại biểu; sau khi tổ chức bầu cử thêm đã bầu được 2 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện. Có 216 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở 188 đơn vị hành chính cấp xã thuộc 30 tỉnh, thành phố phải tổ chức bầu cử thêm. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cần bầu cử thêm là 336 đại biểu; sau khi tổ chức bầu cử thêm đã bầu được 212 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Không có đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện nào phải bầu cử lại. Có 5 đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã phải bầu cử lại 14 đại biểu; sau khi tổ chức bầu cử lại đã bầu đủ 14 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Một số đề xuất và kiến nghị

Thứ nhất, cụ thể hóa tiêu chuẩn đại biểu và cung cấp thông tin, công khai các thông tin về đại biểu. Cần quy định cụ thể hơn về tiêu chuẩn của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, nhất là đối với đại biểu hoạt động chuyên trách. Hiện quy định trong Luật còn rất chung chung, cần bổ sung cả tiêu chuẩn về đạo đức (Bộ Chính trị mới ban hành Quy định 144), để qua các vòng hiệp thương công khai, dân chủ, minh bạch đã lựa chọn được những người thực sự tiêu biểu đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân tham gia vào các cơ quan quyền lực nhà nước, giới thiệu vào các đơn vị bầu cử ai trúng cũng đủ tiêu chuẩn, khắc phục được tình trạng có sự chênh lệch quá rõ về năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác giữa những người ứng cử.

Quy định cung cấp đầy đủ thông tin của đại biểu ứng cử cho cử tri và Nhân dân biết, quy định về công khai bản kê khai tài sản của đại biểu ứng cử, hình thức công khai bản kê khai tài sản tại đơn vị bầu cử, điểm bỏ phiếu.

Thứ hai, quy định cụ thể hơn về đơn vị bầu cử và số dư. Đề nghị nghiên cứu quy định chặt chẽ hơn về đơn vị bầu cử, tỷ lệ số dư bắt buộc tại các lần hiệp thương, bảo đảm thực chất, tránh hình thức. Cụ thể, để bảo đảm số dư ở mỗi đơn vị bầu cử ít nhất là 2 theo quy định tại Điều 57 và 58 của Luật Bầu cử, nên có quy định về số dư bắt buộc trong các lần hiệp thương, kể cả đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội ở các cơ quan Trung ương.

Điểm 4 Điều 10: Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội được bầu không quá 3 đại biểu. Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu không quá 5 đại biểu. Quy định này có bất cập: đại biểu Quốc hội ở đơn vị dư 5 bầu 3 có lợi thế hơn ở đơn vị 4 bầu 2. Có ý kiến chia nhỏ đơn vị bầu cử để dư 2 bầu 1 (50/50) phương án này dễ xảy ra khả năng có thể cả hai đều không quá bán, Luật phải quy định bầu vòng 2 hoặc bầu thêm sẽ rất phức tạp và tốn kém. Đơn vị bầu đại biểu Hội đồng nhân dân không nên để 7 bầu 5, số lần cần phải nhỏ hơn để bảo đảm chất lượng đại biểu và tính đại diện, không quá nặng về cơ cấu.

Thứ ba, quy định cụ thể và thực hiện dân chủ trong hiệp thương lựa chọn người ứng cử. Dân chủ ở nước ta là thực hiện chế độ đại biểu. Giai đoạn hiệp thương là nhiệm vụ rất quan trọng trong chế độ đại biểu, có mối quan hệ chặt chẽ với hội nghị giới thiệu ứng cử, lấy tín nhiệm của các ứng viên nơi công tác và cư trú. Những năm qua, nội dung này được quy định trong Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Cuộc bầu cử vừa qua có quy định người ứng cử không đạt tín nhiệm nơi công tác hoặc nơi cư trú trên 50% thì giới thiệu người khác. Quy trình hiệp thương phải đưa vào Luật quy định cụ thể.

Kinh nghiệm phải quy định cụ thể: (1) Ban Thường trực Trung ương Mặt trận phải phối hợp chặt chẽ với Ban công tác đại biểu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, địa phương phải phối hợp chặt chẽ với Ban tổ chức cấp ủy, nội vụ; (2) Giới thiệu nhân sự ứng cử thuộc thẩm quyền của các cấp phải bảo đảm thời gian theo quy trình hiệp thương 3 bước; (3) Xác định số dư ứng cử ở bước 2 như thế nào cho đúng và phù hợp; (3) Ứng xử với trường hợp tự ứng cử để xã hội và người ứng cử không mặc cảm; (4) Tổ chức hội nghị cử tri lấy tín nhiệm với ứng cử dân chủ, công khai, thành phần rộng rãi; (5) Tổ chức hội nghị hiệp thương lần 2 và 3, phương thức để người ứng cử rút hoặc lựa chọn qua tín nhiệm cho đúng luật để danh sách gửi sang Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử thực sự là những người tiêu biểu, đáp ứng chất lượng, cơ cấu, thành phần, số dư.

Thứ tư, phân bổ đại biểu về các địa bàn ứng cử. Cần quy định cụ thể bảo đảm sự phối hợp giữa các cơ quan ở Trung ương và địa phương về số lượng, danh sách trước khi phân

bổ các đại biểu về các đơn vị bầu cử của Hội đồng bầu cử và Ủy ban bầu cử các cấp.

Đề nghị Quốc hội nghiên cứu, quy định việc phân bổ người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân về các địa phương ứng cử. Trong đó, nên quan tâm đến các yếu tố gắn liền với nhân thân người ứng cử như: quê quán, nơi sinh, nơi công tác, nơi thường xuyên sinh sống để cử tri có điều kiện hiểu rõ hơn về người ứng cử. Đồng thời, đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội trong cùng một khối ở Trung ương thì nên phân bổ đều cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Có như vậy, sau khi trúng cử người đại biểu dân cử trong khối mới có điều kiện nắm bắt đầy đủ tâm tư, nguyện vọng của cử tri ở các địa phương khác nhau.

Thứ năm, bảo đảm công bằng và quyền vận động tranh cử của người ứng cử. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, ngoài quy định việc tổ chức các hội nghị cử tri, các hội nghị vận động bầu cử của người ứng cử đại biểu Quốc hội với hai hình thức: hội nghị tiếp xúc cử tri và thông qua phương tiện thông tin đại chúng thì nên nghiên cứu, bổ sung đa dạng hơn các hình thức vận động bầu cử, phù hợp với tình hình thực tế và ứng dụng được các thành tựu về công nghệ, thông tin.

Sửa đổi Điều 45, Điều 54, Điều 65 Luật Bầu cử 2015 theo hướng mở rộng, đa dạng hơn các hình thức vận động bầu cử, phù hợp với tình hình thực tế và ứng dụng được các thành tựu về công nghệ, thông tin. Sửa đổi các quy định của Luật để chi tiết, đầy đủ hơn về nguyên tắc vận động bầu cử, về thời gian vận động bầu cử, về ứng viên Chương trình hành động và cam kết trách nhiệm thực hiện của ứng viên khi vận động tranh cử, về trách nhiệm phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Đoàn đại biểu Quốc hội, chính quyền địa phương, về quyền và trách nhiệm của người ứng cử, về những điều cấm và chế tài xử lý vi phạm trong quá trình vận động bầu cử... để cuộc vận động bầu cử thực chất, công bằng, khách quan, cử tri được tiếp xúc và hiểu, đồng tình rõ hơn về ứng cử viên.

Xem lại quy định số lượng các cuộc tiếp xúc tối thiểu cho từng cấp bao nhiêu là phù hợp với từng vùng, miền, địa phương. Cấp dưới cơ sở (thôn, làng, ấp bản, tổ dân phố) giới thiệu đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã với việc tổ chức lấy tín nhiệm nơi cư trú của đại biểu không nhất thiết phải tổ chức 2 cuộc như các quy trình hướng dẫn hiện nay.

Sửa đổi Luật Bầu cử 2015 theo hướng tăng thêm thời gian cho mỗi giai đoạn trong công tác bầu cử, tăng thêm thời gian cho việc tiếp xúc giữa cử tri với người ứng cử, để cử tri có điều kiện tiếp xúc, nghe người ứng cử trình bày chương trình hành động của mình khi được trúng cử. Việc tăng thêm thời gian này cũng để các cơ quan của Ủy

ban bầu cử các cấp có thêm thời gian chuẩn bị và in ấn các tài liệu cần thiết về từng người ứng cử. Có quy định về việc tuyên truyền, mạn đàm tiểu sử, chương trình hành động của người ứng cử.

Thứ sáu, rà soát quy định, quy trình và thời gian chuyển hồ sơ, tài liệu giữa các cơ quan. Đề nghị Quốc hội rà soát, có quy định thời gian cụ thể việc chuyển hồ sơ tài liệu của Hội đồng bầu cử Quốc gia, Ủy ban bầu cử các cấp để Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có đủ thời gian nghiên cứu, rà soát trước khi trình các hội nghị hiệp thương. Quy định rõ hơn trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân giới thiệu đại biểu ứng cử trong việc bảo đảm tiêu chuẩn, phẩm chất đại biểu, tránh vừa mới bầu xong đã phải xem xét kỷ luật, khuyết đại biểu. Tại hội nghị hiệp thương cơ quan có thẩm quyền phải trả lời rõ những vấn đề đại biểu dự hội nghị hiệp thương quan tâm đến từng ứng cử viên.

Thứ bảy, rà soát lại các thủ tục lập danh sách cử tri, chuyển bầu cử nơi khác, tạo thuận lợi nhất cho công dân thực hiện quyền bầu cử. Cuộc bầu cử vừa qua có một tỷ lệ không nhỏ cử tri đi làm ăn xa nhưng vẫn để danh sách cử tri ở nơi có hộ khẩu, không phân biệt thường trú, tạm trú, dẫn đến hiện tượng bầu hộ vì ngày bầu cử không về được. Thủ tục chuyển đi bầu cử nơi khác của công dân cũng gặp nhiều khó khăn giữa nơi đi và nơi đến phải trực tiếp xin mà không qua điện tử.

Thứ tám, cụ thể hơn về giám sát trong ngày bầu cử và thời gian kiểm phiếu. Đề nghị Quốc hội có quy định chặt chẽ hơn về giám sát trong ngày bầu cử, giám sát việc kiểm phiếu, lập danh sách người tạm trú. Thời gian kiểm phiếu, giám sát việc kiểm phiếu, lập danh sách người trúng cử để khắc phục những thiếu sót đã xảy ra trong các cuộc bầu cử vừa qua ở một số địa phương.

Sửa đổi Điều 73 Luật Bầu cử 2015 theo hướng: Việc kiểm phiếu được thực hiện ngay trong ngày bỏ phiếu khi tại đơn vị bỏ phiếu đã bảo đảm 100% số cử tri trong danh sách bỏ phiếu, đảm bảo tính chính xác của việc kiểm phiếu và sức khỏe của thành viên tổ kiểm phiếu.

Thứ chín, thể chế quyền dân chủ trực tiếp của người dân trong việc bầu và bãi nhiệm đại biểu do mình bầu ra.

Quy định bầu bổ sung tại các đơn vị khuyết đại biểu do miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Mười là, các điều kiện bảo đảm cho bầu cử thành công.

Rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong chuẩn bị trước, trong và sau bầu cử, bảo đảm chỉ đạo, triển khai đồng bộ, thống nhất, kinh phí bầu cử kịp thời. ❖

Chú thích:

1. Trung ương giới thiệu 13 người về ứng cử tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ chế chính trị - pháp lý nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong tiếp thu, giải trình, giải quyết và phản hồi kiến nghị sau giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

TRẦN NGỌC ĐƯƠNG*

Tóm tắt: Giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước thuộc cơ chế Nhân dân trực tiếp kiểm soát quyền lực nhà nước đã được Hiến pháp năm 2013, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 quy định. Tại Nghị quyết 27 NQ/TW ngày 9/11/2022 kỳ họp thứ 6 khóa XIII của Ban Chấp hành Trung ương nhấn mạnh phải: "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế để nhân dân trực tiếp kiểm soát quyền lực nhà nước".

Summary: The social supervision and criticism of the Vietnam Fatherland Front is a method of state power control under the mechanism of People's direct control of state power, as stipulated in the 2013 Constitution and the 2015 Law on the Vietnam Fatherland Front. Resolution 27-NQ/TW dated November 9, 2022, from the 6th session of the 13th Central Committee, emphasized the need to "continue building and perfecting mechanisms for the People to directly control state power."

Từ khóa: Giám sát, phản biện xã hội; kiểm soát quyền lực nhà nước; Nghị quyết 27 NQ/TW; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
Keywords: Social supervision and criticism; control state power; Resolution 27 NQ/TW; the Vietnam Fatherland Front.
Nhận bài: 18/6/2024; *Sửa chữa:* 25/6/2024; *Duyệt đăng:* 28/6/2024.

Nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các cuộc giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc góp phần cùng với các cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước khác (như cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước bên trong bộ máy nhà nước bao gồm cơ chế kiểm soát giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước giữa các cơ quan nhà nước trong cùng một cấp, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước của cơ quan cấp trên đối với cơ quan cấp dưới và cơ chế kiểm soát độc lập theo Nghị quyết 27 NQ/TW) tạo thành sức mạnh tổng hợp trong kiểm soát Nhà nước trong đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực trong bộ máy nhà nước.

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc phải sử dụng tổng hợp nhiều yếu tố như từ nâng cao nhận thức về vị trí và vai trò của giám sát, phản biện xã hội; xây dựng chương trình, kế hoạch lựa chọn chủ đề giám sát và phản biện xã

hội đúng, phù hợp; tổ chức chu đáo, khoa học một cuộc giám sát, phản biện xã hội; đưa ra được nhận xét, kết luận, kiến nghị sắc sảo, có sức thuyết phục. Tuy nhiên, hiệu lực và hiệu quả của giám sát và phản biện xã hội không dừng lại ở đó, mà vấn đề cơ bản cuối cùng là các kết luận, kiến nghị rút ra từ một cuộc giám sát được cơ quan, cá nhân có thẩm quyền là đối tượng chịu sự giám sát tiếp thu, khắc phục, thực hiện những kết luận, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam rút ra qua cuộc giám sát như thế nào? Thực tiễn thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp được tăng cường, hàng nghìn cuộc giám sát và phản biện xã hội được thực hiện mỗi năm. Các hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từng bước đi vào nề nếp. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã tích cực bám sát chương trình, kế hoạch của cấp ủy, chính quyền các cấp và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền của địa phương, những vấn đề xã hội và Nhân dân quan tâm, bức xúc để giám sát, phản biện xã hội hàng năm; luôn gắn giám sát, phản biện xã

* Giáo sư, Tiến sĩ, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.



Bộ Nội vụ tổ chức Hội thảo khoa học góp ý vào dự thảo Báo cáo của Chính phủ tổng kết pháp luật về thực hiện dân chủ trực tiếp; đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về thực hiện dân chủ trực tiếp, tháng 6/2024.

ẢNH: THU TRANG

hội với nhiệm vụ lắng nghe ý kiến Nhân dân, vận động Nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật, các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sáu tháng, một năm đã tổng hợp kết quả giám sát và kiến nghị gửi Quốc hội tại các kỳ họp; Mặt trận các cấp ở địa phương đã xây dựng báo cáo giám sát và tổng hợp kiến nghị gửi Hội đồng nhân dân cùng cấp tại các kỳ họp. Việc xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân tại các kỳ họp Quốc hội, thông báo xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc các cấp trình tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân có nhiều đổi mới, được các cấp và Nhân dân quan tâm, đánh giá cao. Nhiều kiến nghị sau giám sát, sau phản biện xã hội có chất lượng tốt được các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tiếp thu, phản hồi, nhất là các kiến nghị sau giám sát, đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, tổ chức, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, hạn chế vi phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, nhiều ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được các cơ quan, tổ chức có dự thảo tiếp thu, chỉnh lý, góp phần nâng cao chất lượng các văn bản, đề án... Qua các hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giúp cơ quan có thẩm quyền hoạch định, thực thi có hiệu quả hơn các chính sách, pháp luật, góp

phần quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, ổn định tình hình Nhân dân, thực hiện các mục tiêu phát triển của các địa phương. Tuy nhiên, chất lượng, hiệu lực và hiệu quả của các cuộc giám sát đó nguyên tắc như thế nào thì cần được quan tâm. Đúng như Chỉ thị số 18 - CT/TW ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã chỉ rõ: “Việc xây dựng triển khai các chương trình, kế hoạch, giám sát, phản biện xã hội có lúc, có nơi chưa chủ động, kịp thời, thiếu trọng tâm, trọng điểm, còn hình thức; các ý kiến, kiến nghị sau giám sát, phản biện xã hội chưa sâu, tính thuyết phục chưa cao; việc theo dõi đôn đốc giải quyết kiến nghị thiếu quyết liệt, chưa đi đến cùng. Một số tổ chức cá nhân có thẩm quyền, trách nhiệm chưa thực hiện nghiêm túc việc trả lời, giải quyết các ý kiến, kiến nghị sau giám sát, phản biện xã hội”.

Để khắc phục tình trạng “theo dõi, đôn đốc giải quyết kiến nghị thiếu quyết liệt chưa đi đến cùng” mà Ban Bí thư đã chỉ ra trong Chỉ thị 18 - CT/TW, cần phải hình thành một cơ chế chính trị pháp lý sau giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Cơ chế chính trị, pháp lý này nhằm nâng cao trách nhiệm của chủ thể giám sát là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Cơ chế chính trị, pháp lý này nhằm nâng cao trách nhiệm

của cả chủ thể giám sát là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và cả các chủ thể là đối tượng chịu sự giám sát trong việc tiếp thu, giải trình, giải quyết và phản hồi các kiến nghị sau giám sát và phản biện xã hội.

Cũng như các cơ chế chính trị, pháp lý khác, cơ chế chính trị, pháp lý sau giám sát và phản biện xã hội cũng bao gồm các thiết chế, các thể chế và các điều kiện đảm bảo cho cơ chế vận hành.

Về thiết chế của cơ chế chính trị, pháp lý sau giám sát, phản biện xã hội

Thứ nhất, Ban Thường trực của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc. Đây là thiết chế có trách nhiệm rất quan trọng để theo dõi thúc đẩy việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau giám sát, phản biện xã hội. Theo đó, cần quy định đầy đủ, quyền và trách nhiệm cụ thể của thiết chế này đối với cơ quan, tổ chức là đối tượng chịu sự giám sát, phản biện xã hội.

Thứ hai, cơ quan, tổ chức là đối tượng chịu giám sát và phản biện xã hội. Đây là các thiết chế trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các kết luận, kiến nghị sau giám sát, phản biện xã hội. Các kết luận, kiến nghị sau giám sát và phản biện xã hội có trở thành hiện thực trên thực tế hay không phụ thuộc phần lớn vào trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu các cơ quan, tổ chức này. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện các quy định về trách nhiệm chính trị, pháp lý đối với người đứng đầu các cơ quan, tổ chức là đối tượng chịu sự giám sát, phản biện xã hội trong việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau giám sát.

Về thể chế của cơ chế chính trị, pháp lý sau giám sát, phản biện xã hội

Thứ nhất, các thể chế về quyền và trách nhiệm của các thành viên trong đoàn giám sát và phản biện xã hội, nhất là quyền và trách nhiệm của trưởng đoàn giám sát và người chủ trì một cuộc họp phản biện xã hội đối với việc thúc đẩy thực hiện các kết luận kiến nghị sau giám sát, phản biện xã hội. Đồng thời, phải quy định đầy đủ quyền và trách nhiệm chính trị, pháp lý của Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc các cấp, nhất là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp.

Thứ hai, các thể chế quy định trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức là đối tượng chịu sự giám sát và phản biện xã hội trong việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau khi giám sát.

Thứ ba, các thể chế quy định chế tài đối với người đứng đầu chủ thể giám sát, phản biện xã hội và nhất là người đứng đầu của cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát, phản biện xã hội, khi không thực hiện hay thực hiện không đầy đủ các kết luận kiến nghị sau giám sát và phản biện xã hội.

Thứ tư, các thể chế quy định về điều kiện đảm bảo thực hiện các kết luận, kiến nghị sau giám sát và phản

biện xã hội, trong đó có các quy định về ngân sách cho việc theo dõi và thực hiện các kiến nghị, kết luận sau giám sát.

Thứ năm, các điều kiện vận hành cơ chế chính trị, pháp lý sau giám sát và phản biện xã hội. Đó là hình thành môi trường pháp lý công khai, minh bạch trong việc thực hiện các kiến nghị, kết luận sau giám sát và phản biện xã hội. Phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia kiểm tra, giám sát và phản biện xã hội. Trong đó, chú trọng vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc thúc đẩy, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau giám sát và phản biện xã hội.

Có thể nói các yếu tố nói trên của cơ chế chính trị, pháp lý sau giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội chưa hình thành một cách đầy đủ. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, cũng như các đạo luật liên quan chưa quy định đầy đủ các yếu tố cấu thành cơ chế nói trên, nên tình trạng hiệu lực và hiệu quả giám sát và phản biện xã hội không cao, giám sát và phản biện xã hội không đi đến cùng. Vì thế, xây dựng và hoàn thiện cơ chế đề cao trách nhiệm của các chủ thể trong việc thực hiện các kết luận kiến nghị sau giám sát và phản biện xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung, kiểm soát quyền lực nhà nước của Mặt trận Tổ quốc nói riêng.

Cơ chế trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc tiếp thu giải trình, giải quyết và phản hồi các kết luận kiến nghị sau giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được hình thành bằng việc sửa Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 hoặc ban hành một Nghị quyết liên tịch giữa Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ. Nội dung của cơ chế này bao gồm các quy định:

Một là, Quy định về quyền và trách nhiệm của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong việc thực hiện các kết luận giám sát và phản biện do mình ra quyết định giám sát, trong đó quy định rõ trách nhiệm của người quyết định giám sát hay phản biện xã hội.

Hai là, Quy định về trách nhiệm tiếp thu, giải trình, giải quyết và phản hồi các kết luận, kiến nghị và kết quả thực hiện trong thực tế đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức là đối tượng giám sát và ban hành văn bản được phản biện.

Ba là, Quy định các chế tài xử lý chủ yếu là các chế tài mang tính chính trị, pháp lý như phê bình, khiển trách nhắc nhở người đứng đầu.

Bốn là, Quy định về các điều kiện để thực hiện các quyền và trách nhiệm. ❖

Giải pháp bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh hiện nay

NGUYỄN NHƯ QUỲNH*

Tóm tắt: Xây dựng nền tài chính quốc gia phát triển bền vững, hiện đại và hội nhập, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, tăng cường khả năng chống chịu của nền kinh tế, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và an ninh tài chính quốc gia là mục tiêu quan trọng của Chiến lược Tài chính đến năm 2030. Việc đảm bảo an ninh tài chính có ý nghĩa quan trọng, là một trong những điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế an toàn, ổn định và bền vững trong trung và dài hạn, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới và tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Summary: Building a sustainable, modern, and integrated national financial system that promotes growth, enhances the resilience of the economy, and ensures macroeconomic stability and national financial security is a key objective of the Financial Strategy to 2030. Ensuring financial security is of great importance and is one of the prerequisites for safe, stable, and sustainable economic development in the medium and long term, especially in the context of Vietnam's deeper integration into the global economy and participation in new generation free trade agreements.

Từ khóa: Kinh tế; tài chính; hội nhập; an toàn, bền vững; ổn định kinh tế vĩ mô; Việt Nam.

Keywords: Economy; finance; integration; safe and sustainable; macroeconomic stability; Vietnam.

Nhận bài: 12/6/2024; *Sửa chữa:* 18/6/2024; *Duyệt đăng:* 25/6/2024.

Kết quả đạt được trong bảo đảm an toàn, bền vững nền tài chính quốc gia giai đoạn vừa qua

An ninh, an toàn tài chính quốc gia là khái niệm cơ bản để chỉ tình trạng ổn định và vững mạnh của nền tài chính quốc gia, được xem xét và nhìn nhận trên các góc độ vĩ mô (tài chính công) và góc độ vi mô (thị trường tài chính, doanh nghiệp, định chế tài chính...). Ở Việt Nam, trong giai đoạn vừa qua, an ninh, an toàn tài chính quốc gia được đảm bảo trên hầu hết các trụ cột như ngân sách nhà nước (quy mô thu ngân sách nhà nước, tỷ lệ thu nội địa, quy mô chi ngân sách nhà nước, tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước); nợ công (quy mô và cơ cấu nợ) và thị trường tài chính (các cấu phần của thị trường tài chính, quy mô tài sản và năng lực tài chính của các định chế tài chính).

Đảm bảo an toàn, bền vững tài chính công

Vấn đề an ninh, an toàn tài chính công thể hiện ở góc độ bền vững tài khóa, trong đó đề cập đến các vấn đề bền vững liên quan đến thu chi ngân sách và kiểm soát nợ công, cũng như các yếu tố khác liên quan đến nghĩa vụ nợ dự phòng của Chính phủ.

Hoàn thiện quản lý tài chính - ngân sách nhà nước góp phần nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ nguồn lực

Về thể chế quản lý tài chính - ngân sách nhà nước tiếp tục được hoàn thiện đồng bộ trên nhiều phương diện, động viên hợp lý, phân phối và sử dụng tiết kiệm, chặt chẽ, hiệu quả hơn các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, góp phần nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực, đảm bảo an ninh, an toàn

* Tiến sĩ, Viện trưởng Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, Bộ Tài chính.

tài chính công. Theo đó, hệ thống chính sách thuế tiếp tục được hoàn thiện đảm bảo thống nhất, minh bạch, rõ ràng, đảm bảo công bằng, mở rộng cơ sở thu phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, hội nhập quốc tế, nhờ đó đã động viên hợp lý, kịp thời các nguồn lực cho ngân sách nhà nước. Quy mô thu ngân sách nhà nước ngày càng được mở rộng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chi ngân sách nhà nước. Tổng thu ngân sách nhà nước của giai đoạn 2016 - 2022 đạt khoảng 10,3 triệu tỷ đồng. Năm 2023, dự toán thu là 1.620,7 nghìn tỷ đồng, thực hiện đạt 1.754,1 nghìn tỷ đồng, tăng 133,4 nghìn tỷ đồng (tương đương tăng 8,2%) so với dự toán. Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước đạt 17,2%GDP, riêng từ thuế và phí đạt 13,3%GDP.

Quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, linh hoạt, hiệu quả, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước và thanh toán các khoản nợ đến hạn trong bối cảnh dịch bệnh từ đầu năm 2020. Thực hiện chi ngân sách nhà nước năm 2023 đạt 2.109,9 nghìn tỷ đồng, tăng 33,6 nghìn tỷ đồng (tương đương tăng 1,6%) so dự toán.

Cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước hợp lý, an toàn, bền vững

Trong giai đoạn vừa qua, thu ngân sách nhà nước được cơ cấu lại theo định hướng cải cách hệ thống thuế là tăng dần tỷ trọng nguồn thu trong nước để bù đắp nguồn thu từ thuế xuất - nhập khẩu giảm, do thực hiện các cam kết quốc tế và nguồn thu từ dầu do sự biến động của giá dầu thế giới, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn ngân sách nhà nước. Cơ cấu thu ngân sách nhà nước ngày càng bền vững hơn, thu nội địa ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu ngân sách nhà nước ở mức bình quân 76,7% giai đoạn 2011 - 2020 lên mức 79,5% năm 2022 và mức 83,9% trong năm 2023. Thu ngân sách tăng cao, nhờ đó đã đảm bảo thực hiện đầy đủ nhu cầu chi ngân sách cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

Cơ cấu chi ngân sách nhà nước chuyển dịch sát với chủ trương, định hướng tái cơ cấu nền kinh tế, tăng hợp lý tỷ trọng chi đầu tư phát triển, tăng chi cho con người, chi phát triển lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả nền kinh tế, đảm bảo ổn định an sinh xã hội cho người dân. Trong đó, chi đầu tư phát triển tăng từ 27,51% tổng chi ngân sách nhà nước năm 2017 lên mức 34,4% thực hiện năm 2023, đặc biệt, trong giai đoạn 2020 - 2023, chi đầu tư được tăng mạnh với vai trò là động lực thúc đẩy của nền kinh tế trước đại dịch, cao hơn mức mục tiêu cơ cấu lại ngân sách nhà nước đến năm 2020 và chiến lược tài chính đến 2030; chi thường xuyên giảm từ 65,5% năm 2017 xuống mức 59,1% năm 2022 và

55,5% thực hiện năm 2023, thấp hơn mức mục tiêu 63% tổng chi ngân sách nhà nước.

Với việc thực hiện kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm theo Luật Ngân sách nhà nước 2015 và kế hoạch đầu tư công trung hạn đã tạo nên tính tích cực của nguồn vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ, tránh đầu tư dàn trải, giảm đứt gãy vốn của dự án đầu tư, tăng tính khả thi cho các dự án đầu tư, khắc phục tình trạng công trình xây dựng dở dang do thiếu vốn. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thể hiện qua chỉ số ICOR đang dần được cải thiện, từ mức 6,08 năm 2017 giảm xuống còn 5,76 năm 2019; năm 2020, 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tốc độ tăng trưởng GDP giảm mạnh, tác động đến hệ số ICOR tăng cao ở mức tương ứng là 14,27 và 15,57. Năm 2022 - 2023, hiệu quả đầu tư đã được cải thiện mạnh mẽ, tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu phục hồi, hệ số ICOR tương ứng là 5,13 năm 2022 và 6 vào năm 2023. Hệ số ICOR giảm cho thấy những tín hiệu tích cực, khi lượng vốn đầu tư cần thực hiện ít hơn để tạo ra một đồng tăng trưởng tại Việt Nam.

Cân đối ngân sách nhà nước được duy trì theo các mục tiêu đề ra, các chỉ tiêu nợ công được đảm bảo trong phạm vi cho phép của Quốc hội

Trong bối cảnh kinh tế phát triển không thuận lợi, tăng trưởng không ổn định, ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước cũng như áp lực tăng chi ngân sách nhà nước để phục hồi và ổn định kinh tế vĩ mô và tăng khả năng huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, nên những năm qua, Việt Nam đã chủ động điều hành bội chi ngân sách nhà nước theo hướng linh hoạt, chấp nhận bội chi cao ở một số thời điểm để có thêm nguồn lực cho đầu tư phát triển và hỗ trợ tổng cầu¹. Đồng thời, Việt Nam đã chủ động thực hiện một số biện pháp để giảm mức bội chi tăng cao như ưu tiên sử dụng một số khoản tăng thu để giảm bội chi ngân sách nhà nước..., theo đó, mức bội chi thực tế thực hiện được giữ ở mức Quốc hội cho phép, bình quân bội chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2017 - 2021 đạt 2,83% GDP, năm 2022 ở mức 3,07% GDP, năm 2023 bằng 3,5% GDP.

Công tác quản lý nợ công được thực hiện chặt chẽ, với nguyên tắc đảm bảo nhiệm vụ huy động vốn vay để đáp ứng nhu cầu cân đối ngân sách nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội với mức độ chi phí - rủi ro phù hợp; kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu an toàn nợ trong từng thời kỳ; thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn trong nước.

Trong giai đoạn 2017 - 2023, các chỉ tiêu an toàn nợ được kiểm soát chặt chẽ, cơ cấu danh mục nợ công và nợ Chính phủ được cải thiện rõ nét theo hướng tăng tỷ trọng nợ trong nước, giảm tỷ trọng nợ nước ngoài. Ước thực hiện các chỉ tiêu nợ đến cuối năm 2023 như sau: dư nợ công/GDP khoảng 37%, dư nợ Chính phủ/GDP khoảng

34%, dư nợ nước ngoài của quốc gia/GDP khoảng 33,5%, nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ/tổng thu ngân sách nhà nước khoảng 15,7%. Huy động vốn đáp ứng nhu cầu của ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển. Thực hiện thanh toán trả nợ đầy đủ, đúng hạn, đảm bảo nghĩa vụ nợ theo cam kết. Giảm nợ công, kiểm soát chặt chẽ nghĩa vụ nợ dự phòng, tăng cường áp dụng các thông lệ quốc tế trong quản lý nợ góp phần củng cố bền vững nợ và hồ sơ tín dụng quốc gia.

Trong giai đoạn từ 2017 đến nay, Việt Nam liên tục được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm nâng hạng. Năm 2018, Việt Nam được Moody's nâng hạng từ B1 lên Ba3, Fitch nâng hạng từ BB- lên BB; năm 2019 S&P nâng hạng Việt Nam từ BB- lên BB. Năm 2022, hai tổ chức S&P nâng từ mức BB lên mức BB+, triển vọng ổn định, Moody's nâng từ mức Ba3 lên mức Ba2, triển vọng ổn định. Năm 2023, Moody's và S&P tiếp tục giữ xếp hạng Việt Nam lần lượt ở mức Ba2 và BB+/B với triển vọng ổn định; trong khi Fitch nâng mức xếp hạng lên mức BB+ với triển vọng ổn định. Điều này tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực và là cơ hội cho Chính phủ đa dạng hóa kênh huy động vốn cho đầu tư phát triển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đảm bảo an toàn, an ninh thị trường tài chính, thị trường chứng khoán

Các cấu phần của thị trường tài chính trở nên cân đối hơn, góp phần đa dạng hóa các kênh cung ứng, phân bổ vốn, phân bổ rủi ro, giảm dần sự phụ thuộc vào hệ thống tín dụng. Trong những năm gần đây, sự phát triển nhanh chóng của thị trường cổ phiếu, thị trường trái phiếu... đã góp phần khiến cơ cấu thị trường vốn trở nên cân đối hơn so với thị trường tín dụng. Thị trường vốn có tốc độ tăng trưởng bình quân trên 28,5%/năm giai đoạn 2016 - 2021, riêng năm 2021 là 33,2%. Quy mô huy động vốn qua thị trường chứng khoán trong giai đoạn 2011 - 2020 đạt trên 2,4 triệu tỷ đồng, gấp 8 lần so với giai đoạn 2000 - 2010, đóng góp bình quân 20% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đưa thị trường chứng khoán trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng. Tính đến hết năm 2023, quy mô thị trường vốn đạt 78,1% GDP, trong đó: vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 58,1% GDP, quy mô thị trường trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp khoảng 20% GDP ước tính của năm 2023². Thị trường vốn đã trở thành kênh huy động vốn quan trọng của doanh nghiệp.

Các cấu phần của thị trường tài chính dần hoàn thiện và phát huy vai trò đa dạng hóa danh mục đầu tư, phòng vệ rủi ro đầu tư hiệu quả cho nhà đầu tư, góp phần ổn định thị trường tài chính - tiền tệ trong nước, và kinh tế vĩ mô nói chung. Khi thị trường chứng khoán cơ sở vào giai đoạn điều chỉnh, sản phẩm hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 ngày càng thu hút nhà đầu tư tham gia. Khối lượng giao dịch bình quân năm 2022 của hợp

đồng tương lai trên chỉ số VN30 đạt trên 270 nghìn hợp đồng/phiên, tăng 44% so với bình quân năm trước. Năm 2023, thị trường cơ sở đã ghi nhận mức tăng trưởng tích cực khi chỉ số VN-index tăng 12,2%, hoạt động trên thị trường phái sinh giảm nhẹ, khối lượng giao dịch bình quân của hợp đồng tương lai trên chỉ số VN30 tính từ đầu năm đến nay đạt trên 236 nghìn hợp đồng/phiên, giảm 13% so với năm 2022.

Quy mô tài sản và năng lực tài chính của các định chế tài chính, đặc biệt là ngân hàng thương mại nhà nước tăng lên. Tính đến cuối năm 2023, tổng tài sản của các ngân hàng thương mại nhà nước đã đạt hơn 8,3 triệu tỷ đồng, tăng 8,43% so với năm 2022. Điều này không chỉ củng cố vị thế của các ngân hàng này trong hệ thống ngân hàng thương mại, nơi các ngân hàng này chiếm tới 48% tổng tài sản, mà còn phản ánh tính lành mạnh và khả năng phục hồi của các ngân hàng này trong bối cảnh kinh tế hiện tại. Bên cạnh đó, tổng tài sản của toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng đã tăng hơn 20 triệu tỷ đồng, với các ngân hàng thương mại nhà nước đóng góp 41,5%. Ngoài ra, tổng vốn điều lệ của hệ thống các tổ chức tín dụng tăng 14,4% so với cuối năm 2022, đạt gần 1,003 triệu tỷ đồng, trong đó nhóm các ngân hàng thương mại Nhà nước có tổng vốn điều lệ đạt 217.882 tỷ đồng, tăng 14,41%. Các chỉ số này cho thấy sự gia tăng quy mô tài sản và khả năng tài chính của các ngân hàng thương mại nhà nước tại Việt Nam, đóng góp vào việc bảo đảm một nền tài chính quốc gia an toàn và bền vững, đồng thời ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh hiện nay.

Nhận diện rủi ro, thách thức trong đảm bảo an toàn, bền vững nền tài chính quốc gia

Rủi ro từ thu ngân sách nhà nước

Cơ cấu thu ngân sách nhà nước từ thuế còn dựa nhiều vào các sắc thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, các khoản thu từ thuế thu nhập cá nhân còn thấp. Cơ cấu thu nội địa chưa thực sự bền vững, tốc độ tăng thu nội địa có xu hướng chậm lại, nguyên nhân là do trong những năm vừa qua, kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là thách thức không nhỏ để hoàn thành mục tiêu tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu ngân sách nhà nước đến năm 2025 đạt 85 - 86% theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030. Nguồn thu từ các doanh nghiệp nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách nhà nước so với nguồn thu từ các doanh nghiệp FDI hoặc các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Thách thức trong quản lý thuế đối với các mô hình kinh doanh mới và các giao dịch xuyên biên giới dựa trên nền tảng công nghệ số. Sự phát triển thương mại điện tử

dẫn đến sự ra đời nhiều loại hình dịch vụ, đặt ra nhiều thách thức với cơ quan thuế trong việc xác định bản chất giao dịch, vai trò của từng bên tham gia giao dịch, doanh thu, chi phí, thu nhập, cơ sở thường trú để vừa quản lý thu thuế phát sinh với hoạt động này, vừa để tạo công bằng trong môi trường kinh doanh cũng như tạo thuận lợi cho loại hình kinh doanh này phát triển.

Rủi ro từ chi ngân sách nhà nước

Áp lực chi ngân sách nhà nước vẫn còn lớn cho các nhiệm vụ phục hồi, phát triển kinh tế và ổn định đời sống người dân. Trước những thách thức của nền kinh tế, Việt Nam vẫn phải tiếp tục duy trì các biện pháp kích thích kinh tế, tăng cường đầu tư và tiêu dùng để duy trì đà tăng trưởng, khi đó sẽ buộc phải tăng chi ngân sách nhà nước nhiều hơn để thực hiện các biện pháp ổn định an sinh xã hội cho người dân. Ngoài ra, ngân sách cũng cần có dự địa nhằm ứng phó với những diễn biến phức tạp bất ngờ của kinh tế thế giới.

Giải ngân vốn đầu tư công đã cải thiện nhưng còn chậm làm giảm hiệu quả nguồn lực ngân sách nhà nước vào phát triển kinh tế - xã hội. Tỷ lệ giải ngân vốn năm 2023 đạt 93,12% kế hoạch vốn năm, tuy nhiên, tỷ lệ giải ngân vốn ngoài nước rất thấp, chỉ khoảng 49,5% kế hoạch vốn năm.

Rủi ro của thị trường tài chính

Quy mô thị trường tài chính Việt Nam còn nhỏ, chịu ảnh hưởng lớn từ những biến động của tình hình kinh tế - tài chính toàn cầu. Diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2022 - 2023 cho thấy sự biến động của chỉ số, thanh khoản thị trường lớn hơn, khó dự báo hơn trước đây. So với các nước trong khu vực, quy mô thị trường trái phiếu chính phủ còn nhỏ (tổng dư nợ trái phiếu chính phủ cuối năm 2023 khoảng 1,8 triệu tỷ đồng, tương đương 17,6% GDP ước tính của năm 2023), mức độ phát triển chưa cao nên dễ bị ảnh hưởng từ những diễn biến trên thị trường tiền tệ trong và ngoài nước.

Thị trường chứng khoán vẫn còn tồn tại một số hạn chế liên quan đến hạ tầng, công khai, minh bạch và tính chuyên nghiệp... ảnh hưởng đến niềm tin của nhà đầu tư vào thị trường. Cơ cấu nhà đầu tư chủ yếu là nhà đầu tư cá nhân, thiếu vắng nhà đầu tư dài hạn có tiềm lực tài chính mạnh như các quỹ hưu trí, quỹ đầu tư. Đặc điểm cơ cấu nhà đầu tư này làm gia tăng biến động trên thị trường khi gặp các cú sốc do các nhà đầu tư cá nhân còn hạn chế về kiến thức, dòng tiền thiếu ổn định. Năng lực của các doanh nghiệp niêm yết còn thấp, các yêu cầu quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường chứng khoán phát triển. Chất lượng báo cáo tài chính của doanh nghiệp đại chúng có những hạn chế nhất định. Chất lượng quản trị doanh nghiệp đã có cải thiện nhưng còn thấp so với mặt bằng chung của

một số nước trong khu vực. Một số yếu tố cũng có thể tác động tiêu cực đến khả năng chống chịu của thị trường chứng khoán trong giai đoạn tới như nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu kết hợp lạm phát cao, khoảng trống pháp lý đối với các dịch vụ tài chính số, sức ép về thay đổi mô hình quản lý, giám sát trong bối cảnh mới, rủi ro về bảo mật thông tin, an ninh mạng và phòng chống tội phạm công nghệ cao trong lĩnh vực tài chính...

Bên cạnh đó, thị trường tài chính vẫn phụ thuộc vào hoạt động của ngân hàng thương mại. Ngân hàng thương mại là các nhà đầu tư chủ yếu trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp; do đó, phản ứng của ngân hàng thương mại trước các biến động ngắn hạn của thị trường cũng ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn, dẫn đến việc có thể không huy động được đủ khối lượng theo nhu cầu hoặc phải huy động với chi phí cao.

Giải pháp đảm bảo an toàn, bền vững tài chính quốc gia góp phần ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh hiện nay

Kinh tế thế giới vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro và nguy cơ tiềm ẩn, bắt nguồn từ những vấn đề như: chính sách tiền tệ tiếp tục thắt chặt; căng thẳng Nga - Ukraine kéo dài, xung đột Israel - Hamas ảnh hưởng đến sự phục hồi của chuỗi cung ứng; hệ thống ngân hàng - tài chính tiềm ẩn nhiều bất ổn... Tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2024 được IMF (4/2024) dự báo duy trì ở mức 3,2% trong hai năm 2024 và 2025, trong đó, tại các nước phát triển là 1,6% và tại các nước mới nổi và đang phát triển là 4,3%.

Trong nước, kinh tế Việt Nam được đánh giá đang hội tụ nhiều yếu tố thuận lợi khi có dự địa điều hành chính sách tiền tệ theo khả năng của nền kinh tế, không bị nhiều áp lực về lạm phát, tỷ giá như năm 2023; có khả năng duy trì mức lãi suất thấp. Chính phủ đã đặt mục tiêu phấn đấu trong năm 2024 tăng trưởng GDP khoảng 6-6,5%, cắt giảm ít nhất 10% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, quy định kinh doanh và đảm bảo tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công trên 95% kế hoạch. Chất lượng tăng trưởng kinh tế từng bước được cải thiện, cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch sang chiều sâu, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế được cải thiện đáng kể. Kinh tế Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng, nước ta đã ký một số hiệp định FTAs thế hệ mới quan trọng như Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA). Việt Nam đang trở thành một trong những nền kinh tế có triển vọng phát triển tốt nhất thế giới và là điểm đến ưa thích của các nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh những thuận lợi, kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với một số khó khăn, thách thức, tác động đến an toàn, bền vững tài chính quốc gia như năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường cũng là những lực cản cho phát triển kinh tế, tạo sức ép lớn về tài chính - ngân sách; khó khăn trong duy trì lợi thế cạnh tranh và thu hút nhà đầu tư do áp dụng cơ chế thuế tối thiểu toàn cầu từ ngày 1/1/2024 theo Nghị quyết số 107/2023/QH15 và khu vực doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn về thị trường, hạn chế về đơn hàng, đặc biệt thị trường xuất khẩu sụt giảm mạnh, dẫn đến tình trạng cắt giảm quy mô sản xuất và lao động.

Trong bối cảnh hiện nay, để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, một số giải pháp cụ thể như sau:

Một là, cải thiện dự địa chính sách tài khóa, tăng cường các giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu, bao quát được các nguồn thu, cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ lệ thu nội địa, từ đó góp phần tăng sức chống chịu, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia. Theo đó, hoàn thiện chính sách thu phù hợp với trình độ phát triển và mở cửa nền kinh tế, hướng đến thiết lập một cơ cấu thu ngân sách nhà nước hợp lý, bền vững. Ưu tiên các giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu thông qua việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển, cạnh tranh bình đẳng, thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc.

Hai là, cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước gắn với các định hướng phát triển. Rà soát lại nhu cầu chi và cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước hướng đến việc xây dựng một cơ cấu chi ngân sách nhà nước phù hợp hơn, gắn chính sách chi ngân sách nhà nước với các định hướng phát triển trung và dài hạn, khắc phục tình trạng phân tán trong phân bổ nguồn lực ngân sách nhà nước. Tiếp tục đẩy mạnh tiến độ giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Ba là, kiểm soát chặt chẽ nợ công, các nghĩa vụ nợ dự phòng của ngân sách nhà nước, nợ của chính quyền địa phương; đảm bảo mức vay nợ trong hạn mức được duyệt, kiểm soát các chỉ tiêu an toàn nợ công trong phạm vi ngưỡng, trần theo quy định. Tiếp tục cơ cấu lại nợ công theo hướng kéo dài kỳ hạn, giảm áp lực trả nợ ngắn hạn và chi phí vay vốn; tái cơ cấu danh mục nợ để giảm thiểu các rủi ro về kỳ hạn nợ, rủi ro tái cấp vốn, thanh khoản...

Nâng cao hiệu quả quản lý nợ công, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro đối với danh mục nợ để hạn chế tới mức thấp nhất chi phí vay và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

Bốn là, về thị trường tài chính, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thị trường, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của thị trường trong giai đoạn tới gồm: (1) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với thị trường đặc biệt là thị trường trái phiếu doanh nghiệp; (2) Tái cơ cấu thị trường và tổ chức tài chính, tổ chức thị trường, bao gồm cả tái cấu trúc công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, tổ chức tín dụng theo các đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (3) Phát triển và đa dạng hóa các loại hình quỹ đầu tư nhằm cải thiện chất lượng cầu đầu tư, hướng tới cầu đầu tư bền vững; (4) Nâng cao chất lượng và đạo đức nghề nghiệp nhân viên hành nghề kinh doanh chứng khoán và phổ cập kiến thức đầu tư đối với nhà đầu tư, người dân.

Kiểm soát rủi ro, hạn chế các bất ổn trên thị trường gồm: (1) Thường xuyên theo dõi, đánh giá nguy cơ đảo chiều dòng vốn trên thị trường; (2) Nâng cao quy mô, chất lượng tài sản của các ngân hàng, định chế tài chính, doanh nghiệp, hoàn thiện hành lang pháp lý về xử lý nợ xấu, thúc đẩy phát triển thị trường mua bán nợ, xây dựng và ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá khoản nợ tạo cơ sở pháp lý để thực hiện; (3) Tăng cường thanh tra, giám sát thị trường tài chính, đặc biệt là hoạt động của các tổ chức kinh doanh chứng khoán; hoạt động huy động vốn trên thị trường chứng khoán; hoạt động cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng, đặc biệt là tín dụng bất động sản; chất lượng báo cáo tài chính và hoạt động kiểm toán của các đơn vị kiểm toán, kiểm toán viên.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát thị trường. Hoàn thiện các quy định về xử lý hành vi vi phạm. Tăng cường quản lý và giám sát thị trường, chuyển từ giám sát tuân thủ sang giám sát rủi ro để đảm bảo vừa phát hiện được sai sót, nhưng cũng tạo không gian riêng cho các chủ thể trên thị trường hoạt động. Xây dựng, ban hành các tiêu chí và chỉ tiêu quan trọng để kịp thời đưa ra các cảnh báo với các nhà đầu tư, các cơ quan quản lý để có giải pháp xử lý kịp thời.

Ứng dụng các mô hình giám sát mới, công nghệ thông tin hiện đại vào công tác quản lý thị trường để đảm bảo phát hiện và xử lý sớm các hành vi vi phạm những quy định của thị trường. Đồng thời, khuyến khích đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong vận hành, quản lý thị trường. ❖

Chú thích:

1. Theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Quốc hội cho phép tăng bội chi ngân sách nhà nước trong 2 năm (2022 và 2023) bình quân 1%-1,2% GDP/năm (tối đa 240 nghìn tỷ đồng), trong đó năm 2022 tăng 1,1% GDP (tối đa 102,8 nghìn tỷ đồng).
2. Vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 5,94 triệu tỷ đồng, Tổng giá trị niêm yết của trái phiếu chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đạt 2,03 triệu tỷ đồng.

Vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên

PHẠM THỊ KIM CÚC*

Tóm tắt: Bước vào thời kỳ phát triển mới, trước yêu cầu tiếp tục đổi mới đất nước, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, công tác Mặt trận nói chung, hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nói riêng cần có sự đổi mới nội dung, phương thức cho phù hợp, không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả, trong đó hoạt động giám sát cán bộ, đảng viên cần được quan tâm, chú trọng. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên đã có những chuyển biến tích cực, ngày càng có hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Summary: In this new developmental phase, amid the ongoing national reforms and the building of a clean and strong Party and political system, along with the establishment and perfection of a socialist rule-of-law state, the overall activities of the Vietnam Fatherland Front, particularly its social supervisory and criticism functions, require renewed content and methods that are suitable and continually enhance quality and effectiveness, with particular attention and emphasis on supervising officials and Party members. Specifically, the supervision over leaders, key officials, cadres, and party members regarding ethics and lifestyle has shown positive changes, increasingly achieving more effective results, meeting the demands of Party construction and the establishment of a strong, clean political system.

Từ khóa: Giám sát; người đứng đầu; cán bộ; đảng viên; đạo đức; rèn luyện; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Keywords: Supervision; leaders; cadres; Party members; ethics; training; the Vietnam Fatherland Front.

Nhận bài: 18/6/2024; *Sửa chữa:* 25/6/2024; *Duyệt đăng:* 3/7/2024.

Ở nước ta, giám sát là một trong những phương thức kiểm soát quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước quan trọng để bảo đảm cho các chủ thể được trao quyền thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình, góp phần ngăn chặn, loại bỏ những nguy cơ, những hành vi lạm quyền, những việc làm trái quy định của các tổ chức, cá nhân trong các cơ quan Đảng, Nhà nước các cấp trong quá trình thực hiện chính

sách, pháp luật, bảo đảm sự tuân thủ đúng theo chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân. Hoạt động giám sát hiện nay được thực hiện bởi nhiều chủ thể, trong đó giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được ghi nhận trong đời sống chính trị - xã hội với ý nghĩa là một trong những quyền và trách nhiệm cơ bản của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

* Thạc sĩ, Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận.

Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên là yêu cầu cấp thiết đặt ra trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị hiện nay

Về chủ trương, đường lối của Đảng, nhiệm vụ giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần đầu tiên được đưa ra trong Nghị quyết của Bộ chính trị khóa VII về đại đoàn kết toàn dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất (Nghị quyết số 07/NQ-TW ngày 17/11/1993): “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần được củng cố và mở rộng về tổ chức và hoạt động để thực sự là một tổ chức tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân... tham gia xây dựng, giám sát, bảo vệ chính quyền”. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (năm 2006), Văn kiện của Đại hội chỉ rõ: “Phát huy vai trò và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội”, Văn kiện Đại hội X của Đảng cũng đã đề ra nhiệm vụ phải “xây dựng Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ”; “Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội”... Từ sau Đại hội X, các Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII, XIII... đã tiếp tục thể hiện sâu sắc hơn quan điểm, chủ trương của Đảng về vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đặc biệt, ngày 12/12/2013, Bộ chính trị (khóa XI) đã ban hành Quyết định số 217-QĐ/TW ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tạo cơ sở chính trị và cơ chế rõ ràng về thực hiện chức năng giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong đó lần đầu tiên Quy chế của Đảng đã xác định đối tượng giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội là các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến cơ sở; cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước.

Triển khai thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW, Hiến pháp năm 2013, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, 10 năm qua công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã có nhiều bước tiến và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân về giám sát được nâng lên; cơ sở chính trị, pháp lý của công tác giám sát được củng cố, hoàn thiện. Công tác giám sát của Mặt trận ngày càng đi vào chiều sâu, cụ thể, chặt chẽ hơn, phát huy hiệu quả

thiết thực, được cấp ủy, chính quyền ghi nhận, đánh giá cao. Nội dung, phương thức thực hiện ngày càng thực chất, tập trung vào những vấn đề quan trọng, liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân và dư luận xã hội quan tâm, bức xúc; góp phần tăng cường quyền làm chủ, sự đồng thuận của Nhân dân trong xây dựng, phát triển đất nước, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày càng được khẳng định, phát huy trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội.

Tuy nhiên, chất lượng, hiệu quả công tác giám sát chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa phát huy mạnh mẽ vai trò, sự tham gia của các thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân. Một trong những điểm còn hạn chế trong công tác giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thời gian qua đó là hoạt động giám sát các tổ chức Đảng và đảng viên. Mặc dù Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội đã đưa các tổ chức Đảng và đảng viên vào là đối tượng giám sát cũng như đã quy định những nội dung cần giám sát đối với các tổ chức Đảng và đảng viên nhưng do nội dung này chưa được thể chế thành pháp luật và thiếu các văn bản hướng dẫn cần thiết nên thực tế cho thấy hoạt động giám sát các tổ chức Đảng và đảng viên của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa được thực hiện thường xuyên, kết quả còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa phát huy được vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chủ quan của những khuyết điểm, hạn chế trong công tác xây dựng Đảng đã được chỉ ra trong Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, đó là “Việc phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông và nhân dân trong đấu tranh, ngăn chặn suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong cán bộ, đảng viên còn hạn chế, hiệu quả chưa cao”.

Trong khi đó, đánh giá về những hạn chế trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết trung ương 4 khóa XII sau 5 năm thực hiện, Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” đã chỉ rõ: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý nhận thức chưa đầy đủ tính chất, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chưa nêu cao tinh

thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, sa vào chủ nghĩa cá nhân, nói chưa đi đôi với làm, vi phạm kỷ luật Đảng, vi phạm pháp luật... Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên chưa hiệu quả; chưa phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch..."

Vì vậy, với ý nghĩa là một trong những công cụ góp phần quan trọng trong kiểm soát quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay phải không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả, thể hiện rõ vai trò, vị thế của Mặt trận trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị, trong đó giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên là yêu cầu cấp thiết đặt ra trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị hiện nay.

Cơ sở chính trị về vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên

Trên thực tế, việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên chính là việc rèn luyện theo các tiêu chí, chuẩn mực, quy định mà Đảng đã đề ra, hay nói khác đi là rèn luyện theo những quan điểm, chủ trương đã được cụ thể hóa, thể hiện trong các văn bản, Nghị quyết của Đảng (19 điều đảng viên không được làm, 27 biểu hiện suy thoái được chỉ ra trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII...), trong đó tập trung vào tu dưỡng, rèn luyện để không vi phạm bất kỳ biểu hiện nào trong 9 biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống đã được chỉ ra trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII. Do đó, có thể hiểu theo nghĩa rộng việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên thực chất chính là Mặt trận theo dõi, phát hiện, xem xét; đánh giá kiến nghị nhằm tác động đối với người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên về việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước như Quyết định số 217-QĐ/TW đã nêu.

Đại hội XII đã đề ra yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng với 10 giải pháp cơ bản, trong đó nhấn mạnh phải kiên quyết, kiên trì tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay, với trọng tâm là đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Vì

vậy, ngày 30/10/2016, tại Hội nghị lần thứ 4, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Trên cơ sở đánh giá tình hình và nguyên nhân, Nghị quyết đã chỉ ra 27 biểu hiện gồm 9 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; 9 biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống và 9 biểu hiện về "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ và yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ, toàn diện, có hiệu quả 4 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, trong đó nhóm nhiệm vụ giải pháp thứ tư về phát huy vai trò của nhân dân và Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội đã chỉ rõ "Các cấp ủy, chính quyền phải nhận thức sâu sắc, quán triệt và thực hiện nghiêm Quyết định số 217-QĐ/TW về quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị quy định về việc Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền" và "phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, của nhân dân, báo chí và công luận trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong cán bộ, đảng viên..."

Một năm sau khi Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII được ban hành, để tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết, ngày 3/10/2017, Ban Bí thư ban hành Quyết định số 99-QĐ/TW ban hành Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Theo đó, nhân dân thực hiện giám sát đối với cán bộ, đảng viên với nhiều nội dung như giám sát về 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong cán bộ, đảng viên; 19 điều quy định đảng viên không được làm; việc thực hiện cam kết tu dưỡng, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu; việc tiếp thu và khắc phục, sửa chữa khuyết điểm của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII... Đồng thời, Quyết định số 99-QĐ/TW cũng hướng dẫn một trong các hình thức giám sát của nhân dân là giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng là những thiết chế dân chủ ở cơ sở mà Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn về tổ chức và hoạt động.

Sau hơn một năm triển khai Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, để phát huy hiệu quả hơn vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân

dân trong giám sát cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, ngày 2/2/2018, Ban Bí thư đã ban hành Quy định số 124-QĐ/TW về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên. Trong Quy định đã xác định rõ nội dung, phạm vi, hình thức giám sát, đặc biệt Quy định đã xác định cụ thể đối tượng giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân là "người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên". Như vậy, lần đầu tiên Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành một văn bản về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với đối tượng cụ thể là người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên. Đây chính là cơ sở chính trị quan trọng để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam triển khai giám sát cán bộ, đảng viên trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống.

Xác định tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong giai đoạn mới Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ "Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ"¹, thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp, trong đó giải pháp "Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức" đã chỉ ra "Coi trọng kiểm tra, giám sát trong Đảng kết hợp với phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên thực hiện các quy định nêu gương"².

Qua một nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng Đảng, bước sang giai đoạn phát triển mới của đất nước, để khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, đưa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng lên tầm cao mới, ngày 25/10/2021, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Kết luận số 21-KL/TW về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Kết luận số 21-KL/TW đã xác định 5 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó cùng với việc đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động thì cần phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội. Chú trọng giám sát việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống và nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, đảng viên và công chức, viên chức trong hệ thống chính trị...

Sau 5 năm thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 3/10/2017 của Ban Bí thư ban hành Hướng dẫn khung để

các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ, bên cạnh những kết quả đạt được còn có không ít hạn chế, trong đó Đảng đã chỉ ra "Vẫn còn tình trạng e ngại hoặc lợi dụng dân chủ trong phản ánh, góp ý trực tiếp với cấp uỷ, tổ chức đảng về những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu; một số phản ánh, kiến nghị của nhân dân chưa được xem xét kịp thời, thấu đáo. Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng Đảng". Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 99-QĐ/TW gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII, ngày 9/5/2023, Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 54-KL/TW về tiếp tục thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 3/10/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ:

+ Tăng cường thể chế hoá, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện nghiêm, có hiệu quả Quyết định số 99-QĐ/TW gắn với Quy định số 124-QĐ/TW, ngày 2/2/2018 của Ban Bí thư về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên, các quy định có liên quan của Đảng.

+ Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác vận động nhân dân tích cực tham gia đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

+ Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đối với người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ, đảng viên trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, trách nhiệm thực thi công vụ.

+ Quan tâm, kịp thời giải quyết phản ánh, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng khác.

Để tạo chuyển biến mạnh mẽ, đề ra những giải pháp mang tính toàn diện nhằm phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong giai đoạn mới, ngày 26/10/2022, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 18-CT/TW, trong đó đề ra nhiệm vụ: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức giám sát, phản



Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Trương Thị Ngọc Ánh chủ trì Hội nghị nghiệm thu Đề tài khoa học cấp Bộ "Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên", tháng 6/2024.

ÀNH: TIẾN ĐẠT

biện xã hội theo hướng: Chủ động, từ sớm, từ cơ sở, dân chủ, khách quan, mang tính xây dựng; có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng giám sát theo chuyên đề, tập trung vào những chủ trương, chính sách lớn, trọng yếu, ưu tiên những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, những vấn đề dư luận xã hội quan tâm, bức xúc. Tăng cường giám sát thực hiện kiến nghị của cử tri và nhân dân; việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên. Công khai, minh bạch kết quả giám sát, phản biện xã hội theo quy định.

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thời gian tới, Chỉ thị số 18-CT/TW xác định một trong những nhiệm vụ đặt ra cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là "tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức giám sát, phản biện xã hội", trong đó những nội dung Mặt trận cần tập trung giám sát là: (1) Những chủ trương, chính sách lớn, trọng yếu, ưu tiên những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; (2) Những vấn đề dư luận xã hội quan tâm, bức xúc; (3) Việc thực hiện kiến nghị của cử tri và Nhân dân; (4) Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

Như vậy, qua các nhiệm kỳ Đại hội gần đây của Đảng, với việc ban hành một hệ thống các nghị quyết, văn bản, có thể thấy Đảng rất coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng một cách toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, trong đó nhiều lần Đảng khẳng định và đề cao vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên. Không chỉ đề cao vai trò, Đảng cũng đặt ra trách nhiệm cho Mặt trận trong giám sát cán bộ, đảng viên và trong công tác xây dựng Đảng bởi trong hệ thống chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một trong các thiết chế kiểm soát quyền lực từ bên ngoài tổ chức Đảng và Nhà nước, hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chính là một trong những phương thức chủ yếu để Mặt trận tham gia kiểm soát quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên nếu được thực hiện có hiệu quả sẽ góp phần hạn chế tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, từ đó làm giảm đi các nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra, góp phần tích cực xây dựng, chỉnh

đón Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, một nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn vong của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Cơ sở pháp lý về vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên

Thể chế hóa chủ trương của Đảng về vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hiến pháp và pháp luật đã quy định giám sát là một trong những chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Mặt trận. Điều 3, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 đã quy định 7 quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong đó có những quyền và trách nhiệm như "Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội", "Tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước", "Thực hiện giám sát, phản biện xã hội"... đều là những quyền và trách nhiệm lớn của Mặt trận, thể hiện vai trò quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân; trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; trong giám sát, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Điều 26 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 quy định về đối tượng, nội dung giám sát: Đối tượng giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ quan nhà nước, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức. Nội dung giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Vì vậy, tuy đối tượng giám sát quy định trong Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không nêu cụ thể tổ chức đảng và đảng viên nhưng thực chất giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên là hoạt động có nội dung, đối tượng không nằm ngoài phạm vi giám sát của Mặt trận.

Đặc biệt, để cụ thể hóa trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong công tác giám sát cán bộ, đảng viên theo chủ trương của Đảng, sau khi Ban Bí thư ban hành Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 3/10/2017 ban hành Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ và Quy định số 124-QĐ/TW ngày 2/2/2018 về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân

đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên, ngày 18/4/2018, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành Kế hoạch số 537/KH-MTTW- BTT để triển khai thực hiện 2 văn bản trên của Đảng, trong Kế hoạch yêu cầu ngoài công tác tuyên truyền, quán triệt Quyết định số 99-QĐ/TW và Quy định số 124-QĐ/TW trong hệ thống Mặt trận thì Mặt trận Tổ quốc các cấp cần bố trí cán bộ để tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị, tố cáo về tham nhũng, lãng phí; thực hiện giám sát thường xuyên việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên; nội dung giám sát là các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống được xác định trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; giám sát việc thực hiện các chuẩn mực đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên. Qua giám sát nếu phát hiện sai phạm hoặc tiếp nhận báo cáo, phản ánh về những biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ đảng viên thì Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp báo cáo bằng văn bản hoặc phản ánh, kiến nghị trực tiếp với cấp ủy cùng cấp xem xét, xử lý và theo dõi việc giải quyết theo quy định.

Sau khi Chỉ thị số 18-CT/TW về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được ban hành, ngày 5/1/2023, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành Kế hoạch số 672/KH-MTTW-BTT về thực hiện Chỉ thị với 11 nhiệm vụ trọng tâm, trong đó nhiệm vụ thứ tư tập trung vào đổi mới nội dung giám sát theo hướng "Lựa chọn một số nội dung để tổ chức giám sát chuyên đề trong phạm vi toàn quốc tập trung một số lĩnh vực: Giám sát thực hiện kiến nghị của cử tri và Nhân dân; giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên; giám sát đối với hoạt động của đại biểu dân cử". Với các nhiệm vụ được thể hiện trong Kế hoạch số 672/KH-MTTW-BTT có thể thấy: chủ trương đổi mới nội dung, phương thức giám sát của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thời gian tới là rất rõ ràng, thay vì tổ chức giám sát nhiều nội dung, nhiều lĩnh vực, còn dàn trải như trong thời gian qua thì việc tổ chức giám sát theo chuyên đề trong phạm vi toàn quốc và chú trọng giám sát người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên chính là điểm nhấn quan trọng, cần thiết trong đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay. ❖

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.180.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, H.2021, tr.184.

Những vấn đề đặt ra đối với tổ chức và hoạt động của các tổ chức tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp

LÊ BÁ TRÌNH*

Tóm tắt: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận quan trọng của hệ thống chính trị nước ta; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Tổ chức, bộ máy của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp bao gồm cả cơ quan chuyên trách và các tổ chức không chuyên trách, lực lượng cộng tác viên. Trong đó, tổ chức tư vấn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp (Hội đồng tư vấn ở cấp trung ương và cấp tỉnh; Ban tư vấn ở cấp huyện và Tổ tư vấn ở cấp xã) là một bộ phận rất quan trọng, góp phần để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình đối với Nhân dân và hệ thống chính trị nước ta.

Summary: The Vietnam Fatherland Front is an integral part of our country's political system, serving as the political foundation of the People's government and representing and safeguarding the legitimate rights and interests of the People. The organizational structure of the Vietnam Fatherland Front Committees at all levels includes both specialized agencies and non-specialized advisory organizations, as well as collaborating forces. Among these, the advisory organizations of the Vietnam Fatherland Front committees at various levels (Advisory Council at central and provincial levels; Advisory Board at district level; Advisory Team at commune level) are crucial components contributing to the effective fulfillment of their roles and responsibilities towards the People and our country's political system.

Từ khóa: Tổ chức và hoạt động; tổ chức tư vấn; Hội đồng tư vấn; thông tin; ý kiến; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Keywords: Organization and activities; consulting organization; Advisory Council; information; opinion; the Vietnam Fatherland Front.

Nhận bài: 25/6/2024; *Sửa chữa:* 28/6/2024; *Duyệt đăng:* 5/7/2024.

Cùng với những kết quả đáng ghi nhận, tổ chức và hoạt động của các tổ chức tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cũng đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

1. Vấn đề xác định địa vị pháp lý của tổ chức tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Tổ chức tư vấn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp là một cấu phần trong tổ chức, bộ máy của Ủy ban Mặt trận

Tổ quốc Việt Nam cùng cấp nhưng địa vị pháp lý của tổ chức này chưa được xác lập một cách chính thức mà mới dừng lại trong phạm vi nội bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mỗi cấp, được quy định bởi Điều 12, Chương II, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khoá IX. Vấn đề này làm cho các tổ chức tư vấn không thực hiện được việc giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất của Nhân dân mà các tổ chức tư vấn thu thập, tập hợp được với

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Ủy viên Đoàn Chủ tịch, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

mục tiêu vừa bảo đảm sự phù hợp với chính sách, pháp luật hiện hành; vừa bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người dân - một yếu tố rất quan trọng làm cơ sở của việc xây dựng sự đồng thuận xã hội. Do đó tiếng nói, kết quả làm việc của các tổ chức tư vấn chưa đáp ứng được đòi hỏi của cuộc sống, đặc biệt là nhiệm vụ chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, dẫn đến hiệu quả hoạt động và tính thiết thực của các tổ chức tư vấn trong đời sống xã hội chưa cao, nhất là góp phần giải quyết những vấn đề nóng bỏng trong đời sống xã hội liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân. Mặt khác, việc xác định địa vị pháp lý của các tổ chức tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp là thể chế hoá chủ trương của Đảng được quy định tại Quyết định số 120-QĐ/TW ngày 6/9/2023 của Bộ Chính trị Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Do đó, cần bổ sung vào Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về Tổ chức tư vấn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp để xác lập địa vị pháp lý của tổ chức này trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung Điều 12 Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo hướng các tổ chức tư vấn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp được quyền yêu cầu các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước cùng cấp cung cấp thông tin, trả lời kiến nghị việc giải quyết những vấn đề cấp bách, nóng bỏng trong đời sống Nhân dân để phục vụ nhiệm vụ tư vấn cho công tác giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

2. Hướng dẫn số 94/HD-MTTW-BTT ngày 30/11/2017 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về Tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn, cộng tác viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, ghi rõ: “Đối với cấp xã: Tùy vào yêu cầu của địa phương nhưng không nhất thiết phải thành lập Ban tư vấn cấp xã, nếu có hoạt động tư vấn ở cấp xã thì có thể sử dụng các vị Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, đội ngũ cộng tác viên”. Trong khi đó, mục h, Điều 26 Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định: “Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hướng dẫn hoạt động của các tổ chức tư vấn, cộng tác viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp”.

Hiện nay, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thì thành lập Ban tư vấn (cùng tên gọi với tổ chức tư vấn ở cấp huyện); có Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã không thành lập tổ chức tư vấn. Trong tình hình tổ chức bộ máy chuyên trách công tác Mặt trận ở cấp xã hầu như không có (chỉ có 1 đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là hoạt động chuyên

trách, còn lại Phó Chủ tịch là bán chuyên trách và Ủy viên Thường trực là không chuyên trách) nên tổ chức tư vấn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có vai trò rất quan trọng trong việc tham mưu, tư vấn về hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Để giải quyết vấn đề này, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần hướng dẫn việc xây dựng về tổ chức và hoạt động của tổ chức tư vấn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã một cách cụ thể (bao gồm chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động, nhân sự về tổ chức và chính sách, điều kiện bảo đảm hoạt động), giúp cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoạt động có hiệu quả.

3. Nội dung, nhiệm vụ của các Hội đồng tư vấn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Nghiên cứu, tư vấn, đề xuất ý kiến và tham gia phản biện xã hội những dự thảo văn bản của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực của Hội đồng. Nghiên cứu, tư vấn, đề xuất ý kiến và tham gia giám sát những nội dung về quá trình quán triệt, triển khai, thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực của Hội đồng khi được Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mời tham gia. Nghiên cứu, tư vấn đề xuất ý kiến về các nội dung, phương thức hoạt động và chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ 2019 - 2024. Số lượng thành viên mỗi Hội đồng tư vấn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ 15 đến 25 vị, bao gồm: Chủ nhiệm; từ 2 - 4 Phó Chủ nhiệm; 1 Ủy viên Thường trực và các Ủy viên¹.

Nội dung, nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn cấp tỉnh, huyện và cấp xã: Nghiên cứu các chính sách, pháp luật, chương trình, đề án được Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương gửi xin ý kiến góp ý chuẩn bị ban hành hoặc đã và đang thực hiện có liên quan đến quốc kế, dân sinh mà Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tỉnh, huyện, xã cần đề xuất xem xét, kiến nghị nhằm bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn cuộc sống. Nghiên cứu, đề xuất ý kiến về những nội dung có liên quan đến nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định, nhằm đưa hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày càng có kết quả, góp phần nâng cao vị trí và vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Nghiên cứu, tập hợp ý kiến, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện, xã để tham mưu cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp kịp thời xử lý, giải quyết².

Như vậy, cùng với nội dung, nhiệm vụ như của Hội đồng tư vấn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn Ủy ban Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam cấp tỉnh, huyện, xã còn thực hiện nhiều nội dung, nhiệm vụ tư vấn của địa phương cùng cấp. Điều này là cần thiết phải thực hiện nhưng rõ ràng theo chiều càng xuống mỗi cấp thì càng tăng thêm nội dung, nhiệm vụ cho những tổ chức này. Nội dung, nhiệm vụ thì tăng như vậy nhưng số lượng thành viên của các Hội đồng tư vấn cấp tỉnh chỉ 10 người; Ban tư vấn cấp huyện, xã chỉ có từ 5 đến 7 người. Đây là sự bất cập giữa yêu cầu, nhiệm vụ, điều kiện làm việc với tổ chức, bộ máy và nguồn lực con người cần phải giải quyết.

4. Vấn đề đòi hỏi sự am hiểu về tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với mỗi thành viên trong các tổ chức tư vấn. Hướng dẫn số 94/HD-MTTW-BTT ngày 30/11/2017 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ghi rõ tiêu chuẩn để chọn lựa thành viên tham gia các tổ chức tư vấn là: “Là các chuyên gia, người làm công tác lãnh đạo, quản lý có trình độ, kinh nghiệm trên các lĩnh vực chuyên môn mà Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn đảm nhận. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tâm huyết với hoạt động, công tác Mặt trận; có khả năng phân tích, tổng hợp, có chính kiến. Có đủ sức khỏe và điều kiện tham gia hoạt động của Hội đồng tư vấn, Ban Tư vấn”. Tuy nhiên trên thực tế, công tác của Mặt trận không chỉ đơn thuần là chuyên môn, chuyên gia một lĩnh vực cụ thể hay kinh qua công tác lãnh đạo, nên cùng với tiêu chuẩn có bản lĩnh chính trị vững vàng, tâm huyết với công tác Mặt trận... thì thành viên của tổ chức tư vấn phải nắm vững về tổ chức, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hệ thống chính trị mới góp phần to lớn vào chất lượng, hiệu quả của công tác tham mưu, tư vấn của tổ chức tư vấn cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Một vấn đề nữa là việc xác định yêu cầu, tiêu chí trong quá trình tìm hiểu, lựa chọn người tham gia làm thành viên của tổ chức tư vấn. Tiêu chí của thành viên trong tổ chức tư vấn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mỗi cấp có sự khác biệt với tiêu chí của thành viên tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đó. Tiêu chí thành viên tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mỗi cấp là: Tính tiêu biểu; Tính đại diện và Tính thiết thực. Còn thành viên tham gia tổ chức tư vấn phải đặt nặng tiêu chí thiết thực, tức là ngoài chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành họ còn phải bám sát đặc điểm về vai trò, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thì ý kiến tham mưu, tư vấn mới sát với vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

5. Vấn đề về bảo đảm chế độ, chính sách, điều kiện làm việc của các tổ chức tư vấn và thành viên tham gia các tổ chức tư vấn. Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính về Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt

động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm của Nhà nước đối với công tác Mặt trận. Tuy nhiên, Thông tư này mới dừng lại ở việc bảo đảm kinh phí cho việc thực hiện nhiệm vụ của các Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn và phụ cấp trách nhiệm cho các chức danh trong cơ cấu điều hành hoạt động của các Hội đồng tư vấn cấp Trung ương và cấp tỉnh, Ban tư vấn cấp huyện; chưa bảo đảm kinh phí hoạt động của tổ chức tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, cũng như phụ cấp trách nhiệm cho các thành viên tham gia Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn các cấp. Đồng thời, với quy định “Mức chi hội nghị, hội thảo, công tác phí (của Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn): Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị”³ là không phù hợp với tính chất đặc thù của tổ chức tư vấn. Vì Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính được áp dụng cho các đơn vị, tổ chức hoạt động hành chính của hệ thống chính trị (cán bộ được hưởng lương từ ngân sách nhà nước, việc chi tham gia hội họp là bồi dưỡng thêm). Còn tổ chức tư vấn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp là tổ chức không chuyên trách, thành viên của các tổ chức tư vấn không phải là cán bộ hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà họ làm việc với tinh thần tự nguyện, cống hiến cho công tác Mặt trận nên không thể áp dụng chế độ công tác phí, hội họp như các đơn vị hành chính, cán bộ chuyên trách mà phải có cơ chế đặc thù cho phù hợp.

Một vấn đề nữa là điều kiện hoạt động của các tổ chức tư vấn. Muốn việc tham mưu, tư vấn của các tổ chức tư vấn cho Ban Thường trực và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có chất lượng, hiệu quả thì thành viên và tổ chức tư vấn phải nghiên cứu, khảo sát thực tế những vấn đề đang xảy ra trong Nhân dân so với quy định của chính sách, pháp luật; phải tổ chức các hoạt động tiếp xúc, trao đổi, lắng nghe ý kiến của các tầng lớp nhân dân liên quan đến vấn đề tư vấn; phải tổ chức hội thảo, trao đổi, làm việc với các cơ quan chức năng liên quan...

6. Vấn đề cơ chế cần đồng bộ và kịp thời trong việc xử lý thông tin, ý kiến của tổ chức tư vấn cho Ban Thường trực, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp với các cơ quan liên quan trong hệ thống chính trị.

Theo quy chế và phương thức phối hợp hoạt động giữa các tổ chức tư vấn và các cơ quan của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, khi có ý kiến tham mưu, tư vấn của các Hội đồng tư vấn cấp Trung ương gửi đến Ban Thường trực, Đoàn Chủ tịch và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; của tổ chức tư vấn cấp tỉnh hoặc cấp huyện gửi đến Ban Thường trực, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, huyện thì các Ban Thường trực, Đoàn Chủ tịch hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp

tổng hợp, chọn lọc để gửi đến các cơ quan của Đảng và Nhà nước yêu cầu xử lý. Khi có kết quả xử lý thì Ban Thường trực, Đoàn Chủ tịch hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thông báo trở lại cho Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn cùng cấp biết kết quả tư vấn của mình. Tuy nhiên, việc thông tin trở lại cho các tổ chức tư vấn hầu như không thực hiện được, vì các cơ quan của Đảng và Nhà nước đôi khi chậm trả lời những ý kiến phản ánh, kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp; hoặc chậm trong việc gửi thông tin đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp lấy ý kiến trước khi ban hành văn bản theo quy định hiện nay, các tổ chức tư vấn không kịp nêu ý kiến tư vấn cho Ban Thường trực hoặc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để đóng góp ý kiến đúng với thời gian quy định. Vấn đề này làm cho việc lấy ý kiến đóng góp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có lúc trở thành hình thức. Mặt khác, Điều 6. Quyền của các Hội đồng tư vấn trong Quy chế hoạt động của các Hội đồng tư vấn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không quy định các Hội đồng được Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp cung cấp thông tin, tư liệu liên quan đến vấn đề tư vấn mà chỉ được tham gia các cuộc khảo sát, giám sát, hội nghị phản biện xã hội (nếu được Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp mời).

Vấn đề này cũng được chỉ ra trong Báo cáo tổng kết công tác của các Hội đồng tư vấn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2021: “Trong một số trường hợp..., việc cung cấp thông tin, tài liệu cho các Hội đồng tư vấn chưa được đầy đủ, kịp thời. Chưa có cơ chế, điều kiện bảo đảm để các Hội đồng chủ động hợp, thảo luận đưa ra bản, tư vấn cho Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; chế độ chi cho việc nghiên cứu, hợp... chưa thực sự khuyến khích, động viên trong hoạt động tư vấn, phản biện”⁴.

7. Vấn đề về tạo động lực thúc đẩy việc thực hiện vai trò, trách nhiệm của các tổ chức tư vấn và các thành viên.

Các tổ chức tư vấn và các thành viên đều làm việc theo chế độ không chuyên trách với tinh thần tự nguyện, tâm huyết, cống hiến khả năng của mình cho công tác Mặt trận nên việc tôn vinh, ghi nhận của hệ thống chính trị,

trực tiếp là các cơ quan của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp là rất cần thiết, tạo nên niềm tin, động lực thúc đẩy họ làm việc. Việc thực hiện chính sách (như phụ cấp trách nhiệm, chế độ bảo hiểm xã hội, thăm hỏi trong những dịp lễ tết quan trọng của dân tộc...) đối với các thành viên của các tổ chức tư vấn không phải chỉ là đáp ứng yêu cầu vật chất như việc “trả công” bình thường mà là sự khẳng định, ghi nhận vai trò, trách nhiệm, vị trí của họ trong hệ thống chính trị và trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, đến nay các cơ quan chức năng vẫn chưa có quy định cụ thể mà còn quy định chung chung nên rất khó thực hiện. Đây cũng là một trong những vấn đề dẫn đến “Một số vị thành viên trong các Hội đồng tư vấn hoạt động chưa hiệu quả, việc bố trí thời gian tham dự một số cuộc họp còn ít do kiêm nhiệm nhiều việc ở cơ quan, đơn vị hoặc do những lý do khách quan khác”⁵.

Vấn đề tiếp theo là tạo động lực thúc đẩy sự nhiệt tình, trách nhiệm của các thành viên tham gia các tổ chức tư vấn. Cùng với thực hiện chính sách chưa tốt nêu trên, việc tôn vinh, ghi nhận sự cống hiến của các thành viên trong các tổ chức tư vấn chưa tạo nên động lực thúc đẩy họ cống hiến. Ở Trung ương, hằng năm Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lựa chọn theo cơ chế bình quân mỗi Hội đồng tư vấn một vị để khen thưởng chung trong việc khen thưởng về kết quả công tác Mặt trận của năm đó. Ở các địa phương, việc thực hiện khen thưởng như Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam càng xuống cấp dưới càng ít do những khó khăn về kinh phí. Việc tôn vinh, ghi nhận này chưa tạo nên động lực thực sự thúc đẩy việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức tư vấn và tinh thần, trách nhiệm cống hiến của các thành viên. Trong Báo cáo tổng kết hoạt động của các Hội đồng tư vấn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2021 cũng nêu rõ: “Hằng năm có hình thức khen thưởng, động viên các vị tham gia công tác Hội đồng tư vấn phù hợp và kịp thời”.

Giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề đặt ra đối với tổ chức và hoạt động của các Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp sẽ góp phần rất quan trọng việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong thời gian tới. ❖

Chú thích:

- Quy chế hoạt động của Hội đồng tư vấn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa IX, nhiệm kỳ 2019 - 2024 (kèm theo Quyết định số 280/QĐ-MTTW-BTT ngày 14/4/2020 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).
- Hướng dẫn số 94 /HD- MTTW-BTT, ngày 30/11/2017 về tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, huyện, xã, ngày 30/11/2027 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Thông tư số 35/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính về Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện.
- 4.5. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Báo cáo tổng kết công tác của các Hội đồng tư vấn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2021 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2022. Số 466/BC-MTTW-BTT, Hà Nội ngày 3/3/2022.

Các điều kiện, yêu cầu bảo đảm cho tổ chức và hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong giai đoạn hiện nay

TRẦN THỊ XUÂN LAN*

Tóm tắt: Trong thời gian qua, hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã được triển khai thực hiện khá đồng bộ ở địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn bộc lộ không ít những khó khăn, hạn chế, hiệu quả hoạt động thực tế của các Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chưa cao. Để phát huy hơn nữa vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nói chung và của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng nói riêng cần phải có đánh giá tổng thể về thực trạng và nghiên cứu chuyên sâu để tìm ra các giải pháp khả thi, phù hợp với thực tiễn tại các địa phương.

Summary: Recently, the activities of the Community Investment Monitoring Board have been implemented quite consistently at the local level. However, challenges and limitations have surfaced during the implementation, affecting the practical effectiveness of these boards. To further enhance the monitoring role of the Vietnam Fatherland Front in general, and the Community Investment Monitoring Boards in particular, a comprehensive assessment of the current situation and in-depth research are necessary to identify feasible solutions that are practical and suitable for local contexts.

Từ khóa: Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; tổ chức và hoạt động; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Keywords: The Community Investment Monitoring Board; organization and activities; anti-corruption and negative phenomena; the Vietnam Fatherland Front.

Nhận bài: 18/6/2024; *Sửa chữa:* 25/6/2024; *Duyệt đăng:* 28/6/2024.

Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đạt được những kết quả nhất định

Theo kết quả khảo sát và báo cáo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của 63 tỉnh, thành phố, trên cả nước có 12.946 Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trên tổng số 11.159 xã, phường, thị trấn với tổng số thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng là 92.285 người. Các Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chủ yếu giám sát, phát hiện những thiếu sót, sai phạm trong quá trình đầu tư, thi công công trình; vi phạm về tiến độ, kế hoạch đầu tư; vi phạm quy trình, kỹ thuật, chủng loại vật liệu xây dựng; gây thất thoát tài sản, vốn; vi phạm về xử lý chất thải và vệ sinh môi trường kịp thời phản ánh với đơn vị chịu trách nhiệm thi công để khắc phục.

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã thực sự là công cụ để Nhân dân ở xã, phường, thị trấn thực hiện quyền giám sát các công trình xây dựng tại địa phương, nhất là đối với các công trình do Nhân dân đóng góp. Nhiều nơi, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã cử thành viên trực tiếp giám sát quá trình xây dựng các công trình ở xã, như: xây dựng đường giao thông, kênh mương nội đồng, trạm y tế, nhà trẻ, mẫu giáo... Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhiều thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã thể hiện được tinh thần trách nhiệm rất cao khi giám sát, kiểm tra, phát hiện những vi phạm của chủ đầu tư, nhà thầu.

Công tác giám sát đầu tư của cộng đồng trong thời gian qua đã từng bước đi vào nề nếp, hoạt động có hiệu quả, góp phần thiết thực vào việc thực hiện phong trào xây dựng nông thôn mới, thực hiện dân chủ ở cơ sở, thực hiện

* Thạc sĩ, Ban Dân chủ, Giám sát và Phản biện xã hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” ở cơ sở. Nơi nào, công trình, dự án nào có sự tham gia giám sát của cộng đồng thì trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan được nâng lên, chất lượng, tiến độ công trình được bảo đảm hơn, giảm thiểu việc khiếu nại, tố cáo, mâu thuẫn tại cơ sở.

Tuy nhiên, hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tại một số địa phương còn gặp không ít khó khăn, vướng mắc như: một số cấp ủy Đảng, chính quyền vẫn chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, mục đích hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng nên chưa thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện cho Ban hoạt động; quy trình, thủ tục bầu thành viên còn rườm rà; trình độ, năng lực của các thành viên các Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng còn hạn chế trong khi giám sát các công trình xây dựng là một lĩnh vực phức tạp, khó khăn, đòi hỏi người giám sát phải có chuyên môn; kinh phí hỗ trợ hoạt động chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế; chủ đầu tư của các chương trình, dự án thiếu hợp tác; những kiến nghị sau giám sát không được xử lý kịp thời...

Những hạn chế, yếu kém đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nhưng một trong những nguyên nhân chủ yếu là do một số quy định có liên quan của Luật Đầu tư công và Nghị định 29/2021/NĐ-CP về quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư, trong đó một số nội dung hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng còn một số bất cập về cơ chế, chính sách.

Những yêu cầu đặt ra để nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Nâng cao chất lượng và hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phải được xây dựng và thực hiện trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Do vậy, yêu cầu đặt ra là ngày càng phải nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Thực tiễn hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong những năm qua cho thấy, ở địa phương, cơ sở nào sự lãnh đạo của cấp ủy được sát sao, hiệu quả thì Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng hoạt động tích cực, chất lượng và được người dân hưởng ứng và tham gia nhiệt tình, trách nhiệm hơn. Điều này cho thấy vai trò rất to lớn của Đảng và Nhà nước trong việc định hướng, quản lý và khích lệ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Yêu cầu này đòi hỏi Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cần nghiên cứu kỹ các quy định về quyền hạn, nhiệm vụ, chức năng của mình mà luật đã quy định. Đồng thời cũng

đặt ra việc các cấp ủy đảng, tổ chức đảng ở cơ sở cần sát sao hơn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Yêu cầu này cũng đòi hỏi Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cần phải gắn chặt chẽ với vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại cơ sở. Bởi theo quy định, chức năng, vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là chủ trì thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án. Đồng thời, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã sẽ có đại diện tham gia vào Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, nơi có chương trình triển khai dự án. Chính vì vậy, với yêu cầu này đòi hỏi cần có giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp cơ sở với hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phải thể hiện được vai trò của Nhân dân, đồng thời bảo đảm những điều kiện thuận lợi để Nhân dân tham gia chủ động, tích cực vào hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kế thừa truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, hình thành nên tư tưởng về phát huy vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Người luôn khẳng định: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”¹. Người còn khẳng định: “Để trăm lần không dân cũng chịu; Khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam đều xuất phát từ việc biết phát huy vai trò của Nhân dân, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn quán triệt tinh thần Nhân dân là chỗ dựa vững chắc của Đảng, Nhà nước; là nguồn gốc mọi sức mạnh của Đảng; phục vụ Nhân dân là mục tiêu duy nhất, mục tiêu tối thượng, là bản chất của Đảng. Phát huy vai trò của Nhân dân và dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước là một nguyên tắc xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội XIII của Đảng rút ra năm bài học kinh nghiệm; trong đó, bài học thứ hai là bài học về vị thế, vai trò của Nhân dân: “Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thắt chặt mối quan hệ mật thiết với

nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa².

Xuất phát từ những định hướng của Đảng, việc thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện trên tinh thần tự nguyện của dân cư sinh sống trên địa bàn xã, phường, thị trấn. Mục đích của hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng là để bảo đảm cho việc thực hiện các chương trình, dự án, công trình xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo đúng quy định của pháp luật, đúng mục tiêu, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, góp phần phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, làm ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích chung của cộng đồng. Với mục đích đó, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thành lập để thực hiện hoạt động theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý nhà nước về đầu tư công, từ đó có thể phát hiện, kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các việc làm vi phạm pháp luật để kịp thời ngăn chặn và xử lý nhằm bảo vệ lợi ích của cộng đồng, của Nhân dân.

Để phát huy vai trò của Nhân dân trong hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng yêu cầu cần có nhiều hình thức khác nhau để phổ biến đến quần chúng nhân dân nhất là tuyên truyền để dân hiểu, nắm rõ, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân. Nội dung tuyên truyền chủ yếu là các văn bản luật; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; các dự án, công trình đầu tư trên từng địa bàn và tiến độ thực hiện; phương án đền bù, hỗ trợ, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn; chủ trương, kế hoạch vay vốn để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo... Tùy theo tính chất, mức độ quan trọng của từng nội dung mà tổ chức công khai bằng một hay nhiều hình thức kết hợp như thông qua hội nghị cán bộ công chức, các buổi họp dân, họp tổ, hội, đoàn thể tại cơ sở.

Đặc biệt, trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản, các kế hoạch hay các chương trình hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cần phải lấy ý kiến, lắng nghe ý kiến của người dân. Người dân trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến vào các văn bản dự thảo chủ trương, thông qua việc lấy ý kiến trực tiếp, các hội nghị, hội thảo, các trang web của các bộ, ban, ngành chủ trì soạn thảo hoặc thông qua các cơ quan dân cử...; được Nhân dân bàn bạc tập thể, thống nhất cách thức, biện pháp tổ chức, triển khai thực hiện. Các ý kiến đóng góp của Nhân dân đều cần được lắng nghe, tiếp thu. Đối với những ý kiến chưa xác đáng, chưa phù hợp thì các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành giải thích, tuyên truyền, thuyết phục để Nhân dân hiểu, nắm rõ. Việc tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân tham gia vào quá trình giám sát, theo dõi, kiểm tra của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng sẽ giúp người dân hiểu, trực tiếp thực hiện, hành động, làm việc, đưa chủ trương, nghị định, chính sách, pháp luật vào thực tiễn cuộc sống, bảo đảm hiệu quả, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phải thiết thực, phù hợp với yêu cầu, điều kiện thực tế, tránh hình thức, phô trương

Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được quy định gồm có những nhiệm vụ là: *Thứ nhất*, theo dõi, giám sát sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn cấp xã; việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về chỉ giới đất đai và sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư, kế hoạch đầu tư; tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, việc thực hiện công khai thông tin trong quá trình đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư từ nguồn vốn khác trên địa bàn cấp xã. *Thứ hai*, đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, thì thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản này và kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình. *Thứ ba*, phát hiện những việc làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc các chương trình, dự án đầu tư.

Để thực hiện tốt những nhiệm vụ theo quy định như trên, hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cần xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, gắn trực tiếp với cuộc sống của Nhân dân, gắn với các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, nguyện vọng, yêu cầu bức thiết của Nhân dân. Thực hiện giám sát, kiểm tra cần phải là những vấn đề nổi cộm, cơ bản, Nhân dân đang bức xúc cần được giải quyết. Đặc biệt, việc thực hiện của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cần thực hiện một cách thiết thực, tránh tình trạng làm qua loa, hình thức, đại khái, hoặc làm rất rầm rộ nhưng kết quả không cao, vừa gây mất thời gian, công sức của các bên liên quan, vừa không giải quyết được những vấn đề cần thiết được Nhân dân phản ánh, mà còn gây lãng phí các nguồn lực.

Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phải đảm bảo tính công khai, minh bạch và dân chủ

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: "Quản lý phải dân chủ, tài chính phải công khai - sổ sách phải minh bạch. Phải chống quan liêu, lãng phí, tham ô". Do đó, để người dân có thể tham gia giám sát, kiểm soát, cơ quan Nhà nước, các hoạt động, dự án... thì cần phải xây dựng được cơ chế công khai, minh bạch trong hoạt động, và phải được thực hiện thông qua các hình thức khác nhau, đây cũng là yêu cầu về giải pháp quan trọng hàng đầu để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Các phản ánh, kiến nghị kịp thời của Nhân dân qua công tác giám sát sẽ giúp các cơ quan Nhà

nước có thẩm quyền sớm phát hiện các vi phạm. Từ đó, có các giải pháp phù hợp để ngăn ngừa, phòng, chống hoặc xử lý các hành vi vi phạm.

Tính công khai, minh bạch trong hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng yêu cầu các hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cần được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời cũng cần tuyên truyền rộng rãi để Nhân dân, các bên liên quan nắm rõ từ chủ trương, kế hoạch và các biện pháp thực hiện. Hoạt động và kết quả thu được trong quá trình kiểm tra, theo dõi, giám sát có thể phải được các phương tiện truyền thông đăng tải để mọi người được biết. Từ đó có thể có những phản hồi, những đóng góp tích cực, phù hợp để làm kinh nghiệm cho thời gian sau.

Nâng cao hiệu quả các hoạt động phối hợp giữa Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng với các tổ chức, cơ quan, ban ngành liên quan với Nhân dân

Theo quy định, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng liên hệ chặt chẽ với Nhân dân để nắm bắt thông tin do Nhân dân phản ánh, kịp thời báo cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để giải quyết; đồng thời, thông tin lại cho Nhân dân về kết quả giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Cơ quan quản lý nhà nước, chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Do vậy, để nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cần thiết phải đảm bảo yêu cầu nâng cao hiệu quả các hoạt động phối hợp giữa Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng với các tổ chức, cơ quan, ban ngành liên quan và với Nhân dân.

Nội dung này đặt ra đối với giải pháp là Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong quá trình hoạt động cần có sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan, các bên liên quan, từ quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động; tiếp nhận thông tin phản ánh; thu thập, thông tin, tài liệu; đến việc tổ chức kiểm tra, giám sát trực tiếp tại nơi thực hiện chương trình, dự án.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có thể mời người có chuyên môn liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát cùng tham gia kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định. Thông báo kết quả kiểm tra, giám sát đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có phản ánh, kiến nghị bằng văn bản. Trường hợp phát hiện các vấn đề vi phạm hoặc có các kiến nghị khác về các chương trình, dự án trong quá trình giám sát, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Việc huy động tham gia của các tầng lớp nhân dân vào quá trình thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cần được thực hiện thường xuyên hơn, đảm bảo dân chủ, công khai minh bạch. Điều này đảm bảo tính hiệu quả các hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Hoạt động của của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cần tránh tình trạng gây cản trở cho hoạt động của các cơ quan, tổ chức khi thực hiện nhiệm vụ

Thực tế hiện nay hoạt động giám sát, kiểm tra đối với các công trình, dự án... diễn ra với nhiều hình thức, và cách thức khác nhau. Việc này cũng đưa đến hiệu quả là huy động các tầng lớp nhân dân tùy theo khả năng, năng lực để tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào quá trình kiểm tra, giám sát. Tuy nhiên, nếu việc giám sát quá nhiều hoặc không cần thận sẽ dẫn đến việc trùng lặp, hoặc gây lãng phí thời gian, công sức của Nhân dân, cơ quan liên quan; thậm chí gây cản trở công việc của cơ quan, tổ chức được giám sát.

Yêu cầu này đòi hỏi Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cần phải nắm rõ quy định về nội dung giám sát; nắm rõ nhiệm vụ, chức năng của Ban để thực hiện nhiệm vụ đúng trọng tâm, trọng điểm. Mặt khác, cũng cần có giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức, và Nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Việc phối hợp này cũng cần thực hiện theo đúng quy định.

Thành viên của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phải có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, công tâm, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và có trình độ phù hợp với công việc đảm nhận

Công cuộc đổi mới, phát triển đất nước hiện nay đang đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác cán bộ của Đảng, Nhà nước nói chung và với việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng nói riêng. Với yêu cầu này đã đặt ra cần có giải pháp đối với việc tuyển chọn thành viên của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, cần đảm bảo các yếu tố về đạo đức, phẩm chất, năng lực, trình độ và sức khỏe để đảm nhận mọi nhiệm vụ được giao. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp phải có trách nhiệm trong việc tìm kiếm, huy động người tài tham gia. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng và lựa chọn người phù hợp với công việc. Đồng thời, kiên quyết loại bỏ những người có tham vọng quyền lực, chạy chức, chạy quyền, chạy phiếu bầu, chạy cơ cấu, bè phái, cục bộ, lợi ích nhóm, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", quan liêu, tham nhũng, bảo thủ, trì trệ, làm việc kém hiệu quả, nói không đi đôi với làm. ❖

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 6, tr. 232.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr. 96 -97.

Nhận diện, ngăn chặn âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo chống phá cách mạng nước ta trong thời kỳ hội nhập quốc tế

DƯƠNG MẠNH HÙNG*

Tóm tắt: Tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những nội dung chiến lược được các thế lực thù địch, phản động triệt để lợi dụng nhằm gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Trong những năm qua, hệ thống chính trị các cấp từ Trung ương đến cơ sở dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, công tác tuyên truyền, vận động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể và sự tích cực tham gia của chức sắc, tín đồ tôn giáo, đã từng bước đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước trên các lĩnh vực.

Summary: Belief and religion are among the strategic areas that hostile and reactionary forces thoroughly exploit to destabilize political security, social order, and public safety. Over the years, the political system at all levels, from the central to the grassroots, under the leadership of the Party, the management of the State, the propaganda and mobilization efforts of the Vietnam Fatherland Front and mass organizations, and the active participation of religious dignitaries and followers, has gradually fought and defeated the schemes and tricks of hostile forces exploiting issues of belief and religion to oppose the Party and the State in various fields.

Từ khóa: Tín ngưỡng; tôn giáo; nhận diện; ngăn chặn; các thế lực thù địch; hội nhập quốc tế; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Keywords: Belief; religion; identified; prevent; hostile forces; international integration; the Vietnam Fatherland Front. Nhận bài: 25/6/2024; Sửa chữa: 28/6/2024; Duyệt đăng: 3/7/2024.

Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, tín ngưỡng. Về tín ngưỡng có khoảng hơn 8 nghìn lễ hội hàng năm; về tôn giáo có 46 tổ chức tôn giáo thuộc 16 tôn giáo được công nhận và cấp đăng ký hoạt động. Từ năm 1986 đến nay, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, hội nhập quốc tế trong đó có việc thực hiện nhất quán chính sách đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân nên trong xã hội đã xuất hiện nhiều hiện tượng tôn giáo mới với nhiều biểu hiện, tính chất khác nhau.

Qua khảo sát ở các tỉnh, thành phố có thể thấy các hiện tượng tôn giáo mới chưa có hệ thống giáo lý, giáo luật, lễ nghi hoàn chỉnh mà chủ yếu vay mượn giáo lý của các tôn giáo truyền thống như Phật giáo, Tin Lành, Công giáo, tín ngưỡng dân gian. Các hiện tượng tôn giáo mới tạo ra những áp lực cho một số chính quyền các cấp trong xử lý hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới

xảy ra trên địa bàn. Hoạt động của không ít các hiện tượng tôn giáo mới đã ảnh hưởng tiêu cực cho xã hội, như: truyền bá những tư tưởng phản khoa học về tâm lý và sức khỏe của con người; trái với văn hóa truyền thống của dân tộc, thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội; xúi giục phá bỏ bàn thờ ông bà, tổ tiên, không hiếu kính với ông bà, cha mẹ, chỉ tin vào đấng siêu nhiên gây ra những mâu thuẫn trong gia đình, dòng họ; tuyên truyền sai trái các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, gây phức tạp về an ninh, trật tự xã hội; trái với hương ước, quy ước của khu dân cư gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của một bộ phận dân cư. Một số hiện tượng tôn giáo mới tuyên truyền người tin theo không chăm lo đến sản xuất mà tụ tập cầu cúng, lợi dụng niềm tin của người theo để trục lợi bất chính, lợi

* Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

dụng giáo lý của các tôn giáo truyền thống nhưng khi thuyết giảng lại phủ nhận giáo lý các tôn giáo truyền thống, xúc phạm giáo chủ, chức sắc các tôn giáo truyền thống, gây mất đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo. Một số hiện tượng tôn giáo mới hoạt động trên phạm vi rộng đưa Bác Hồ thành Đấng Thánh như Đức Phật tái thế nên dễ dẫn đến việc gây mất an ninh chính trị, xã hội, chuẩn mực đạo đức. Trong số các hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện và tồn tại ở nước ta hiện nay có một số nhóm, hệ phái cực đoan, còn gọi là tà giáo, tà đạo với các biểu hiện tuyên truyền mê tín dị đoan, chữa bệnh tâm linh, gây phương hại về sức khỏe và tính mạng cho người tin theo. Để lôi kéo được nhiều người tin theo, các nhóm Vàng Chử, Dương Văn Minh, Amí Sara, Hà Môn... chú trọng tuyên truyền mê tín dị đoan nhấn mạnh đến ngày tận thế để những người tin theo sẽ được cứu vớt, không phải lao động mà vẫn sung sướng. Các giáo phái như: Tâm linh Hồ Chí Minh, Long hoa Di Lạc, Amí Sara, Pơ khắp Bơu, Hà Môn... hứa hẹn với tín đồ và người dân về khả năng chữa bệnh không dùng thuốc. Người đứng đầu các nhóm này luôn khuyên bệnh nhân từ chối các liệu pháp y học để chữa trị bằng pháp thuật và cầu nguyện. Một số hiện tượng tôn giáo mới gây xáo trộn trong đời sống gia đình và cộng đồng như tín đồ theo Thanh Hải Vô thượng sư hằng ngày ngồi thiền 2-3 giờ, sống cách xa họ hàng, không uống nước chung, không ăn chung bát đũa, không ăn đồ cúng lễ... gây bất hòa trong quan hệ gia đình và cộng đồng; kích động chủ nghĩa ly khai, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, gây phương hại đến an ninh quốc gia. Các tà đạo “Cây Thập giá Chúa Giêsu Krits”, “Tin lành Đấng Christ Việt Nam” và “Hà Môn” ở khu vực Tây Nguyên đều ý thức tạo dựng các giáo phái này trở thành đạo Tin lành mới và Công giáo mới của các tộc người thiểu số trên địa bàn Tây Nguyên, thể hiện rõ chủ nghĩa ly khai phục vụ mưu đồ chính trị của các thế lực phản động trong nước và ngoài nước.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, từng bước đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước trên các lĩnh vực như:

Trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng: Hệ thống chính trị các cấp đã đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước trong đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị; chức sắc, chức việc, tín đồ trong các tổ chức giáo hội về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo pháp luật; chú trọng tuyên truyền công tác tôn giáo và lợi dụng tôn giáo cho đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng có đông đồng bào theo tôn giáo; nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đồng bào. Bằng công tác tuyên truyền đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, các lực lượng chức năng ở các địa phương đã vạch trần âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề

tôn giáo, dân tộc để chống phá nước ta, làm cho đồng bào theo các tôn giáo nhận rõ bản chất thâm độc, nham hiểm của chúng.

Trên lĩnh vực kinh tế - xã hội: Chính phủ đã ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước hàng nghìn tỷ đồng để xây dựng hàng vạn công trình hạ tầng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chủ yếu là hệ thống giao thông, điện, thủy lợi, các công trình nước sạch, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, chợ... Các địa phương đã quan tâm hơn đến việc giải quyết các nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của tín đồ, chức sắc tôn giáo trong việc giúp đỡ xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự, đào tạo chức sắc, in kinh sách, giúp đỡ các tổ chức tôn giáo tổ chức sinh hoạt tôn giáo... Tạo điều kiện giúp đỡ các tổ chức tôn giáo thực hiện việc đăng ký sinh hoạt tôn giáo, công nhận tổ chức tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật. Từ năm 2003 đến nay, cơ quan quản lý nhà nước đã xem xét đăng ký hoạt động tôn giáo và công nhận tổ chức với 25 tổ chức tôn giáo, nâng tổng số các tổ chức tôn giáo được công nhận lên 46 tổ chức, thuộc 16 tôn giáo đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, góp phần quan trọng trong đấu tranh với âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch.

Trên lĩnh vực đối ngoại: Với phương châm tích cực, chủ động, mềm dẻo trong đấu tranh ngoại giao, các cơ quan chức năng ở Trung ương và các địa phương đã chủ động hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế để tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách, pháp luật và những nỗ lực, thành tựu của Việt Nam trong việc bảo đảm quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của người dân thông qua các hoạt động của Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức, cá nhân tôn giáo và liên quan đến tôn giáo ở trong nước và ở nước ngoài; tăng cường trao đổi đoàn, tham dự các diễn đàn, hội thảo, đối thoại về nhân quyền, tôn giáo với các nước EU, Mỹ, Úc, Ủy ban tự do tôn giáo quốc tế (Mỹ), diễn đàn nhân dân ASEM...; đã tổ chức cho một số đoàn nước ngoài vào tìm hiểu thực tế tình hình tôn giáo và chính sách tôn giáo của Việt Nam. Đấu tranh có hiệu quả đối với hoạt động lợi dụng tôn giáo, dân chủ, nhân quyền của các thế lực thù địch nhằm cản trở công cuộc hội nhập quốc tế của Việt Nam. Mặt khác, Nhà nước cũng cử một số đoàn cán bộ và đoàn chức sắc tôn giáo ra nước ngoài để làm rõ quan điểm của Việt Nam về chính sách dân tộc, tôn giáo, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của địch.

Trên lĩnh vực an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội: Các lực lượng chức năng đã kịp thời phát hiện, chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa nhiều âm mưu, hoạt động lợi dụng tôn giáo kích động biểu tình, phá rối an ninh, bạo loạn, gây mất ổn định chính trị - xã hội ở các địa bàn. Điển hình là công tác đấu tranh làm thất bại các hoạt động ly khai của tổ chức mạo xưng “Giáo

hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất” do Thích Quảng Độ cầm đầu; “Phật giáo Hoà hảo thuần túy” do Lê Quang Liêm cầm đầu; xử lý vụ việc gây bạo loạn ở Tây Nguyên năm 2001 và 2004 âm mưu lập “nhà nước Đêga” với “Tin Lành Đêga” làm quốc đạo; đấu tranh trấn áp số cầm đầu FULRO và tà đạo “Hà Môn” ở Tây Nguyên; xử lý vụ tụ tập đông người “xung vua”, lập “vương quốc Mông” gây rối an ninh trật tự ở Mường Nhé, Điện Biên năm 2011. Đấu tranh với các tổ chức “văn phòng Công giáo đối lập”, hoạt động của tổ chức “liên đảng Lạc Hồng”, “khối 8406”, “nhóm xã hội dân sự”, “hội tù nhân lương tâm”, “Đảng Thăng tiến Việt Nam”, “hội đồng liên tôn”, ngăn chặn âm mưu thành lập tổ chức “liên tôn chống cộng” của một số đối tượng cực đoan trong tôn giáo; đấu tranh ngăn chặn hoạt động của các “đạo lạ”, “tà giáo”, mang nội dung lệch chuẩn văn hoá, đạo đức, trái với phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, như: “Thanh Hải Vô thượng sư”, “Giê sù”, “Bà cô Dợ”, “Pơ khắp Bơu”, “Dương Văn Minh”, “hội thánh của Đức Chúa trời mẹ”; gần đây nhất các cơ quan chức năng đã truy bắt và tòa án đã tuyên những bản án nghiêm khắc xử lý các đối tượng trong tổ chức với cái gọi “hội thánh Tin Lành Đấng Christ Tây Nguyên” do các đối tượng trong và ngoài nước thực hiện bạo động, đột nhập tấn công trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ea Tiêu và xã Ea Ktur (trong đó có khu vực làm việc của Công an xã) thuộc huyện Cư Kuin.

Với phương châm “Lấy việc của tôn giáo để giải quyết vấn đề tôn giáo, dựa vào giáo hội để giải quyết việc nội bộ của giáo hội”, cấp uỷ các cấp đã chỉ đạo chính quyền, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt công tác dân vận trong vùng đồng bào có đạo, tranh thủ chức sắc, người có uy tín trong các tôn giáo, để tuyên truyền đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, góp phần giữ vững an ninh trật tự ở các địa phương. Tuy nhiên, hiện công tác quản lý nhà nước về tôn giáo hiện vẫn còn những bất cập, có nơi còn chủ quan, buông lỏng quản lý nhưng có nơi lại quá chặt chẽ, khắt khe, thậm chí cản trở, cấm đoán gây bức xúc đối với chức sắc, tín đồ, tạo cơ cho các thế lực xấu, thù địch lợi dụng xuyên tạc chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta. Nhận thức về tôn giáo và công tác tôn giáo của hệ thống chính trị ở một số nơi, nhất là ở cơ sở còn bất cập, chưa đúng với quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chưa đáp ứng yêu cầu công tác tôn giáo trong tình hình mới; chưa kịp thời nắm bắt và chủ động trong công tác tôn giáo, xử lý kịp thời những “điểm nóng” phức tạp liên quan đến tôn giáo. Trong khi đó, nhiều hoạt động tôn giáo “lấn lướt” chính quyền, vi phạm các quy định của pháp luật chưa được xử lý nghiêm. Công tác quản lý và sử dụng đất đai tôn giáo còn bất cập, một số vụ việc kéo dài, chậm được giải quyết, ảnh hưởng tới an ninh, trật tự xã hội. Công tác vận động, tập hợp quần chúng tôn giáo tham gia vào Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể ở nhiều nơi còn hạn chế. Công tác vận động, tranh thủ chức

sắc, chức việc, người có uy tín trong tôn giáo một số nơi còn mang tính hình thức, chưa tạo dựng được mối quan hệ gắn gũi, thân thiện và đồng thuận với cấp uỷ, chính quyền và các phong trào chung của đất nước. Các thế lực thù địch trong và ngoài nước vẫn triệt để lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc, câu kết với các đối tượng cực đoan trong các tôn giáo ở trong nước nhằm thực hiện “âm mưu diễn biến hòa bình”; cung cấp kinh phí cho một số nhóm phái lên lút tuyên truyền, phát triển vào Việt Nam, chú trọng địa bàn các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, xây dựng “ngọn cờ” đối trọng với một số chính quyền, các đoàn thể nhân dân ở địa phương, khi chính quyền xử lý kiên quyết với những hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của những người cầm đầu các đạo lạ, tà đạo này thì các đối tượng vu cáo, xuyên tạc, lên án Việt Nam “vi phạm nhân quyền, tự do tôn giáo”; đồng thời kêu gọi sự can thiệp từ bên ngoài, bằng con đường ngoại giao, thông qua các các tổ chức, các diễn đàn quốc tế... để gây sức ép với Chính phủ Việt Nam.

Trong thời gian tới, các thế lực thù địch tiếp tục công khai lợi dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “tự do tôn giáo” tạo cơ can thiệp vào các công việc nội bộ Việt Nam, trong đó có việc ủng hộ, giúp đỡ cho các đối tượng cực đoan. Điều đó, đòi hỏi các cấp, các ngành không được mất cảnh giác, không buông lỏng đấu tranh với âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo phá hoại sự nghiệp cách mạng nên phải thường xuyên nâng cao nhận thức về tôn giáo, công tác tôn giáo; phân biệt rõ giữa sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo bình thường theo quy định của pháp luật với việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vào mục đích chính trị, phi tôn giáo để có những giải pháp kịp thời.

Một là, tăng cường công tác nghiên cứu nhận diện, phân loại và đánh giá tác động xã hội để làm luận cứ khoa học trong xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật đối với các loại “hiện tượng tôn giáo mới”. Xác định rõ các tiêu chí để nhận diện theo từng nhóm cấp độ. Chẳng hạn như: nhóm có biểu hiện tính tôn giáo khá rõ, chưa có biểu hiện hoạt động vi phạm quy định của pháp luật, có những yếu tố tích cực; nhóm có biểu hiện tính tôn giáo, nhưng lại có hoạt động ảnh hưởng tiêu cực đến cộng đồng xã hội, hoặc ở một số quốc gia được coi là tôn giáo, nhưng trong hoạt động tại Việt Nam có những biểu hiện vi phạm pháp luật (theo Điều 5 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo); hội, nhóm trái pháp luật, có yếu tố tà giáo; nhóm bị các thế lực thù địch lợi dụng... Từ đó, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo có cơ sở tham mưu, đề xuất chính quyền các giải pháp ứng xử phù hợp với mỗi loại. Hiện tượng nào có thể định hướng cho chính quyền cơ sở xem xét theo pháp luật, từng bước cho đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung; những hiện tượng nào cần thông tin rõ tính chất hoạt động tiêu cực để mọi người hiểu, vận động, từng bước thu hẹp; hiện tượng nào cần phải đấu tranh ngăn chặn, loại bỏ theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở các kết

quả điều tra, khảo sát, nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới, đạo lạ, tà đạo, tổ chức bất hợp pháp... các cơ quan chức năng trong hệ thống chính trị cần tiếp tục phối hợp thống nhất tham mưu các văn bản hướng dẫn các địa phương trong công tác nhận diện và định hướng giải pháp quản lý đối với từng loại hiện tượng tôn giáo mới.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ công tác tôn giáo theo tinh thần Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/1/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW về công tác tôn giáo trong tình hình mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khoá XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 5/9/2019 của Bộ Chính trị (khoá XII) Về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia... trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Phổ biến cho đông đảo quần chúng nhân dân nhận thức rõ về chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước, quyền và nghĩa vụ công dân khi tham gia các sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo; nhận thức rõ đâu là chính đạo, là tôn giáo hợp pháp, đâu là tà đạo; đâu là những hành vi hoạt động trái pháp luật. Đồng thời, đề cao trách nhiệm của chức sắc, chức việc của các tổ chức tôn giáo trong việc giáo dục tinh thần yêu nước, đoàn kết dân tộc cho tín đồ, có ý thức chấp hành pháp luật, ý thức công dân và trách nhiệm đối với xã hội. Định hướng giáo dục, tuyên truyền sâu rộng trong Nhân dân giữ gìn và phát huy tín ngưỡng truyền thống, thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với Tổ quốc, dân tộc và Nhân dân nhằm loại bỏ các hiện tượng “thánh hoá” người có công thành những vị “thánh, thần, tiên, phật, đấng cứu thế”... lừa gạt, lôi kéo người dân theo vì mục đích phi tôn giáo.

Ba là, kiên quyết đấu tranh, phê phán, giáo dục và xử lý nghiêm minh theo pháp luật đối với những người có hành vi vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân; hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước; kích động, lôi kéo quần chúng tín đồ gây rối trật tự, đòi hỏi những điều mà luật pháp không cho phép, hoạt động chống đối Đảng, Nhà nước và chế độ; tạo sự đồng thuận ủng hộ của đông đảo quần chúng trong việc phê phán, lên án, tự giác đấu tranh với hành vi vi phạm pháp luật của các cá nhân lợi dụng “tôn giáo mới” “đạo lạ, tà đạo” mê hoặc một bộ phận quần chúng. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương cơ sở và giữa các lực lượng chức năng nhằm chủ động, kịp thời đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo để kích động chia rẽ Nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia, chống đối Đảng, Nhà nước. Trong đó, cần chú ý đến công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân trực tiếp tại cơ sở biết cách nhận diện và phòng chống, theo các tôn giáo hợp pháp và tín ngưỡng truyền thống. Công tác tuyên truyền,

vận động phải phát huy vai trò tham gia của các chức sắc, chức việc, người có uy tín, già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ ở cộng đồng các khu dân cư.

Bốn là, tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo định hướng thể chế hóa đầy đủ các quan điểm của Đảng và đảm bảo sự đồng bộ giữa các luật có liên quan như: đất đai, dân sự, văn hoá, y tế, giáo dục... để phát huy nguồn lực của tôn giáo vào sự phát triển xã hội. Kịp thời nắm bắt những vấn đề bức xúc nảy sinh trong cộng đồng tôn giáo để có biện pháp phù hợp, quan tâm giải quyết những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của quần chúng có tôn giáo, nhất là trong hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của tổ chức, chức sắc, tín đồ theo quy định của pháp luật. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tổ chức, chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ tôn giáo hoạt động tôn giáo theo hiến chương, điều lệ của tổ chức đã được Nhà nước chấp thuận và đúng pháp luật. Chỉ đạo giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc khiếu kiện liên quan đến tôn giáo, nhất là khiếu kiện, tranh chấp đất đai, cơ sở thờ tự tôn giáo trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật, phù hợp với thực tế, quan tâm tới nguyện vọng, nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng, hợp lý của chức sắc, tín đồ, tạo sự đồng thuận, ổn định. Cần có biện pháp quản lý việc xuất bản, in ấn để giảm thiểu các ấn phẩm tuyên truyền mê tín xuất hiện trôi nổi trên thị trường, gây xáo động trong nhận thức và tâm lý người dân; tăng cường công tác quản lý mạng xã hội của các hiện tượng tôn giáo mới.

Năm là, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với đặc điểm vùng đông bào dân tộc, tôn giáo nhằm thu hút, tập hợp chức sắc, chức việc, tín đồ tham gia. Nắm bắt, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của chức sắc, tín đồ; phối hợp tham mưu cho cấp ủy, phối hợp với chính quyền, cơ quan chức năng giải quyết kịp thời, phù hợp thực tiễn, đúng pháp luật. Đẩy mạnh các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước do Mặt trận Tổ quốc phát động; xây dựng môi trường văn hoá, tín ngưỡng lành mạnh; chú trọng công tác sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua yêu nước, biểu dương gương người tốt, việc tốt trong đông bào các dân tộc, các tôn giáo. Thực hiện tốt phương châm: kiên trì, khéo léo, tế nhị, mềm dẻo, kiên quyết, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong tuyên truyền, vận động quần chúng, tranh thủ tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ của các chức sắc, nhà tu hành có tiếng nói phê phán, lên án với các hoạt động lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật. Tăng cường quan tâm tạo điều kiện và hướng dẫn cho chức sắc, chức việc, tín đồ tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện... trong khuôn khổ quy định của pháp luật. Phát huy vai trò tự quản trong cộng đồng dân cư, vai trò của các vị chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng trong giữ gìn an ninh, trật tự ở các khu dân cư trên địa bàn cả nước. ❖

Đấu tranh với âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc ở Việt Nam hiện nay

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG*

Tóm tắt: Một trong những mục tiêu mà các thế lực thù địch, phản động thường xuyên lợi dụng để chống phá Đảng, Nhà nước ta đó là vấn đề dân tộc, trong đó có mối quan hệ giữa người Kinh với các tộc người thiểu số, gây ra những bất ổn về chính trị - xã hội. Do vậy, đấu tranh chống lại âm mưu của các thế lực thù địch và đưa ra các giải pháp nhằm củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam là thực sự cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Summary: One of the main targets that hostile and reactionary forces frequently exploit to sabotage our Party and State is the ethnic issues, particularly the relationship between the Kinh majority and ethnic minorities, causing political and social unrest. Therefore, combating the schemes of hostile forces and proposing solutions to strengthen the great national unity bloc in Vietnam is crucial in the current context.

Từ khóa: Dân tộc; đấu tranh; các thế lực thù địch; dân tộc thiểu số; Việt Nam.

Keywords: Ethnicity; fight; hostile forces; ethnic minorities; Vietnam.

Nhận bài: 12/6/2024; *Sửa chữa:* 18/6/2024; *Duyệt đăng:* 25/6/2024.

Khái quát về mối quan hệ giữa người Kinh với các tộc người thiểu số

Việt Nam vốn là nơi chuyển cư của nhiều dân tộc ở khu vực Đông Nam Á, đó là các dòng chuyển cư từ phía Nam lên, từ phía Tây sang và chủ yếu từ phía Bắc xuống. Qua các đợt chuyển cư đã có nhiều dân tộc định cư lâu dài ở Việt Nam. Các dòng chuyển cư đến đầu tiên định cư ở các thung lũng, chân núi; các đợt đến sau định cư ở rẻo giữa và sau nữa lấy rẻo cao làm nơi sinh sống. Tính chất chuyển cư như vậy đã tạo nên bản đồ cư trú của các dân tộc trở nên phân tán, xen kẽ. Đây là một đặc điểm nổi bật về bức tranh phân bố dân cư của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Cũng chính tình hình cư trú phân tán, xen kẽ đã làm cho các dân tộc ở Việt Nam không có lãnh thổ tộc người riêng. Vì vậy, không có một dân tộc nào ở Việt Nam cư trú tập trung và duy nhất trên một địa bàn¹. Tới nay, ở miền núi, không có tỉnh, huyện nào chỉ có một dân tộc cư trú. Nhiều tỉnh có trên 20 dân tộc cư trú như: Lào Cai,

Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Lâm Đồng. Nhiều xã, bản có tới 3-4 thành phần dân tộc cùng sinh sống.

Trong suốt tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam, người Kinh luôn đóng vai trò trung tâm đoàn kết các dân tộc anh em xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người Kinh có mặt ở vùng dân tộc thiểu số từ rất sớm, đặc biệt, sau năm 1954 khi hòa bình lập lại ở miền Bắc và sau năm 1975 giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, thực hiện chính sách phân bố lại dân cư trên phạm vi cả nước nhằm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng, tình trạng sinh sống đan xen giữa các tộc người càng trở nên phổ biến.

Việc các tộc người cư trú xen kẽ đã tạo điều kiện để đẩy mạnh sự giao lưu trên các lĩnh vực về văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội.

Về văn hóa, qua tiếp xúc, giao lưu, nhiều giá trị văn hóa tốt đẹp của người Kinh được các tộc người thiểu số

* Thạc sĩ, Học viện Chính trị khu vực I.

chọn lọc tiếp thu và ngược lại. Đến nay, hầu hết các tộc người thiểu số đều biết sử dụng tiếng và chữ viết của người Việt ở những mức độ khác nhau để giao tiếp, học tập, làm ăn kinh tế... Ngược lại, một bộ phận người Việt tích cực học tiếng của các tộc người thiểu số để giao tiếp và làm ăn. Họ cũng biết sống trong các ngôi nhà sàn, uống rượu cần, làm nương rẫy... như các tộc người thiểu số trong vùng².

Về kinh tế, người Kinh có thể hướng dẫn đồng bào các dân tộc thiểu số còn ở trình độ kém phát triển, thực hiện quan hệ trao đổi nhằm tăng giá trị thương phẩm của hàng hóa - dịch vụ. Đây là yêu cầu quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở vùng dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, trong quan hệ kinh tế đã phát sinh một số vấn đề, điển hình là tiêu cực trong làm ăn, buôn bán gây nên định kiến cho một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số đối với người Kinh.

Về chính trị - xã hội, trong mối quan hệ giữa người Kinh với các tộc người thiểu số thì bình đẳng, tôn trọng, hòa hợp và giúp đỡ lẫn nhau là xu hướng chủ đạo và được thể hiện ngày càng đầy đủ. Sự giúp đỡ, hỗ trợ của tộc người đa số với các tộc người thiểu số vẫn đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và đảm bảo đoàn kết dân tộc. Đội ngũ cán bộ, công chức đông đảo và có trình độ chuyên môn cao của người Kinh bao gồm giáo viên, cán bộ y tế, cán bộ khoa học - kỹ thuật... đang phục vụ ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số đã góp phần to lớn thúc đẩy kinh tế, xã hội của địa phương phát triển. Trong quan hệ hôn nhân, tỷ lệ kết hôn hỗn hợp giữa các tộc người ở khắp mọi vùng, miền ngày càng trở nên phổ biến.

Âm mưu của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ mối quan hệ giữa người Kinh với các tộc người thiểu số ở Việt Nam

Trên cơ sở phân tích mối quan hệ trên các lĩnh vực về văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội giữa người Kinh với các tộc người thiểu số do ảnh hưởng từ đặc điểm cư trú xen kẽ, cùng sinh sống đan xen và đặc biệt sự có mặt ngày càng gia tăng của người Kinh có tác động hai mặt cả tích cực lẫn tiêu cực tới các lĩnh vực trên ở vùng dân tộc thiểu số ở nước ta. Bên cạnh những hành vi tiêu cực trong làm ăn, buôn bán, một số người có chức quyền đưa con em, họ hàng lên lập nghiệp, cư trú ở những nơi thuận tiện giao thương, chủ yếu là các khu đất ven trụ sở ủy ban xã, trung tâm cụm xã, chợ, trường học, thị tứ, thị trấn ven những con đường và công trình công cộng mới được xây dựng. Những điều đó làm cho một bộ phận đồng bào các tộc người thiểu số nảy sinh tâm lý đố kỵ, quay lưng với người Kinh, đặc biệt, nảy sinh ngày càng nhiều mâu thuẫn do một số người còn cho rằng người Kinh chiếm đất đai của cha ông họ để lại. Biểu hiện trên càng bộc lộ rõ hơn trong

thời gian gần đây, khi triển khai các khu tái định cư, giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình, dự án phát triển quốc gia.

Lợi dụng vấn đề trên, các thế lực thù địch đã xuyên tạc, bịa đặt rằng người Kinh đang chiếm đất của đồng bào dân tộc thiểu số hòng phá vỡ mối quan hệ tốt đẹp giữa người Kinh với các tộc người thiểu số. Điển hình ở Tây Nguyên, những năm gần đây, các thế lực thù địch, phản động, các đối tượng cơ hội chính trị đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình”, trong đó Tây Nguyên là địa bàn trọng điểm. Từ sau ngày đất nước thống nhất (1975), nhất là trong thời kỳ đổi mới, các thế lực thù địch thông qua chiêu bài dân chủ, nhân quyền, đã tập hợp lực lượng, xây dựng cơ sở ở Tây Nguyên với tên gọi “Tin lành Đê ga”. Chúng kích động người dân tộc thiểu số tranh chấp, khiếu kiện đất đai, gây mất ổn định trật tự an ninh - xã hội. Chúng kích động, gây chia rẽ trong quần chúng nhân dân với những luận điệu xuyên tạc cho rằng người Kinh cướp đất của người Thượng (các dân tộc thiểu số tại chỗ tại Tây Nguyên), xuyên tạc chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Đỉnh điểm của những âm mưu, thủ đoạn trên là đã gây ra các cuộc bạo loạn chính trị ở Tây Nguyên vào tháng 2/2001 và tháng 4/2004 hòng chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, đòi thành lập “Nhà nước Đê ga”, làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị ở Tây Nguyên và sự thống nhất, toàn vẹn của đất nước. Với nhiều thủ đoạn để chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam, chúng kích động đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên biểu tình, vượt biên ra nước ngoài, chúng thành lập và triệt để lợi dụng các tà đạo như “Hội thánh Tin lành đáng Christ Tây Nguyên”, “Hà Môn”, “Bơ khắp Brâu” hoạt động dưới danh nghĩa các tổ chức tôn giáo để truyền bá mê tín dị đoan và kích động phá hoại, gây phức tạp tình hình an ninh, trật tự xã hội. Không chỉ xuyên tạc để hình thành và khoét sâu mâu thuẫn giữa cộng đồng các dân tộc Việt Nam, mà cụ thể ở đây là giữa dân tộc Kinh với các dân tộc Thượng, chúng còn triệt để lợi dụng các sai lầm, khuyết điểm của một số cán bộ, công chức để kích động đồng bào tụ tập gây rối, biểu tình, đồng thời vu cáo, xoáy sâu vào vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, đất đai để kích động tư tưởng ly khai, tự trị.

Giải pháp tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa người Kinh với các tộc người thiểu số trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay

Các dân tộc ở Việt Nam từ sớm đã hình thành ý thức đoàn kết, cùng chung sống một cách hòa bình trong một quốc gia đa tộc người. Từ thực tiễn, trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ đất nước, các dân tộc thiểu số đã sát cánh cùng dân tộc đa số, có nhiều đóng

góp to lớn. Trong giai đoạn xây dựng đất nước, tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các chính sách của Đảng và Nhà nước càng tập trung thực hiện đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc. Những điều đó tạo nên sức mạnh và là điều kiện cho sự tồn tại của mỗi tộc người - thành viên trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Cùng với việc triển khai các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, cư trú đan xen và sự có mặt của người Kinh ngày càng gia tăng ở khu vực miền núi và vùng dân tộc thiểu số đã tạo điều kiện cho sự tăng cường hiểu biết, hòa hợp và xích lại gần nhau giữa các tộc người, nhất là người Kinh - với vai trò chủ thể, dẫn dắt các tộc người thiểu số trong phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế... tạo ra những chuyển biến ngày càng tích cực trong đời sống của đồng bào vùng dân tộc thiểu số ở các địa phương.

Do đó, để tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa người Kinh với các tộc người thiểu số trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đấu tranh với các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ mối quan hệ tốt đẹp này, cần tập trung làm tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đồng bào dân tộc thiểu số về chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Làm rõ cho đồng bào hiểu về âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc nói chung, âm mưu của các thế lực thù địch nhằm chia rẽ người Kinh với đồng bào dân tộc thiểu số, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc và sự thống nhất đất nước nói chung, từ đó nâng cao ý thức cảnh giác của đồng bào các dân tộc thiểu số trước mọi âm mưu lôi kéo, tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Thứ hai, thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân vùng miền núi và dân tộc thiểu số.

Xuất phát từ trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đều giữa các dân tộc, Đảng và Nhà nước Việt Nam

luôn chủ trương thực hiện bình đẳng dân tộc, xem đó là một nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc. Cùng với chủ trương tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó có khu vực miền núi, tiếp tục triển khai các chương trình, mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 tạo nên những chuyển biến rõ rệt nhằm tiến tới thu hẹp sự chênh lệch trong sự phát triển của các dân tộc. Khi quyền bình đẳng dân tộc được thực hiện, đời sống người dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi được nâng cao trong thực tiễn cuộc sống thì sự thiếu tin cậy lẫn nhau giữa các tộc người cũng không còn bất kỳ khe hở nào để các thế lực thù địch có thể lợi dụng để phá hoại quan hệ giữa người Kinh với các tộc người thiểu số, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ ba, phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở trong đấu tranh vạch trần những âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc của các thế lực thù địch.

Hệ thống chính trị ở cơ sở là cấp quản lý gần gũi nhất với đời sống của quần chúng nhân dân, dễ theo sát những biến động cũng như âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch khi chúng xâm nhập vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Do đó, việc phát huy vai trò tiên phong của hệ thống chính trị ở cơ sở vừa ngăn chặn được từ sớm, từ xa âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch, vừa hạn chế tối đa những hậu quả khó lường do các thế lực thù địch gây nên.

Thứ năm, kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, phá hoại, chia rẽ mối quan hệ giữa các tộc người, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên cần tham gia tuyên truyền sâu rộng để các tầng lớp nhân dân nhận thức rõ âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch đang lợi dụng những khuyết điểm, hạn chế, sơ hở của các cấp chính quyền, của Đảng, Nhà nước và vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ đó, tạo sự chuyển biến căn bản trong nhận thức, nâng cao tinh thần cảnh giác, sự nhạy bén trong nhận diện và tích cực tham gia đấu tranh với những quan điểm sai trái, thù địch. ❖

Chú thích:

1,2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: "Giáo trình lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam", Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2021, tr. 81, 94.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Nghiêm Vạn: Cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2003.
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: "Giáo trình lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam", Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2021.
3. Nguyễn Cúc, Đoàn Minh Huấn: Hình thái cư trú xen kẽ giữa các tộc người và tác động của nó đối với quan hệ tộc người ở Việt Nam, Tạp chí Dân tộc học, số 2/2008.
4. Nguyễn Văn Minh: Một số vấn đề về quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay, bài đăng Tạp chí Dân tộc học số 2/2019.
5. Phan Hữu Dật (Chủ biên): Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011.
6. Trương Minh Dục: Kinh nghiệm đấu tranh với thủ đoạn lợi dụng quan hệ dân tộc và tôn giáo của các thế lực thù địch ở Tây Nguyên, Tạp chí Lịch sử Đảng 6/2022.

Phê phán các luận điệu xuyên tạc về chính sách dân tộc ở Việt Nam

ĐINH CÔNG TUYẾN*

Tóm tắt: Ở Việt Nam, chính sách dân tộc là những quyết sách của Đảng, Nhà nước tác động trực tiếp đến các dân tộc và quan hệ dân tộc để phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo quốc phòng, an ninh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hướng tới mục tiêu bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các vùng và các dân tộc. Điều này thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, tình cảm, trách nhiệm của cả nước đối với những đóng góp của đồng bào các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Summary: In Vietnam, ethnic policies represent the decisions of the Party and State that directly impact ethnic groups and ethnic relations, aimed at developing economic, political, socio-cultural aspects, protecting ecological environments, ensuring national defense and security in areas inhabited by ethnic minorities. These policies aim for equality, solidarity, mutual respect, and mutual development among regions and ethnic groups. This demonstrates the superiority of the socialist regime, as well as the nation's sentiment and responsibility towards the contributions of ethnic compatriots in the cause of building and defending the Fatherland.

Từ khóa: Chính sách dân tộc; phê phán; luận điệu xuyên tạc; quan hệ dân tộc; Việt Nam.

Keywords: Ethnic policies; criticism; distorted arguments; ethnic relations; Vietnam.

Nhận bài: 18/6/2024; *Sửa chữa:* 25/6/2024; *Duyệt đăng:* 28/6/2024.

Bất chấp những nỗ lực thực hiện và thành quả vượt bậc trong xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta, các thế lực thù địch vẫn ra sức xuyên tạc, chống phá bằng nhiều âm mưu, thủ đoạn. Chúng cho rằng, Nhà nước hầu như không, hoặc rất ít quan tâm, dẫn đến đồng bào thiệt thòi, khi về chính trị thì đồng bào không có bình đẳng, tiếng nói để "bảo vệ" mình; về kinh tế, thì vùng đồng bào dân tộc thiểu số ít được "đầu tư", nên cuộc sống đồng bào ngày càng khó khăn, bà con không có tư liệu sản xuất, buộc phải "nhượng" đất cho người Kinh, tiếp tục mưu sinh bằng cách phá rừng...; về văn hóa, do bị "đồng hóa" văn hóa người Kinh, khiến các tộc người mất đi bản sắc truyền thống vốn có; về xã hội, thể trạng, học vấn, điều kiện phát triển của đồng bào so với người Kinh có khoảng cách ngày càng lớn. Chúng ra sức kích động mâu thuẫn giữa các dân tộc với nhau, giữa đồng bào dân tộc thiểu số

với hệ thống chính trị, biểu hiện bằng việc đồng bào bị lôi kéo tham gia các cuộc biểu tình, bạo loạn, tạo ra các điểm nóng chính trị, gây ra nhiều hậu quả cho xã hội.

Luận cứ đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay, đó là:

Một là, thực tiễn đã chứng minh, chính sách dân tộc ở nước ta được sớm quan tâm và có từ rất sớm, không phải như những luận điệu cho rằng thời gian gần đây khi mà nhiều vấn đề "nóng" liên quan tới đồng bào dân tộc thiểu số, được quốc tế "quan tâm và vào cuộc" thì các chính sách dân tộc mới được chúng ta đề ra và thực hiện. Từ năm 1930 cho đến nay, Đảng ta đã luôn nhất quán quan điểm: "Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng. Thực hiện tốt chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, giúp nhau cùng phát triển"¹. Đặc biệt, trong quá trình đổi mới toàn

* Thạc sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

diện đất nước được bắt đầu từ năm 1986, vấn đề dân tộc đã tiếp tục được quan tâm, ưu tiên thực hiện thông qua một số Nghị quyết lớn như: Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi, tình hình miền núi và các vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới... với rất nhiều điểm mới, mang tính đột phá, là định hướng để Nhà nước triển khai các Nghị quyết, Chương trình lớn về phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hiện nay, với 85 luật, bộ luật, 52 nghị định của Chính phủ, 49 thông tư và thông tư liên tịch quy định các nội dung về công tác dân tộc, đã tạo cơ chế phát triển toàn diện, hướng tới mục tiêu bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các vùng và các dân tộc ở Việt Nam.

Hai là, trong thời kỳ đổi mới, việc xây dựng và triển khai thực hiện chính sách dân tộc đã mang tính đồng bộ, toàn diện. Hoàn toàn không có chuyện giữa việc xây dựng và thực hiện các chính sách dân tộc có một “khoảng cách xa” và “độ vênh lớn”, các chính sách dân tộc vì đó “khó có khả năng phát huy hiệu quả”. Trong giai đoạn đổi mới đất nước, có thể nói việc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, mang nhiều ý nghĩa lịch sử. Với 53 dân tộc thiểu số với 14.119.256 người, chiếm 14,68% dân số cả nước, sinh sống tại 54 tỉnh, thành phố, 503 huyện và 5468 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 382 xã biên giới². Nếu như giai đoạn những năm đầu đổi mới, các chính sách mang tính trợ giúp, giúp đỡ để giải quyết các vấn đề cấp bách, liên quan trực tiếp tới đời sống của đồng bào, với các chương trình liên quan đến công tác xóa đói, giảm nghèo, thể hiện cụ thể như các chương trình 134, 135... Thì đến những năm gần đây, hàng loạt các chính sách đã được đề ra và thực hiện, bao phủ toàn diện các lĩnh vực, đáp ứng được tính kịp thời, đồng bộ, liên kết, minh bạch. Hiện nay, chúng ta đang có 118 chính sách ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bao gồm 54 chính sách trực tiếp cho các đồng bào dân tộc thiểu số, vùng dân tộc thiểu số và miền núi, 64 chính sách chung có ưu tiên cho đồng bào các dân tộc thiểu số³, nhiều chính sách bảo đảm được lộ trình trung hạn, dài hạn cho các mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025, đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với sự đề cao vai trò tham gia của đồng bào. Điểm nhấn quan trọng là bên cạnh hai Chương trình xây dựng Nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững, lần đầu tiên nước ta có Chương trình mục tiêu quốc gia dành riêng cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi, thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước.

Ba là, các luận điệu cho rằng trong triển khai các chính sách dân tộc, Đảng và Nhà nước không hề đảm bảo tính công bằng, bình đẳng, đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta “ngày càng bị ngược đãi”, bị “phân biệt đối xử”; do vậy các chính sách dân tộc thực chất chỉ mang lại lợi ích cho một nhóm người, còn đồng bào dân tộc thiểu số không được hưởng thụ gì cả, và đây chính là nguyên nhân của những bức xúc, dẫn đến những vụ việc bạo loạn của đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, thực tiễn đã cho thấy điều ngược lại, khi mà trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước đã luôn nỗ lực ưu tiên tập trung bố trí đầu tư, hỗ trợ kinh phí nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Với tổng kinh phí giai đoạn 2003 - 2008 là khoảng 250.000 tỷ đồng, giai đoạn 2011 - 2015 là 690.000 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 là 998.000 tỷ đồng, nguồn lực này được tập trung vào xây dựng hàng vạn công trình hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất... cho hàng trăm nghìn hộ đồng bào các dân tộc thiểu số⁴. Trong gần 40 năm qua, những thành tựu lớn trong thực hiện chính sách dân tộc được biểu thị rõ nét, mà người thụ hưởng chính là đồng bào dân tộc thiểu số: Kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển đúng hướng và có chuyển biến mạnh. Từ thời điểm bắt đầu đổi mới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có mức tăng trưởng thấp, đa số người dân trong diện nghèo đói. Khi bắt đầu tiến hành các chủ trương của Đảng về đổi mới, hàng năm tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng dân tộc thiểu số và miền núi bình quân 7%/năm, cao hơn bình quân chung của cả nước. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, bình quân giảm 4%/năm; riêng các xã đặc biệt khó khăn giảm trên 4%/năm; các huyện nghèo giảm 5 - 6%/năm. Đã có 8/64 huyện nghèo thoát nghèo; 14/30 huyện hưởng cơ chế huyện nghèo thoát nghèo; 124 xã, 1.322 thôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn; 1.052 xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới⁵. Một số địa phương đã có các mô hình triển khai có hiệu quả như: Tỉnh Lâm Đồng có những mô hình: “Nhiều người giúp một người” (Hòa Nam - Di Linh); “Giúp nhau giảm nghèo nhanh, bền vững” (xã Tà Năng - Đức Trọng); phát triển kinh tế hộ sản xuất (xã B’Lá - huyện Bảo Lâm). Tỉnh Hòa Bình có mô hình khởi nghiệp trong “Liên kết phát triển trồng và sản xuất các sản phẩm của cây sachi (huyện Đà Bắc). Tỉnh Bình Phước có mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, bền vững từ đầu vào, sản xuất hữu cơ và tiêu thụ sản phẩm hạt điều tại huyện Bù Đăng và Bù Gia Mập,... Hệ thống chính trị được củng cố vững mạnh, vai trò và tham gia vào bộ máy chính quyền cũng như những đóng góp vào đời sống xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng được đảm bảo. Năm 2019, cả nước có 605.582 đảng viên là người dân tộc thiểu số, chiếm 11,98% tổng số đảng viên cả nước. Kết quả bầu nhân sự cấp ủy tại 67 Đảng bộ trực thuộc Trung ương nhiệm kỳ 2020 - 2025 ghi nhận cấp ủy viên người dân tộc thiểu số

là 389 đồng chí, đạt tỷ lệ 11,68%, cao hơn nhiệm kỳ trước 0,72%⁶. Trong Quốc hội, số lượng đại biểu Quốc hội người dân tộc thiểu số ở Việt Nam đã tăng dần, khóa XIII: 15,6%, khóa XIV: 17,3%, khóa XV: 17,84%. Văn hóa trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được giữ gìn và phát huy, các thiết chế văn hóa cơ sở như nhà văn hóa, thư viện, câu lạc bộ, trung tâm sinh hoạt cộng đồng,... đã có ở 100% các làng, thôn, bản, buôn, phum, sóc. Hiện 22 tỉnh, thành trên cả nước đang triển khai dạy và học chính thức 6 thứ tiếng, hệ phát thanh dân tộc VOV4 của Đài Tiếng nói Việt Nam hàng ngày phát 12 chương trình tiếng dân tộc thiểu số; kênh VTV5 của Đài Truyền hình Việt Nam sản xuất và phát sóng 28 thứ tiếng dân tộc thiểu số với thời lượng 24/24h/ngày... Nhiều công trình văn hóa đặc sắc đã được vinh danh di sản văn hóa phi vật thể nhân loại như: Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, Hát then của đồng bào Tày - Nùng ở Việt Bắc... Các vấn đề xã hội được cải thiện và nâng cao. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và phát triển rộng khắp, kể cả ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. 100% huyện có đường đến trung tâm huyện; 98,4% xã có đường ô tô đến trung tâm xã; 100% xã và 97,2% thôn bản có điện lưới quốc gia; 93,9% hộ gia đình được sử dụng điện; 100% xã có trường tiểu học và trung học cơ sở; 99,7% xã có trường mầm non; 99,3% xã có trạm y tế; 65,8% xã và 76,7% thôn có nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng⁷. Quốc phòng, an ninh được đảm bảo duy trì khi các mô hình như "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư", phong trào "Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới", "Đảm bảo an ninh trật tự trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số", "Tiếng kèn an ninh", "Giáo xứ bình yên - đảm bảo an ninh trật tự", "Camera an ninh",... được triển khai

rộng khắp và đạt hiệu quả cao, bảo đảm an ninh, trật tự trong các vùng.

Các thế lực thù địch cho rằng đồng bào sẽ "nổi dậy" khi không thể chịu được sự "áp bức" của chính quyền ở nơi sinh sống. Tuy vậy, thực tiễn cho thấy nguyên nhân hoàn toàn khác so với những gì các thế lực thù địch rêu rao. Những năm 2004, khi trả lời lý do tại sao lại tham gia "biểu tình" gây rối ở Tây Nguyên, đồng bào cho biết do nhẹ dạ cả tin khi nghe tuyên truyền về "chủ quyền" của cái gọi là "nhà nước Đê-ga độc lập", "đuổi người Kinh về xuôi"; nghe theo dụ dỗ và "lời hứa" tham gia thì sẽ được "hưởng thụ sung sướng", được chia nhà, đất ở thành phố, cá nhân nào càng nhiệt tình, thì sẽ được ghi nhận và thưởng lớn, nếu không tham gia, đồng bào sẽ bị đe dọa đốt nhà, sát hại... Đây cũng chính là kết quả rõ nét để phản bác lại âm mưu dựa vào đồng bào dân tộc để chống phá cách mạng.

Có lẽ, trong thời gian tới thì vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta vẫn là một trong những trọng tâm mà các thế lực thù địch tăng cường chống phá bằng nhiều âm mưu, thủ đoạn. Tuy vậy, cũng như các giai đoạn trước và thực tiễn đang diễn ra, những âm mưu và hành động này chắc chắn sẽ thất bại, bộ mặt của những kẻ kích động chắc chắn sẽ bị lột trần, các giọng điệu chống phá hoàn toàn rơi vào lạc lõng,... Lý do chủ đạo để khẳng định niềm tin này chính là hiệu quả của các chính sách dân tộc đã và đang làm thay đổi toàn diện diện mạo vùng theo hướng bền vững và hiện đại, từ đó củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc thiểu số vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta. ❖

Chú thích:

1. Chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, Nxb. Văn hoá dân tộc, H. 2000, tr.127.
2. Xem Báo cáo số 850/BC-UBDT ngày 29/6/2021 của Ủy ban Dân tộc về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.
- 3.4. https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/821701/chinh-sach-dan-toc-cua-viet-nam-qua-35-nam-doi-moi.aspx
5. <https://dangcongsan.vn/chuong-trinh-muc-tieu-quooc-gia-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-vung-dong-bao-dtts-n/chinh-sach-va-cuoc-song/doi-moi-cong-tac-xay-dung-to-chuc-thuc-hien-chinh-sach-dan-toc-625256.html>
6. <http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Chinh-tri/982524/27-bi-thu-tinh-thanh-uy-khong-phai-nguoi-dia-phuong>
7. Báo cáo 732/BC-UBDT ngày 10/6/2021 của Ủy ban Dân tộc về tổng kết chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
4. Ban chấp hành Trung ương (Khóa IX), Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác dân tộc trong tình hình mới, Hà Nội, 2003.
5. Ban chấp hành Trung ương (Khóa XII), Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, Hà Nội, 2019.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
7. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công

TRẦN QUỐC DÂN*

Tóm tắt: Chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng là chính sách đặc biệt quan trọng trong hệ thống chính sách an sinh xã hội của nước ta, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta đối với những người đã hy sinh, cống hiến to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, trong đó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm nòng cốt, việc thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trong tình hình mới đòi hỏi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần phát huy hơn nữa vai trò trong thực hiện tốt chính sách ưu đãi đối với người có công.

Summary: The policy of preferential treatment for revolutionary contributors is a particularly important policy within our social welfare system, demonstrating the Party and State's care for those who have made significant sacrifices and contributions in the cause of national liberation, construction, and defense of the Fatherland. Under the leadership of the Party, the administration of the State, and the involvement of the entire political system, with the Vietnam Fatherland Front at its core, the implementation of policies favoring revolutionary contributors has achieved significant results. In the current context, the Vietnam Fatherland Front needs to further promote its role in implementing preferential policies for revolutionary contributors.

Từ khóa: Thương binh, liệt sĩ; gia đình có công với cách mạng; chính sách ưu đãi; ghi nhận; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Keywords: Veterans, martyrs; revolutionary contributors; preferential policies; achievements; the Vietnam Fatherland Front. Nhận bài: 28/6/2024; Sửa chữa: 3/7/2024; Duyệt đăng: 5/7/2024.

Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Nhân dân đối với người có công với cách mạng

Thắng lợi vĩ đại của các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước trước đây và những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay ghi nhận công lao to lớn, sự hy sinh dũng cảm, tinh thần lao động quên mình của dân tộc ta, trong đó có sự đóng góp to lớn của các liệt sĩ, thương binh, người có công với cách mạng. Với truyền thống đạo lý "Uống nước, nhớ nguồn", ngay từ những ngày đầu gian khổ, ác liệt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị chọn một ngày kỷ niệm để Tổ quốc và đồng bào tỏ lòng "hiếu nghĩa bác ái" đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công. Thực hiện chỉ thị của Người, các ban, ngành đã thống nhất lấy ngày 27/7

là Ngày Thương binh toàn quốc. Người nhấn mạnh: "Thương binh là những người đã hy sinh gia đình, hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ đồng bào. Vì lợi ích của Tổ quốc, của đồng bào, mà các đồng chí chịu ốm yếu, què quặt. Vì vậy Tổ quốc, đồng bào phải biết ơn, phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy"¹. Người căn dặn toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta: "Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần "tự lực cánh sinh". Đối với các liệt sĩ, mỗi địa phương (thành phố, làng, xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sĩ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta"². Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, theo Chỉ thị

* Nguyên Phó Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

số 223/CT-TW ngày 8/7/1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ năm 1975, ngày 27/7 hằng năm chính thức trở thành Ngày Thương binh - Liệt sĩ của cả nước. Đây là ngày có ý nghĩa quan trọng để đồng bào cả nước bày tỏ lòng biết ơn sâu nặng trước những cống hiến, hy sinh to lớn của những thế hệ cha anh đã ngã xuống vì lý tưởng, mục tiêu cao đẹp: Bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc, đem lại hòa bình, hạnh phúc, ấm no cho Nhân dân.

Thực hiện tư tưởng, tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thương binh, liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến việc ban hành và thực hiện tốt chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng. Từ năm 1947 đến nay, hệ thống chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và bảo đảm an sinh xã hội từng bước được hoàn thiện. Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành đã ban hành nhiều bộ luật, luật và hàng trăm văn bản dưới luật trong từng lĩnh vực cụ thể liên quan trực tiếp đến việc thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng. Từ khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 1/6/2012 một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành 13 luật và bộ luật, 3 pháp lệnh, 10 nghị quyết; Chủ tịch nước ban hành 8 quyết định; Chính phủ ban hành 18 nghị quyết và 120 nghị định; Thủ tướng Chính phủ ban hành 7 chỉ thị và 224 quyết định; các bộ, ngành đã ban hành hàng trăm thông tư và thông tư liên tịch, quyết định, văn bản hướng dẫn để triển khai đồng bộ chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và an sinh xã hội³.

Chính sách ưu đãi đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và người có công với cách mạng không chỉ là đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc, mà trở thành một hệ thống chính sách lớn của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp đổi mới, góp phần to lớn vào sự ổn định và phát triển xã hội. Ngay từ những ngày đầu đổi mới Đảng ta đã khẳng định: "Thực hiện tốt chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình cán bộ, chiến sĩ chiến đấu ngoài mặt trận, gia đình có công với cách mạng"⁴. Trong các kỳ Đại hội tiếp theo, Đảng ta luôn nhất quán với chủ trương đó và bổ sung, hoàn thiện, nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội, phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội chăm lo đời sống cho thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng: "Huy động mọi nguồn lực xã hội cùng với Nhà nước chăm lo tốt hơn nữa đời sống vật chất và tinh thần của những người và gia đình có công. Giải quyết dứt điểm các tồn đọng về chính sách người có công, đặc biệt là người tham gia hoạt động bí mật, lực lượng vũ trang, thanh niên xung phong các thời kỳ cách mạng và kháng chiến..."⁵; "Thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công trên cơ sở huy động mọi nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực của Nhà nước; bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình trở lên"⁶. Tinh thần đó cũng tiếp tục được nhấn mạnh tại Đại hội XIII của Đảng: "Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách đối với người có công trên cơ sở nguồn lực của Nhà nước và xã hội, bảo đảm người

có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên trong địa bàn cư trú. Cân đối ngân sách để tiếp tục thực hiện việc nâng mức trợ cấp xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, giải quyết căn bản chính sách đối với người có công"⁷.

Từ chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước đã không ngừng xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách đối với thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng. Có thể kể đến hai pháp lệnh: Pháp lệnh phong tặng và truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng" và Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng (nay là Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng). Hai pháp lệnh về người có công, thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ ra đời là cơ sở, căn cứ quan trọng để Nhà nước và Nhân dân không ngừng cố gắng nâng cao chất lượng, hiệu quả trong chăm lo cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng, giúp cho họ từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần.

Thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trong thời gian qua

Một là, giải quyết hồ sơ tồn đọng. Theo báo cáo của ngành thương binh - xã hội, đến năm 2020, đã cơ bản giải quyết hồ sơ tồn đọng xác nhận người có công với cách mạng. Đặc biệt là trong hai năm 2014 - 2015, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tổ chức tổng rà soát, đánh giá tình hình thực hiện chính sách người có công với cách mạng trên toàn quốc với 2.070.842 đối tượng⁸. Quy trình giải quyết hồ sơ tồn đọng xác nhận người có công với cách mạng bảo đảm công khai, minh bạch.

Hai là, công tác chăm lo đời sống gia đình người có công và công tác thương binh, liệt sĩ. Hiện nay, cả nước có trên 1,2 triệu người có công được hưởng trợ cấp hàng tháng, hơn 280.000 thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng; mức chuẩn trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công được điều chỉnh tăng phù hợp với lộ trình điều chỉnh tăng mức tiền lương cơ sở. Nhà nước mua bảo hiểm y tế cho gần 1.815.000 người có công; quan tâm đến việc đào tạo nghề cho người có công và con của họ; Bộ Quốc phòng đã tiếp nhận 1.149 người là con thương binh, bệnh binh nặng vào làm việc tại các doanh nghiệp quốc phòng. Đến cuối năm 2019, đã cơ bản hoàn thành việc hỗ trợ dứt điểm nhà ở cho 339.176 hộ người có công trên cả nước, đạt 96,7% số hộ cần hỗ trợ⁹.

Ba là, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu chăm sóc, điều dưỡng người có công. Thời gian qua, các cơ quan có trách nhiệm đã tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, chỉnh hình - phục hồi chức năng cho người có công. Cả nước có 65 cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng được đầu tư để đáp ứng yêu cầu chăm sóc, điều dưỡng hơn 1.000 người có công, nhất là thương binh nặng¹⁰.



Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Đỗ Văn Chiến gặp mặt Đoàn đại biểu người có công tiêu biểu tỉnh Nam Định, nhân dịp kỷ niệm 77 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2024).

ẢNH: QUANG VINH

Bốn là, thực hiện có hiệu quả Đề án tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin. Đây là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, vì vậy, Đề án luôn nhận được sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ, nhiệt tình, trách nhiệm của các ban, bộ, ngành, địa phương khẩn trương triển khai với nhiều giải pháp đồng bộ. Từ năm 2012 đến năm 2022, toàn quốc đã tìm kiếm, quy tập được 18.583 hài cốt liệt sĩ, trong đó từ Lào: 2.988 hài cốt, Campuchia: 6.499 hài cốt, trong nước: 9.096 hài cốt¹¹. Đồng thời, việc xây dựng, nâng cấp, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ, mộ liệt sĩ, công trình ghi công được quan tâm đầu tư.

Năm là, phong trào “Toàn dân chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng”, ủng hộ Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” ngày càng phát triển sâu rộng. Cả nước đã vận động được trên 13.000 tỷ đồng để hỗ trợ gia đình người có công; xây dựng mới trên 84.000 căn nhà và sửa chữa trên 69.000 căn nhà tình nghĩa; tặng gần 126.000 sổ tiết kiệm cho gia đình chính sách với tổng số tiền trên 1.000 tỷ đồng; 3.625 Mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các tổ chức nhận chăm sóc, phụng dưỡng suốt đời. Đến nay, 98,6% hộ người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú; 99% xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ¹².

Những kết quả quan trọng nói trên đã được Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII khẳng định: “Chính sách ưu đãi, tôn vinh người có công với cách mạng được chú trọng, thực hiện tốt”¹³. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng vẫn còn một số hạn chế: 1) Việc tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ hy sinh trong các cuộc chiến tranh ở trong và ngoài nước vẫn còn tồn đọng nhiều (gần 200 nghìn liệt sĩ chưa tìm thấy hài cốt); 2) Việc xác minh danh tính hài cốt liệt sĩ còn chậm (còn gần 300 nghìn hài cốt liệt sĩ chưa xác định danh tính); 3) Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng triển khai chậm¹⁴.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với việc thực hiện chính sách người có công với cách mạng

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Để hoàn thành trọng trách của mình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau đây:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách ưu

đãi đối với người có công với cách mạng trong các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vị trí, vai trò của chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng. Cần làm rõ đây là chính sách đặc biệt chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống chính sách an sinh xã hội của nước ta, thực hiện cho những đối tượng đặc biệt, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với người đã có những hy sinh, cống hiến to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao trách nhiệm cá nhân, tạo động lực góp phần phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kịp thời và sâu rộng các quy định về chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và các trình tự, thủ tục thực hiện.

Hai là, tích cực tham gia vào việc rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện và thực hiện tốt hơn nữa chính sách, pháp luật đối với người có công kịp thời, hiệu quả, bảo đảm tôn vinh toàn diện và đầy đủ đối với người có công; tiếp tục cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội; hỗ trợ nhà ở, giáo dục, đào tạo, việc làm, phát triển sản xuất và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người có công và thân nhân, bảo đảm người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên trong địa bàn cư trú. Tập trung nguồn lực tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; hoàn thành cơ bản việc giải quyết chế độ, chính sách đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế. Hoàn thiện hệ thống thông tin, dữ liệu về người có công. Tiếp tục huy động sự tham gia của hệ thống chính trị và toàn xã hội vào các phong trào đền ơn đáp nghĩa.

Ba là, tích cực tham gia vào việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với việc thực hiện các chính sách ưu đãi người có công; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường mối quan hệ phối hợp thiết thực, hiệu quả với các bộ, ban ngành trung ương và địa phương trong việc thực hiện chính sách ưu đãi người có công; thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và đề nghị xử lý nghiêm các vi phạm trong thực hiện pháp luật, chính sách ưu đãi người có công.

Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, đoàn thể, các cấp chính quyền địa phương phát huy tối đa những điều kiện thuận lợi, nghiên cứu ban hành các cơ chế, biện pháp hỗ trợ cụ thể, thiết thực, hiệu quả, phát huy vị trí, vai trò của người có công, thương binh, bệnh binh và gia đình, nhất là trong phát triển sản xuất kinh doanh, kinh tế hộ gia đình, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, giúp đỡ đồng đội có hoàn cảnh khó khăn phát triển kinh tế, nhận giúp đỡ con các cựu chiến binh vào làm việc... để đóng góp ngày càng nhiều cho cộng đồng, xã hội và đất nước.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm và các tầng lớp nhân dân bằng những việc làm cụ thể, thiết thực, tích cực tham gia đối với công tác người có công và các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Toàn dân chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng”, xây dựng “Nhà tình nghĩa”, đóng góp Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, tặng “Sổ tiết kiệm tình nghĩa”, phụng dưỡng các Mẹ Việt Nam Anh hùng...; coi đó là trách nhiệm, tình cảm, vinh dự góp phần bù đắp những thiệt thòi, đồng thời tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với những người đã có công lao trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, góp phần thực hiện tốt an sinh xã hội, vun đắp, tô thắm thêm truyền thống nhân nghĩa, trung hiếu tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Năm là, phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức đoàn thể khác tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nhất là cho thế hệ trẻ, bằng nhiều hình thức phong phú, nội dung đa dạng, sâu sắc trên nhiều phương tiện với cách làm mới, sáng tạo về lịch sử đấu tranh hào hùng của dân tộc, biết ơn quá khứ, hướng về cội nguồn với những giá trị cao đẹp: lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần sẵn sàng xả thân, cống hiến, hy sinh với niềm tin, khát vọng mãnh liệt vào tương lai, vào sự trường tồn của quốc gia dân tộc. Từ đó, tạo động lực để những thế hệ hôm nay nâng cao ý thức trách nhiệm, ý thức rèn luyện, phấn đấu vươn lên viết tiếp những trang sử vàng và tô thắm truyền thống cách mạng của dân tộc anh hùng, bảo vệ những giá trị tốt đẹp, những thành quả to lớn mà cha ông đã dày công gìn giữ, không ngừng đổi mới, sáng tạo, cống hiến để bảo vệ và xây dựng nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc. ❖

Chú thích:

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 5, tr. 204.
2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, tập 15, tr. 616.
- 3,8,9,10,11,12. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng: Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (Dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2023, tr.49-54.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, Phần I (Đại hội VI, VII, VIII, IX), tr.279.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, Phần II (Đại hội X, XI, XII), tr.430, 678.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.148-149.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2023, tr.74.

Quan điểm và giải pháp nâng cao vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số

NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA*, NGUYỄN VĂN QUÝ**, NGUYỄN THỊ HÒA***

Tóm tắt: Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, văn hóa có vai trò hết sức quan trọng, là nền tảng tinh thần, động lực phát triển của xã hội. Hiện nay, trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trách nhiệm bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống của thanh niên ngày càng trở nên quan trọng, mà đại diện là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - tổ chức tiên tiến của thanh niên Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập.

Summary: In the cause of building and protecting the Fatherland, culture plays a crucial role as the spiritual foundation and driving force for social development. Currently, in the trend of globalization, international integration, and the strong development of the Fourth Industrial Revolution, the responsibility to preserve and promote traditional culture among youth is increasingly crucial. Representing this effort is the Ho Chi Minh Communist Youth Union - the advanced organization of Vietnamese youth, founded by the Communist Party of Vietnam and President Ho Chi Minh.

Từ khóa: Văn hóa; truyền thống; bảo tồn; chuyển đổi số; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Keywords: Culture; traditional; preserve; digital transformation; Ho Chi Minh Communist Youth Union.

Nhận bài: 12/6/2024; *Sửa chữa:* 18/6/2024; *Duyệt đăng:* 25/6/2024.

Quan điểm nâng cao nhận thức về văn hóa truyền thống cho thanh niên trong bối cảnh chuyển đổi số

Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XII đã chỉ ra "cần tăng cường và làm tốt hơn nữa công tác giáo dục chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, để thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước ta thực sự "vừa hồng vừa chuyên", như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu". Để thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề ra, Ban Chấp

hành Trung ương Đoàn khóa XII xác định thực hiện Chương trình "Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030".

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, học tập, nghiên cứu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng; tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, truyền thống văn hóa, lịch sử của Đảng và dân tộc cho thanh niên. Giáo dục đoàn viên, thanh niên thông qua những

* Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Thanh niên.

** Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Thanh niên.

*** CN. Viện Nghiên cứu Thanh niên.

hoạt động thực tiễn và các phong trào thi đua yêu nước. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng và thực hiện thật tốt các chuẩn mực đạo đức; định hướng giá trị nhân cách, có khả năng tự đề kháng và tích cực đấu tranh với những âm mưu chống phá của các thế lực thù địch. Bên cạnh đó, chương trình “Đồng hành với thanh niên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần” được Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng và phát triển. Đoàn đã tổ chức đa dạng các loại hình hoạt động văn hóa, nghệ thuật, tổ chức nhiều diễn đàn, hội thảo về phát huy vai trò của thanh niên trong thực hiện nhiệm vụ chấn hưng văn hóa, bảo vệ biên cương tư tưởng văn hóa trong kỷ nguyên số.

Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo hướng coi trọng thực chất, hiệu quả, chuyên sâu, chuyên đề; tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên, thanh niên, đổi mới và nâng cao hiệu quả các đợt sinh hoạt chính trị “Khát vọng cống hiến - Lễ sống thanh niên”, các cuộc thi, tìm hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trên internet; triển khai đồng bộ, rộng khắp công tác giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc cho thanh thiếu nhi; giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hình thành thói quen “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật trong đoàn viên, thanh niên”. Đổi mới phương thức tuyên truyền, giáo dục của Đoàn, thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, tận dụng tối đa ưu thế internet, mạng xã hội, đặc biệt là trang web Ứng dụng Thanh niên Việt Nam. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và tính giáo dục của các ấn phẩm, sản phẩm của cơ quan báo chí, xuất bản, trang cộng đồng của Đoàn; củng cố hoạt động của các thiết chế văn hóa dành cho thanh thiếu nhi do Đoàn quản lý.

Đoàn xây dựng những hoạt động gắn liền với thực tiễn như tổ chức để thanh niên tham gia bảo tồn các di sản văn hóa, các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc thông qua các hoạt động tham gia tu sửa, tôn tạo, bảo vệ, giữ gìn cảnh quan môi trường các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh tại địa phương; chỉnh trang khuôn viên các tượng đài, nghĩa trang, thấp nển tri ân các anh hùng liệt sỹ. Bên cạnh đó, đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá các di sản văn hóa, di tích lịch sử, cách mạng của quê hương, đất nước thông qua các hoạt động về nguồn, hành trình đến với địa chỉ đỏ; vận động thanh thiếu nhi hát quốc ca tại các địa chỉ đỏ; đăng tải các video giới thiệu về danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, cách mạng, di sản văn hóa... của địa phương bằng tiếng

Việt và tiếng Anh; thành lập các câu lạc bộ, đội hình tình nguyện hướng dẫn du lịch, giới thiệu danh lam, danh thắng, di sản văn hóa truyền thống của địa phương; tham gia hỗ trợ tổ chức các lễ hội truyền thống. Đồng thời, các cấp bộ đoàn cũng tập trung tuyên truyền, giáo dục, vận động thanh niên và Nhân dân gìn giữ và phát huy các phong tục, tập quán tiến bộ, phù hợp với văn hóa dân tộc; đấu tranh bài trừ, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu. Để tăng cường tuyên truyền, quảng bá các di tích lịch sử trên không gian mạng, Trung ương Đoàn đã xây dựng bản đồ số các di tích lịch sử của Đoàn và thanh niên; nhiều cấp bộ đoàn đã và đang thực hiện việc số hóa di tích lịch sử, cách mạng trên địa bàn.

Quan điểm thúc đẩy thanh niên tham gia bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số

Đổi mới cách thức học tập, quán triệt, tuyên truyền các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, của Đoàn trong đoàn viên, thanh niên. Xây dựng và phát triển kho dữ liệu truyền thông hiện đại về những nhận thức mới của Đảng ta về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; những quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Triển khai hiệu quả đợt sinh hoạt chính trị với chủ đề “Khát vọng cống hiến - Lễ sống thanh niên” trong toàn Đoàn nhằm nâng cao đạo đức cách mạng trong tuổi trẻ Việt Nam. Tổ chức cho 100% đoàn viên mới kết nạp học tập các bài học lý luận chính trị, có kiểm tra, đánh giá nhận thức. Tập trung khắc phục những biểu hiện của “bệnh” lười học chính trị trong một bộ phận đoàn viên. Nhân rộng các hình thức thi, tìm hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trên mạng internet. Đa dạng hóa và thực hiện thường xuyên các hình thức nắm bắt tình hình, định hướng tư tưởng, dư luận xã hội thanh niên; trang bị kỹ năng, kiến thức góp phần tăng “sức đề kháng” cho đoàn viên, thanh niên trước những thông tin xấu độc, nhất là trên không gian mạng. Tăng cường đối thoại, kết nối với thanh niên trong và ngoài nước.

Tiếp đến tập trung vào công tác giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc cho thanh thiếu nhi. Tập trung tổ chức các chương trình, hoạt động và các đợt sinh hoạt chính trị có tính hệ thống, đồng bộ, rộng khắp theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến. Tổ chức cho đoàn viên, thanh thiếu nhi tham gia các diễn đàn, tọa đàm, ngày hội thanh niên, liên hoan ca khúc cách mạng, xem phim lịch sử, triển lãm, thi tìm hiểu... nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng, của Đoàn và đất nước. Tiếp tục triển khai hiệu quả các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, hành trình đến các địa chỉ đỏ. Tập

trung đầu tư xây dựng, chăm sóc, tôn tạo và giới thiệu các khu di tích lịch sử, di tích văn hóa cho đoàn viên, thanh niên. Xây dựng các đội tuyên truyền viên trẻ tại các di tích, công trình văn hóa trọng điểm của quốc gia, địa phương; ứng dụng công nghệ mới trong xây dựng bản đồ số, số hóa các tài liệu, hiện vật, thông tin về các địa danh lịch sử, địa chỉ đỏ. Định kỳ tổ chức các hội thi, liên hoan, tuyên truyền ca khúc cách mạng, tìm hiểu lịch sử Việt Nam, truyền thống địa phương, đơn vị trong các cấp bộ Đoàn, hội, đội.

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi cũng cần được chú trọng. Nêu cao tinh thần tự giác và ý thức tu dưỡng, rèn luyện, thực hành đạo đức cách mạng của cán bộ, đoàn viên và trách nhiệm nêu gương của cán bộ Đoàn, hội, phụ trách đội. Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện hệ giá trị và xác lập các tiêu chí cụ thể của hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới. Tổ chức cuộc vận động “Thanh niên ứng xử văn minh” trên mạng xã hội. Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp” trong thanh niên, “Mỗi tuần một câu chuyện đẹp, một cuốn sách hay, một tấm gương sáng” trong thiếu nhi. Tổ chức các trào lưu, xu hướng tích cực trên không gian mạng thu hút đoàn viên, thanh niên hưởng ứng, làm theo. Giáo dục thanh thiếu nhi về các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc; giữ gìn, phát huy giá trị của gia đình, hệ giá trị quốc gia, dân tộc. Tăng cường đấu tranh chống các quan điểm, hành vi trái đạo đức, phản văn hóa. Phát triển văn hóa đọc trong thanh thiếu nhi. Làm tốt công tác phát hiện, tôn vinh, nhân rộng và phát huy các điển hình thanh thiếu nhi tiêu biểu ở các lĩnh vực, đối tượng, khu vực.

Trong bối cảnh đất nước hội nhập quốc tế ngày càng toàn diện và sâu rộng, thanh niên Việt Nam thể hiện rõ vai trò quan trọng trong bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Thanh niên là những người thụ hưởng nhiều giá trị của văn hóa, đồng thời tiếp xúc nhiều nhất với những giá trị văn hóa mới. Họ cũng là lực lượng có khả năng sáng tạo và đổi mới cao, tạo ra những sản phẩm văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Xây dựng môi trường thân thiện, tích cực cho thanh niên rèn luyện, phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động thanh niên tham gia xây dựng nếp sống văn hóa, tiến bộ, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội, xoá bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu. Phát huy vai trò xung kích, đi đầu của đoàn viên thanh niên Việt Nam trong bảo tồn và phát triển văn hóa. Mỗi thanh niên phải luôn tìm hiểu, học hỏi về các giá trị văn hóa truyền thống của đất nước. Thanh niên phải là những người xung kích trong việc phát hiện âm mưu, thủ đoạn, nội dung, phương thức chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính

trị và nắm vững những luận cứ để trực tiếp và tổ chức đấu tranh phản bác lại quan điểm sai trái thù địch tuyên truyền cho Nhân dân hiểu, tạo “sức đề kháng” trước những âm mưu phá hoại an ninh tư tưởng, văn hóa của các thế lực thù địch để bảo tồn, xây dựng và phát triển các giá trị văn hóa dân tộc trong thời kỳ mới. Tăng cường phối hợp với các đơn vị chuyên ngành tổ chức các sân chơi, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cho thanh thiếu nhi; khuyến khích các hoạt động sáng tạo nhằm bảo vệ, giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, tham gia thực hiện nhiệm vụ chấn hưng văn hóa trong thời kỳ mới, phát triển và đầu tư cho các ý tưởng, hoạt động khởi nghiệp trong lĩnh vực văn hóa. Phát huy chức năng, nhiệm vụ của các thiết chế văn hóa do Đoàn quản lý. Định kỳ tổ chức các hội diễn, hội thi, liên hoan, đào tạo về kỹ năng, văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, vui chơi giải trí lành mạnh cho thanh thiếu nhi. Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức giới thiệu, phổ biến các tác phẩm văn hóa nghệ thuật có giá trị nhân văn cao để định hướng giáo dục thanh niên.

Xây dựng môi trường, điều kiện học tập, rèn luyện, lao động, giải trí để thanh niên phát triển lành mạnh, toàn diện. Trang bị kiến thức, kỹ năng, tạo điều kiện để thanh niên xung kích đi đầu trong thực hiện chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số, văn hóa số, tiếp tục sáng tạo không ngừng để xây dựng các sản phẩm văn hóa mới có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao trên nền tảng văn hóa truyền thống và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Khuyến khích tìm tòi, thể nghiệm mọi phương pháp và phong cách sáng tạo văn hóa vì mục đích đúng đắn và lành mạnh. Đồng hành đưa các sản phẩm văn hóa có hàm lượng sáng tạo, chất lượng cao của tuổi trẻ đến với đoàn viên, thanh niên, tạo động lực cho các văn nghệ sĩ, nhà văn hóa, khoa học, giáo dục trẻ sáng tạo nhiều hơn những công trình văn hóa, nghệ thuật, khoa học, công nghệ... mang dấu ấn vượt thời gian, có tầm ảnh hưởng trong khu vực và quốc tế.

Tăng cường nguồn lực hỗ trợ, khuyến khích, đồng hành với thanh niên trong ngành công nghiệp văn hóa, xây dựng cộng đồng kết nối giữa các doanh nghiệp và đoàn viên, thanh niên trong phát triển công nghiệp văn hóa. Huy động sự hỗ trợ các cấp, các ngành, nguồn xã hội hóa tham gia hỗ trợ công tác văn hóa. Nghiên cứu lựa chọn mũi nhọn trong ngành công nghiệp văn hóa để tuổi trẻ triển khai như: du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới; làng nghề truyền thống thanh niên; nghệ thuật truyền thống...

Bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng mạng xã hội của đội ngũ cán bộ Đoàn các cấp; tăng cường các hoạt động tập huấn nâng cao kỹ năng tuyên truyền, giáo dục, định hướng văn hóa, gắn với kiểm tra, giám sát, báo cáo, xử

lý kịp thời các hành vi lệch lạc về văn hóa trong đoàn viên, thanh thiếu niên. Giáo dục, định hướng để tự thân mỗi thanh niên nhận thức rõ ý nghĩa tầm quan trọng của việc giữ gìn và lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Tạo môi trường để thanh niên tích cực nghiên cứu, tìm hiểu giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tham gia vào các lễ hội với một thái độ nghiêm túc, cầu thị và biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới.

Giải pháp nâng cao vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số

Thứ nhất, tập trung đổi mới căn bản công tác tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội, nâng cao nhận thức cho đoàn viên, thanh niên về vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cũng như trong việc thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Thứ hai, phối hợp với các công ty, đơn vị, đoàn viên thanh niên có chuyên môn cao xây dựng và phát triển số hóa các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, trong đó chú trọng triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ thực tế ảo để tăng cường quảng bá các giá trị văn hóa dân tộc tới toàn thế giới.

Thứ ba, tiếp tục sáng tạo không ngừng để xây dựng các sản phẩm văn hóa mới có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao trên nền tảng văn hóa truyền thống và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đồng hành đưa các sản phẩm văn hóa có hàm lượng sáng tạo; chất lượng cao của tuổi trẻ đến với đoàn viên thanh niên, tạo động lực cho các văn nghệ sĩ, nhà văn hóa, khoa học, giáo dục trẻ sáng tạo nhiều hơn những công trình văn hóa, nghệ thuật, khoa học, công nghệ,... mang dấu ấn vượt thời gian, có tầm ảnh hưởng trong khu vực và quốc tế.

Thứ tư, tạo nguồn lực hỗ trợ, khuyến khích, đồng hành với thanh niên trong ngành công nghiệp văn hóa, quảng bá những người thành công trong lĩnh vực văn hóa thực chất, xây dựng cộng đồng kết nối các doanh nghiệp và đoàn viên thanh niên trong việc phát triển công nghiệp văn hóa. Nghiên cứu lựa chọn ngành mũi nhọn để tuổi trẻ triển khai như là phát triển du lịch để thực hiện

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng "Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, phấn đấu đưa du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn".

Thứ năm, tiếp tục kiên trì triển khai đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch và hoạt động "Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp". Kết hợp chặt chẽ giữa sự tham gia của hệ thống trang mạng xã hội của Đoàn và sự tham gia đồng hành của các cơ quan báo chí, truyền thông, các trí thức, văn nghệ sĩ trẻ, các facebooker, youtuber, tiktoker có sức thu hút lớn trên mạng xã hội để tạo ra các trào lưu, xu hướng nghiên cứu, tìm hiểu về truyền thống văn hóa trên không gian mạng, tránh xa các thông tin xấu độc, xuyên tạc.

Thứ sáu, tập trung bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng mạng xã hội của đội ngũ cán bộ Đoàn các cấp; tăng cường các hoạt động tập huấn nâng cao kỹ năng tuyên truyền, giáo dục, định hướng văn hóa, gắn với kiểm tra, giám sát, báo cáo, xử lý kịp thời các hành vi lệch lạc về văn hóa trong đoàn viên, thanh thiếu niên. Tổ chức các phong trào, chương trình hoạt động nhằm phát huy vai trò của thanh niên trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Thứ bảy, tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống kết nối các fanpage, trang mạng xã hội từ trung ương đến cơ sở cũng như App Thanh niên Việt Nam; xây dựng và phát triển các trang mạng xã hội, kênh thông tin có quy mô lớn, đủ mạnh của tổ chức Đoàn, thực sự trở thành những kênh chủ chốt trong bảo tồn, phát triển, quảng bá văn hóa dân tộc trên internet, mạng xã hội, tạo hiệu ứng lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng; Có phương án triển khai hiệu quả Chương trình "Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu niên trên không gian mạng".

Văn hóa là hồn cốt dân tộc, khẳng định gương mặt, hình ảnh, bản lĩnh của một quốc gia trên đường hội nhập với thế giới. Trong bối cảnh chuyển đổi số, là thanh niên thời đại mới, là những trí thức của đất nước, mỗi thanh niên hãy tham gia gìn giữ và phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc trên các nền tảng công nghệ số, tạo không gian mạng an toàn, lành mạnh, để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần vững chắc, luôn "soi đường cho quốc dân đi" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định. ❖

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
4. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (2022), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2022 - 2027), Nxb. Thanh niên.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội

PHẠM THỊ HÂN*

Tóm tắt: Trong những năm qua, thực hiện Quyết định 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 26/10/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc các cấp tỉnh Quảng Bình ngày càng đi vào nền nếp. Những kết quả quan trọng góp phần khẳng định vai trò Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội.

Summary: In recent years, following Decision No. 217-QĐ/TW dated December 12, 2013, on the promulgation of Regulations on social supervision and criticism by the Vietnam Fatherland Front and socio-political organizations, and Directive No. 18-CT/TW dated October 26, 2022, from the Politburo on improving the quality and effectiveness of social supervision and criticism activities of the Vietnam Fatherland Front and socio-political organizations, the social supervision and criticism activities of the Vietnam Fatherland Front at provincial levels in Quang Binh have been increasingly institutionalized. These significant outcomes contribute to affirming the role of the Vietnam Fatherland Front in the political system and social life.

Từ khóa: Giám sát; phản biện xã hội; đổi mới; chất lượng; hiệu quả; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình.
Keywords: Social supervision; criticism; innovation; quality; effectiveness; the Vietnam Fatherland Front of Quang Binh Province.

Nhận bài: 18/6/2024; Sửa chữa: 25/6/2024; Duyệt đăng: 28/6/2024.

Lựa chọn đúng và trúng nội dung giám sát, phản biện xã hội

Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là yêu cầu tất yếu trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta với cơ chế: Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ. Đây là phương thức quan trọng để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, tích cực tham gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về chính trị tư

tướng, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Để không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội, Mặt trận các cấp ở tỉnh Quảng Bình đã thường xuyên tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự phối hợp tạo điều kiện của chính quyền, chủ động phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trên cơ sở quy định pháp luật, hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trong đó,

* Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình.

chú trọng lựa chọn đúng và trúng nội dung giám sát, phản biện xã hội. Hàng năm, trên cơ sở nắm bắt ý kiến, nguyện vọng của cử tri, Nhân dân và dư luận xã hội đối với những vấn đề từ cuộc sống, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp ở Quảng Bình đã chủ trì hiệp thương, thảo luận, thống nhất với các tổ chức chính trị - xã hội, phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng kế hoạch giám sát, phản biện xã hội. Nội dung tập trung vào những vấn đề quan trọng, liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, phù hợp với yêu cầu của cấp ủy Đảng và nguyện vọng của Nhân dân.

Một số chuyên đề trọng tâm được Mặt trận các cấp lựa chọn giám sát như: Việc thực hiện quy định pháp luật về tài nguyên, môi trường; Thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh; Thực hiện chính sách hỗ trợ cho người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Việc quản lý, sử dụng các khoản đóng góp xây dựng nông thôn mới của Nhân dân; Công tác quản lý các nguồn thu trong các trường học; Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân; Việc thực thi pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình...

Mặt trận tỉnh Quảng Bình cũng đã tổ chức giám sát việc thực hiện quy định người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các cơ quan nhà nước đối thoại trực tiếp với Nhân dân, giám sát cán bộ, đảng viên... Tổ chức lấy ý kiến phản biện xã hội của các tầng lớp Nhân dân đối với Dự thảo Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí năm học 2022 - 2023 đối với bậc học mầm non và giáo dục phổ thông công lập; Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi); Dự thảo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và nhiều quy định, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đi đôi với lựa chọn nội dung giám sát, phản biện xã hội phù hợp, việc lựa chọn thành phần tham gia Đoàn giám sát, phản biện xã hội bảo đảm chuyên môn sâu, kỹ năng phát hiện vấn đề tốt đã được quan tâm đúng mức. Mặt trận Quảng Bình đã tăng cường sự tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan, các tổ chức thành viên Mặt trận, huy động trí tuệ, tâm huyết của các Hội đồng tư vấn, nhân sỹ trí thức, nhà khoa học trong tỉnh tham gia giám sát, phản biện xã hội. Mặt trận các cấp cũng đã kết hợp linh hoạt các hình thức giám sát, phản biện xã hội, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, nhất là trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh bất thường. Vì vậy, hoạt động giám sát, phản biện xã hội đã được thực hiện thường xuyên, mang lại những kết quả cụ thể.

Từ năm 2019 - 2024, Mặt trận các cấp và Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng ở Quảng Bình đã chủ trì tổ chức 5.843 cuộc giám sát, trong đó, tổ chức 2.156 cuộc giám sát trực tiếp; giám sát qua nghiên cứu, xem xét 3.300 văn bản của các cơ quan chức năng ban hành liên quan đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quyền, lợi ích chính đáng của Nhân dân. Tham gia 387 cuộc giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (đối với Mặt trận cấp tỉnh), Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp theo đề nghị. Riêng Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình đã tổ chức 20 cuộc giám sát chuyên đề, trong đó 15 cuộc giám sát trực tiếp; 5 cuộc giám sát qua nghiên cứu tài liệu hồ sơ kết hợp với giám sát trực tiếp. Tham gia 11 cuộc giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; đã tổ chức được 45 hội nghị phản biện xã hội; gửi 18 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, 42 dự thảo văn bản của cấp huyện để lấy ý kiến của các chuyên gia, Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới

Đảng ta đã xác định: "Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ", "Kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng Đảng gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng các biện pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ để ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến," "tự chuyển hóa" trong nội bộ". Trước những yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ở Quảng Bình cần không ngừng phát huy vai trò, trách nhiệm, thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân, thực sự là cầu nối quan trọng giữa Đảng và Nhân dân; củng cố, tăng cường lòng tin, sự gắn bó của Nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tỉnh đã phối hợp Ban Dân vận Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình ban hành Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 7/4/2023 về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới. Đồng thời, lựa chọn những vấn đề mới, được người dân quan tâm để giám sát, phản biện xã hội với mong muốn phát hiện

những hạn chế, yếu kém để đề xuất, kiến nghị giải quyết nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng cho người dân; đồng thời góp phần xây dựng chính quyền vững mạnh.

Thường trực Ủy ban Mặt trận tỉnh Quảng Bình đã tổ chức giám sát, phản biện đối với các chuyên đề như: Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong thực hiện dự án đường cao tốc Bắc - Nam phía đông đi qua tỉnh Quảng Bình; kết quả giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I; kiến nghị về việc tăng cường chỉ đạo công tác cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, công dân trong giao dịch hành chính; chỉ đạo việc thực hiện đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của một số nhà máy, công ty trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo thực hiện đúng quy trình, thời gian quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân.

Mặt trận tỉnh Quảng Bình cũng đã kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh hoàn thiện ban hành Nghị quyết quy định tăng mức thu học phí năm học 2022 - 2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và xem xét lại lộ trình, mức thu và thời điểm tăng học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, đời sống của Nhân dân tỉnh Quảng Bình sau đại dịch Covid-19...

Những kết quả từ hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận các cấp ở Quảng Bình đã đóng góp quan trọng cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả. Thông qua giám sát, phản biện đã phát hiện những khó khăn, vướng mắc và hạn chế trong thực hiện các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Từ đó, phản ánh, kiến nghị đến các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết, khắc phục hạn chế để việc thực hiện các nội dung, hoạt động hiệu quả hơn...

Mặt trận các cấp đã phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện tốt hơn chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với cấp ủy Đảng, chính quyền, từ đó xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh, tham gia thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của địa phương.

Những khó khăn khi triển khai giám sát, phản biện xã hội

Qua hoạt động giám sát, phản biện xã hội, Mặt trận các cấp ở Quảng Bình đã phát hiện những vấn đề còn khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong quá trình thực thi chủ trương, chính sách, pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành. Đồng thời, phát hiện những điểm

nghe, những nội dung chưa phù hợp với thực tiễn của các dự thảo Luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; ban hành văn bản kiến nghị đến cấp ủy, chính quyền cùng cấp. Những kiến nghị sau giám sát và ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận đã được cấp ủy, chính quyền, cơ quan dự thảo văn bản quan tâm tiếp thu, chỉ đạo giải quyết, bổ sung, hoàn chỉnh phù hợp.

Bên cạnh những kết quả quan trọng, hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận các cấp tỉnh Quảng Bình vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: Nhận thức của một số cấp ủy Đảng về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nói chung và về chức năng, nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội nói riêng đối với việc xây dựng, thực thi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chương trình, kế hoạch của chính quyền địa phương vẫn chưa đầy đủ.

Hoạt động giám sát, phản biện xã hội ở một số đơn vị chưa huy động và phát huy được tổng hợp sức mạnh trí tuệ các tổ chức thành viên và Nhân dân; chất lượng, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội chưa đồng đều. Nhìn chung, kiến nghị sau giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận đã được cấp có thẩm quyền trao đổi, tiếp thu, phản hồi, tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung chưa giải quyết kịp thời và thỏa đáng. Việc theo dõi, đôn đốc xử lý các kiến nghị sau giám sát còn chưa kịp thời, thiếu quyết liệt.

Cơ chế chính sách và pháp luật về công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc hiện nay chưa quy định cụ thể, nhất là cơ chế xử lý đối với việc tiếp thu, giải quyết ý kiến góp ý của Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân. Công tác giám sát đòi hỏi cán bộ Mặt trận phải có bản lĩnh chính trị, có chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn nhưng hiện nay số lượng và chất lượng cán bộ làm công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở nhiều địa phương ngày càng tinh giảm và chưa đủ mạnh; kỹ năng, nghiệp vụ về giám sát, phản biện xã hội chưa được bồi dưỡng thường xuyên. Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng ở một số xã, phường, thị trấn hoạt động chưa hiệu quả, còn tư tưởng nể nang, ngại va chạm.

Một số kiến nghị, đề xuất để hoạt động giám sát, phản biện xã hội ngày càng hiệu quả

Để hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh Quảng Bình tiếp tục phát huy hiệu quả, đáp ứng nguyện vọng của Nhân dân, trong thời gian tới tiếp tục cần sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp tạo điều kiện của chính quyền và sự chủ động, tích cực phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể.

Thứ nhất, các cấp ủy, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên địa bàn tỉnh tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò giám sát

và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong điều kiện một Đảng cầm quyền với yêu cầu xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Tiếp tục tuyên truyền và chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị số 18 - CT/TW ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Các cấp ủy Đảng và chính quyền cần có sự chỉ đạo, phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội; tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền đối với việc tiếp thu, giải quyết những kiến nghị, đề xuất, phản ánh của Mặt trận và của Nhân dân.

Thứ hai, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp không ngừng đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Trong hoạt động giám sát, cần nghiên cứu lựa chọn nội dung, đối tượng giám sát phù hợp với tình hình thực tế, có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng giám sát theo chuyên đề, tập trung vào những chủ trương, chính sách lớn, trọng yếu, ưu tiên những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, những vấn đề dư luận xã hội quan tâm.

Cần quan tâm tăng cường giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ đảng viên; thực hiện dân chủ ở cơ sở; việc thực thi pháp luật trên một số lĩnh vực dễ nảy sinh tiêu cực; công tác cải cách hành chính; sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030...

Quá trình giám sát cần kết hợp nhiều phương pháp để thu thập đầy đủ thông tin, dữ liệu, tranh thủ ý kiến tư vấn của cán bộ chuyên môn, các chuyên gia để hoạt động giám sát bảo đảm chuyên sâu, có hiệu quả; kịp thời ban hành các văn bản đề xuất, kiến nghị sau giám sát đến cấp ủy, chính quyền các cấp; theo dõi, đôn đốc kịp thời việc giải quyết của các cơ quan chức năng có liên quan đối với các kiến nghị, đề xuất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Trong hoạt động phản biện xã hội, chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan thường xuyên nắm thông tin về các chủ trương, chính sách dự kiến được ban hành và lựa chọn các chủ trương, chính sách liên quan trực tiếp đến quyền lợi của đoàn viên, hội viên và Nhân dân để đề xuất cấp ủy cho chủ trương tổ chức phản biện xã hội; tiếp tục phát huy vai trò của các Hội đồng tư vấn, Ban tư vấn, Tổ tư vấn, các chuyên gia, các nhà khoa học, những người có kiến thức chuyên môn sâu về các lĩnh vực có liên quan để nâng cao chất lượng, hiệu quả phản biện xã hội.

Thứ ba, để giám sát, phản biện xã hội có chất lượng và hiệu quả, thì chủ thể giám sát, phản biện xã hội phải mạnh, phải có bản lĩnh, có trình độ chuyên môn, có năng lực nhìn nhận, phân tích, đánh giá vấn đề. Vì vậy, cần quan tâm công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp

luật và kỹ năng giám sát, phản biện cho đội ngũ cán bộ Mặt trận các cấp, nhất là ở cơ sở, Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; phát huy tối đa tiềm năng to lớn của các tổ chức thành viên, các nhân sĩ, trí thức, các nhà khoa học, các Hội đồng tư vấn trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Thứ tư, cần tạo điều kiện và cơ hội tiếp cận thông tin của Mặt trận và Nhân dân. Chỉ khi có thông tin đầy đủ, chính xác, Mặt trận, các đoàn thể và Nhân dân mới thực hiện tốt việc đánh giá, phân tích và phát hiện vấn đề. Vì vậy, cần thông tin hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền các cấp, nhất là thông tin về xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình, dự án có tác động, ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân, tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận và Nhân dân có cơ hội tiếp cận các nguồn tư liệu, các nguồn thông tin có liên quan nội dung giám sát, phản biện xã hội.

Thứ năm, tiếp tục phát huy hiệu quả sự phối hợp và thực hiện một cách đồng bộ giữa hoạt động giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Tăng cường sự phối hợp, tạo điều kiện của các sở, ngành, chính quyền các địa phương với Mặt trận, các đoàn thể trong quá trình tổ chức giám sát, phản biện xã hội. Quan tâm thực hiện tốt công tác chuẩn bị nội dung, hồ sơ, tài liệu phục vụ giám sát đến việc tiếp nhận, giải quyết những kiến nghị, đề xuất sau giám sát của Mặt trận và các đoàn thể đảm bảo đúng quy định.

Thứ sáu, Mặt trận các cấp tăng cường tham gia nghiên cứu, rà soát, góp ý sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm thể chế hoá kịp thời, đầy đủ quyền và trách nhiệm tham gia giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Giám sát, phản biện xã hội là một nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền để Mặt trận Tổ quốc các cấp ở Quảng Bình ngày càng thực hiện tốt vai trò là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, đại diện cho ý chí, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

Có thể khẳng định rằng, thông qua các hoạt động giám sát, phản biện xã hội do Mặt trận các cấp ở Quảng Bình thực hiện đã phát huy được sức mạnh tổng hợp từ mỗi cộng đồng dân cư, từ các Hội đồng tư vấn của Mặt trận về công tác giám sát, phản biện xã hội... góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách, thi hành pháp luật, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; đoàn kết chung sức xây dựng quê hương ngày càng đổi mới. ❖

GIÁO DỤC VĂN HÓA DOANH NGHIỆP cho người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội

MẠC QUỐC ANH*

Tóm tắt: Văn hóa doanh nghiệp là hệ thống các giá trị được doanh nghiệp tạo ra và tích lũy thông qua quá trình hoạt động kinh doanh có vai trò quan trọng, quyết định phần lớn đến sự phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Giáo dục văn hóa doanh nghiệp cho người lao động trong doanh nghiệp được coi là nhiệm vụ chính trị của mỗi doanh nghiệp trong quá trình toàn cầu hóa, hội nhập và phát triển. Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập khu vực và quốc tế sâu rộng hiện nay, giáo dục văn hóa doanh nghiệp có vai trò quan trọng đối với sự trường tồn của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Summary: Corporate culture is a system of values created and accumulated by a business through its operations, playing a crucial role in determining the sustainable development of the enterprise. Training employees on corporate culture is considered a political task for each enterprise in the process of globalization, integration, and development. In the context of Vietnam's deep and broad integration into regional and international markets today, corporate culture training is vital for the longevity of businesses, especially small and medium enterprises.

Từ khóa: Giáo dục; kết quả giáo dục; văn hóa doanh nghiệp; người lao động; thành phố Hà Nội.

Keywords: Education; training results; corporate culture; employees; Hanoi.

Nhận bài: 25/6/2024; *Sửa chữa:* 28/6/2024; *Duyệt đăng:* 5/7/2024.

T hực tế thời gian qua, nhờ chú trọng giáo dục văn hóa doanh nghiệp, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có những bước phát triển nhất định, thích ứng với những thay đổi lớn của tình hình trong và ngoài nước. Nhờ đẩy mạnh giáo dục văn hóa doanh nghiệp, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội đã xây dựng được đội ngũ nhân viên có kỹ năng xuất sắc và tinh kỷ luật cao, người lao động sáng tạo, tác phong linh hoạt, cơ bản phù hợp với yêu cầu của thời đại 4.0. Có thể nói, trong thời đại 4.0, quy mô không còn là lợi thế quyết định năng lực cạnh tranh mà tốc độ đóng vai trò quyết định. Để tăng tốc độ cạnh tranh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội đã thay đổi công

nghệ, quản lý, từng bước chăm lo nền tảng văn hóa, tinh thần của mình. Đây là một trong những vấn đề quyết định đến năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội thời gian gần đây.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội

Hà Nội có khoảng 378.000 doanh nghiệp, bình quân Thủ đô có 37 người/doanh nghiệp, cao gấp 3,8 lần mức bình quân cả nước. Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm trên 97,2% số doanh nghiệp trên địa bàn, không ngừng phát triển, đổi mới, đóng góp hơn 45% GDP cho Hà Nội, giải quyết việc làm cho hơn 50% lao động.

* Tiến sĩ, Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội.



Đông chí Đỗ Văn Chiến, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đông chí Nguyễn Đình Khang, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trao Bằng khen cho các doanh nghiệp tại Chương trình Lễ vinh danh Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động năm 2024 diễn ra tại Hà Nội.

ẢNH: HẢI NGUYỄN

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hà Nội tập trung chủ yếu vào một số ngành nghề như: Bán buôn và bán lẻ (25%); công nghiệp (17%); tổ chức sự kiện và truyền thông (16%); xây dựng (15%)...

Theo thống kê năm 2020, Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 26.578 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 337.689 tỷ đồng, nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn lên 303.646 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp mở cửa trở lại là 6.298 (tăng 21% so với cùng kỳ năm 2019).

Năm 2021, thành phố Hà Nội cấp mới giấy chứng nhận đăng ký thành lập cho 24,1 nghìn doanh nghiệp, giảm 9% so với năm 2020; Tổng vốn đăng ký cấp mới đạt 345,7 nghìn tỷ đồng, giảm 16%; Thực hiện thủ tục giải thể 3,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 22%; Có 13,1 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 29%; 10,9 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 80% so với cùng kỳ năm 2020.

7 tháng đầu năm 2022, Hà Nội có 17.200 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước; Vốn đăng ký đạt hơn 196.000 tỷ đồng, giảm 4%; Thực hiện thủ tục giải thể 2.200 doanh nghiệp, tăng 10%; 12.400 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 47%;

7.300 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 11%. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký kinh doanh trực tuyến đạt 100%.

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp thứ 7 Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI thì GRDP 6 tháng đầu năm 2022 của thành phố Hà Nội tăng 7,79% (trong đó riêng quý II tăng 9,49%). Cùng với sự phát triển đó, Hà Nội có Đề án Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025 với mục tiêu: Tạo khoảng 1,5 triệu việc làm mới cho người lao động; Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của khu vực SME chiếm trên 25% tổng kim ngạch xuất khẩu vốn; đóng góp trên 40% tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) và trên 30% ngân sách thành phố.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội

Hà Nội là thủ đô có lịch sử lâu đời hàng nghìn năm văn hiến, là nơi hội tụ những truyền thống văn hóa tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam. Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 5/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định: “Phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn

hiến - Văn minh - Hiện đại" là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, nhiệm vụ chính trị trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần "Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước" là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, toàn thể nhân dân, hệ thống chính trị là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ, Chính phủ và nhân dân Thủ đô Hà Nội".

Theo đó, tầm nhìn đến năm 2045, "Thủ đô Hà Nội là thành phố kết nối toàn cầu, có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, GRDP/người đạt trên 36.000 USD; phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội toàn diện, độc đáo và hài hòa; điển hình của cả nước, có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô của các nước phát triển trong khu vực và thế giới".

Đồng thời, Nghị quyết cũng nêu rõ mục tiêu đến năm 2030 của Thủ đô Hà Nội "trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng và cao. Cạnh tranh với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang hàng với Thủ đô của các nước phát triển trong khu vực".

Như vậy, là Thủ đô của đất nước, Hà Nội có sứ mệnh hết sức cao cả, rõ ràng trong việc xây dựng những mô hình, mô hình phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa, kết hợp các yếu tố khác. Đất nước có yếu tố hiện đại quốc tế, vừa phát triển Thủ đô, vừa là động lực phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

Hiện nay, cấp ủy, chính quyền thành phố Hà Nội đang hướng tới xây dựng văn hoá doanh nghiệp gắn với chủ trương "xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh", với tất cả mọi người và tổ chức tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh. Mục tiêu cụ thể của phong trào xây dựng văn hóa kinh doanh này là sao cho những người tiêu dùng, bất kể là ai: trong nước, ngoài nước, tiêu dùng trực tiếp hay tiêu dùng cho sản xuất, đều cảm nhận được bằng trải nghiệm thực tế, rằng mua hàng hóa và dịch vụ do người kinh doanh trên địa bàn Thủ đô Hà Nội đều tin tưởng. Điều này, làm tiền đề mở rộng ra phong trào xây dựng văn hóa kinh doanh văn minh ra cả nước; vừa kế thừa, tiếp nối nét đẹp văn hóa truyền thống, vừa xây dựng văn hóa kinh doanh trong nền kinh tế thị trường hiện đại, mở cửa.

Qua đó, có thể thấy một số đặc trưng cơ bản trong việc xây dựng văn hoá doanh nghiệp của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở thành phố Hà Nội như: *Thứ nhất*, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội đã từng bước nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của văn hoá doanh nghiệp đối với sự phát triển của doanh nghiệp; *Thứ hai*, số lượng các doanh nghiệp tham gia vào các mô hình, lớp học có liên quan tới giáo dục văn hoá doanh nghiệp ngày càng tăng lên; *Thứ ba*, hầu hết các doanh nghiệp đều đang từng bước xác định và khẳng định những giá trị cốt lõi liên quan tới văn hoá doanh nghiệp của mình.

Một số kết quả đạt được trong giáo dục văn hóa doanh nghiệp cho người lao động

Nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục văn hoá doanh nghiệp cho người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa của các chủ thể giáo dục ngày càng đầy đủ, toàn diện hơn

Qua khảo sát, tất cả các chỉ số đều cho thấy mức độ nhận thức, hiểu biết của các đối tượng trong doanh nghiệp nhỏ và vừa về văn hóa doanh nghiệp đã tăng lên đáng kể. 100% đối tượng người lao động là cán bộ, lãnh đạo quản lý và 73,83% người lao động chuyên môn đã nghe nói về văn hóa doanh nghiệp và nhận diện đúng các nội dung của văn hóa doanh nghiệp.

Hiện nay, có nhiều tài liệu về văn hóa doanh nghiệp cũng như việc xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp hơn trước. Ngoài ra còn có nhiều nguồn tham khảo từ các tạp chí chuyên ngành uy tín hay sách, bài báo, công trình nghiên cứu do các trường đại học cung cấp"... đào tạo về vấn đề này và có chuyên đề này như Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Thương mại, Học viện Ngân hàng,... hay Hiệp hội Phát triển Văn hóa Doanh nghiệp Việt Nam, doanh nghiệp có thể tìm kiếm thông tin, kiến thức từ các cơ sở uy tín. Ngoài ra, các đơn vị này còn tổ chức một số tọa đàm khoa học chuyên ngành về chủ đề văn hóa doanh nghiệp hoặc các chủ đề liên quan với sự tham gia, chia sẻ, thảo luận của các chuyên gia, nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, các doanh nghiệp Việt Nam và quốc tế. Là cơ hội để các doanh nghiệp trực tiếp lắng nghe, trao đổi, học hỏi những thông tin hữu ích, khoa học, ứng dụng để bổ sung, sử dụng trong việc xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp.

Tinh thần trách nhiệm của các chủ thể ngày càng được nâng cao thông qua vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức các hoạt động giáo dục văn hóa cho người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Khảo sát cho thấy, cấp ủy các cấp, đặc biệt là Thành ủy Hà Nội và Đảng bộ Khối doanh nghiệp thành phố thường xuyên ban hành các văn bản chỉ đạo hoạt động kinh doanh, trong đó có nội dung giáo dục văn hóa doanh nghiệp. Đặc biệt, một số cấp ủy khu vực doanh nghiệp đã chỉ đạo các chi bộ trực thuộc xây dựng, ban hành quy chế phối hợp giữa cấp ủy, tổ chức đảng và chủ doanh nghiệp; Triển khai hiệu quả nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU. Cấp ủy các cấp tiếp tục đổi mới phương pháp lãnh đạo, tập trung ngay vào những nội dung trọng tâm, nội dung mới, nội dung khó, chủ động dự báo tình hình, biến động của doanh nghiệp trên địa bàn để tìm giải pháp giải quyết. Triển khai kế hoạch đã đề xuất. Trong 6 tháng đầu năm, toàn thành phố đã thành lập 56/69 tổ chức Đảng mới (đạt 81,2%), kết nạp 356/454 đảng viên mới (đạt 78,4%), trong đó có 2 đảng viên là lãnh đạo, doanh nghiệp. Trong đó, một số

đơn vị thành lập tổ chức Đảng đạt kết quả tốt như: Tây Hồ (2/1 chỉ tiêu), Hai Bà Trưng (4/3 chỉ tiêu), Thanh Xuân (4/3 chỉ tiêu), Đống Đa (5/3 chỉ tiêu), Hoàng Mai (4/4 chỉ tiêu).

Thực tế, qua khảo sát điều tra với người lao động là chủ doanh nghiệp, đều nhận diện rõ ràng mục tiêu hướng tới trong việc giáo dục văn hóa doanh nghiệp như góp phần nâng cao dịch vụ khách hàng, nâng cao năng suất và chất lượng mối quan hệ công sở, tác động tích cực tới sự gắn bó lâu dài của nhân viên.

Qua từng thời kỳ, từng giai đoạn, cần phải hoàn thiện nhận thức, hiểu biết về văn hóa doanh nghiệp. Vì vậy, lãnh đạo cần có tầm nhìn và mục tiêu dài hạn thông qua các dự báo, phân tích môi trường kinh doanh và chuẩn bị các phương án ứng phó cần thiết. Những tầm nhìn, mục tiêu này cần được gắn kết với nhân viên, để họ thấy được cả lợi ích và trách nhiệm của mình trong đó, đồng thời những thông tin này cũng cần được chia sẻ rộng rãi để họ nắm bắt, điều này không chỉ giúp ích cho doanh nghiệp mà còn giúp nhân viên hiểu rõ hơn, công ty tốt hơn, tự tin, an tâm trong công việc, phấn đấu vì sự phát triển của công ty và bản thân. Bên cạnh đó là khả năng dẫn dắt nhân viên đạt được tầm nhìn đó bằng niềm đam mê mãnh liệt với công việc, từ đó nâng cao sự tham gia và tính chủ động của nhân viên. Tạo điều kiện để họ tham gia giải quyết vấn đề, bất kỳ nhân viên nào cũng có quyền thể hiện khả năng lãnh đạo miễn là họ có ý tưởng sáng tạo và có thể truyền cảm hứng, động viên người khác. Lãnh đạo tại các doanh nghiệp Việt cần thay đổi quan điểm: "Sếp luôn đúng" - một lối suy nghĩ thường xuất hiện ở các công ty tại Việt Nam. Các nhà lãnh đạo cần truyền cảm hứng cho nhân viên bằng cách lắng nghe ý kiến của họ và thể hiện sự đánh giá cao những nỗ lực của họ. Lãnh đạo nên giảm bớt sự giám sát và trao cho nhân viên nhiều quyền tự chủ hơn, tin tưởng vào khả năng của nhân viên, giao việc cho họ và tạo điều kiện cần thiết để thực hiện công việc. Khi đó kết quả họ mang lại sẽ tốt hơn.

Nội dung giáo dục có tính thiết thực, chuyên sâu, chuyên biệt hoá dành cho các nhóm đối tượng khác nhau trên địa bàn thành phố Hà Nội

Qua khảo sát cho thấy, với hơn 378 nghìn doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội, các chủ thể giáo dục luôn tập hợp, quy tụ theo các tiêu chuẩn, tiêu chí khác nhau để đoàn kết, giáo dục một cách khoa học, có hiệu quả nhất. Tuy theo quy mô, tính chất, ngành nghề hoạt động, việc giáo dục văn hoá doanh nghiệp cho người lao động các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể chia theo các nhóm đối tượng khác nhau. Như tại Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội, hơn 10 nghìn hội viên được chia thành 12 nhóm theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thương mại, sản xuất, dịch vụ...

Khảo sát cũng cho thấy, người lao động thường quan tâm nhiều hơn tới nội dung giáo dục văn hóa doanh nghiệp mang tính chuyên biệt hóa như câu chuyện về người đứng đầu doanh nghiệp, chế độ đãi ngộ với người lao động, câu chuyện văn hóa của doanh nghiệp...

Nhiều phương pháp giáo dục văn hoá doanh nghiệp phong phú, khoa học, hiện đại đã được ứng dụng trong thời gian qua

Các tổ chức hội, hiệp hội, câu lạc bộ doanh nghiệp thời gian qua đã kết hợp nhiều phương pháp giáo dục văn hoá doanh nghiệp khác nhau dành cho người lao động, như: Semina, webmina, hội thảo, hội nghị, caravan hành trình về nguồn, các khoá học bồi dưỡng, các buổi sinh hoạt chi bộ dành cho đối tượng người lao động là đảng viên. Bên cạnh đó đã có một số đơn vị thực hiện giáo dục văn hóa doanh nghiệp thông qua sử dụng trí tuệ nhân tạo, đào tạo trực tuyến, xem video... Các công cụ và nền tảng được hỗ trợ bởi trí tuệ nhân tạo mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục văn hóa doanh nghiệp cho người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa một cách chất lượng, bất kể vị trí địa lý hay nền tảng kinh tế - xã hội.

Kết quả khảo sát người lao động chuyên môn tại các doanh nghiệp cho thấy, nhiều phương pháp giáo dục được họ đánh giá mang lại hiệu quả cao như giáo dục nêu gương, giáo dục thông qua nhận diện thương hiệu, bảng tin, ấn phẩm nội bộ, giáo dục thông qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng, chuyên gia tư vấn, cụ thể:

Tại Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa thành phố Hà Nội, nơi 10.047 hội viên đang sinh hoạt, các hành trình Caravan được tổ chức đều đặn hàng năm. Đây là dịp để các chủ doanh nghiệp, người lao động được tham gia các hoạt động cộng đồng, được giao lưu văn hoá kinh doanh, được học hỏi thêm từ các doanh nghiệp hội viên những nét đẹp trong văn hoá doanh nghiệp. Năm 2019, Hội phối hợp với Báo Biên phòng, Hội Chữ thập đỏ Hà Nội, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn, Đồn Biên phòng Cửa khẩu Chi Ma. Đây là hoạt động kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống Bộ đội Biên phòng (3/3/1959 - 3/3/2019) và 30 năm Ngày Biên phòng toàn dân (3/3/1989 - 3/3/2019). Hơn 120 đại biểu tham dự chương trình đã tham gia nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa như: Tặng 105 phần quà cho các hộ dân tham gia cắm mốc biên giới quốc gia tự quản lý; tặng 2 mái ấm biên giới cho 2 hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tặng 30 phần quà cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn vượt khó trong học tập; tặng 30 phần quà cho hộ nghèo tại 3 xã Tư Mịch, Mẫu Sơn và Yên Khóa, huyện Lộc Bình; tặng 36 phần quà cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại Đồn biên phòng Bắc Xá; tặng quà Đồn Biên phòng Cửa khẩu Chi Ma, Đồn Biên phòng Bắc Xá... Tổng giá trị quà tặng gần 450 triệu đồng. Cùng với đó, các đại biểu đã tham gia hoạt động cắm cờ dọc đường vào Đồn Biên phòng Chi Ma, trồng cây lưu niệm, giao lưu văn hóa...❖

Một số kinh nghiệm từ công tác giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Lào Xây dựng đất nước

VŨ HẢI VÂN*

Tóm tắt: Mặt trận Lào Xây dựng đất nước là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của đông đảo các tầng lớp nhân dân trong xã hội, là điểm tựa của chế độ dân chủ nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào. Gần 40 năm đổi mới đất nước Lào, cũng là bấy nhiêu thời gian Mặt trận Lào Xây dựng đất nước không ngừng phát triển, đổi mới. Một trong những nội dung được quan tâm phát triển, đổi mới nói trên là công tác giám sát và phản biện xã hội. Tuy vậy, đến nay đây vẫn là vấn đề khó mà Mặt trận Lào chưa có nhiều kinh nghiệm. Để đổi mới, Mặt trận Lào Xây dựng đất nước vẫn đang nỗ lực từng bước phấn đấu vươn lên.

Summary: The Lao Front for National Construction is a political coalition and a voluntary union of various social strata, serving as the backbone of the democratic regime of the Lao People's Democratic Republic. Nearly 40 years of innovation in Laos have also been the same amount of time that the Lao Front for National Construction has been building the country to continuously develop and innovate. One area of focus for this development and innovation is the work of social supervision and criticism. However, this remains a challenging issue with limited experience for the Lao Front. In its efforts to innovate, the Lao Front for National Construction is continually striving to make progress step by step.

Từ khóa: Giám sát; phản biện xã hội; kinh nghiệm; Mặt trận Lào Xây dựng đất nước; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Keywords: Social supervision and criticism; experiences; the Lao Front for National Construction; the Vietnam Fatherland Front.

Nhận bài: 12/6/2024; *Sửa chữa:* 18/6/2024; *Duyệt đăng:* 28/6/2024.

Theo quan điểm của Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Mặt trận Lào Xây dựng đất nước, giám sát và phản biện xã hội là yêu cầu khách quan mang tính phổ biến với bất cứ thiết chế nhà nước dân chủ nào, trong đó có nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào. Thực tế nhiều năm trước đây với nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, việc kiểm tra, giám sát quyền lực của Đảng, Nhà nước chủ yếu vẫn là “tự kiểm tra, giám sát”. Nói cách khác, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện chủ yếu bằng chính ngay thiết chế của Đảng, Nhà nước, ít có sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân mà Mặt trận Lào Xây dựng đất nước là chủ thể đại diện.

Theo quy định được ghi trong Luật và Điều lệ Mặt trận Lào Xây dựng đất nước thì Mặt trận Lào là một bộ phận trong hệ thống chính trị của chế độ dân chủ nhân dân Lào

có vai trò, chức năng giám sát hoạt động các cơ quan, tổ chức Đảng, Nhà nước trong thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật từ trung ương đến cơ sở. Đây là công việc rất quan trọng được giao cho các cơ quan Ủy ban Mặt trận các cấp, mỗi cơ quan Ủy ban Mặt trận lại có các ban chuyên môn đảm nhận. Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào Xây dựng đất nước có Ban Thường trực là cơ quan giúp việc giữa 2 kỳ Đại hội thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban và theo hướng dẫn, chỉ đạo của Ban Thanh tra Trung ương và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng. Cơ quan giúp việc là Ban Thường trực có trách nhiệm chủ động chuẩn bị các nội dung cần giám sát, phản biện cũng như tập hợp ý kiến cử tri và quần chúng nhân dân nói chung trình ra Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào Xây dựng đất nước tại mỗi kỳ họp để cho ý kiến và quyết định.

* Tiến sĩ, Học viện An ninh nhân dân.

Hiến pháp năm 2015 (sửa đổi) của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào khẳng định: Nhà nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào là Nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; tất cả quyền lực là của Nhân dân. Đại hội XI của Đảng Nhân dân cách mạng Lào (năm 2021) khẳng định: Để nâng cao khả năng lãnh đạo và tinh tiên phong của Đảng, tăng cường đại đoàn kết nhân dân cả nước, vững vàng đường lối đổi mới toàn diện và có nguyên tắc, gìn giữ và phát triển Tổ quốc theo hướng bền vững tiến lên chủ nghĩa xã hội một cách vững chắc, phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Lào Xây dựng đất nước và của Nhân dân là một nhiệm vụ và là nguyên tắc lãnh đạo quan trọng của Đảng. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới, tiếp tục cải tiến và phát triển chế độ dân chủ nhân dân nhằm xây dựng đất nước Lào hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất, thịnh vượng theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hoạt động giám sát của Mặt trận Lào Xây dựng đất nước góp phần làm cho đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước luôn đúng đắn, đội ngũ cán bộ, công chức, đảng viên có đạo đức cách mạng.

Hiện nay, công tác giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Lào Xây dựng đất nước đã có nhiều chuyển biến tích cực, không chỉ giúp nâng cao vị thế Mặt trận Lào mà còn góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Cụ thể chỉ trong nhiệm kỳ Đại hội X của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Mặt trận Lào Xây dựng đất nước đã tham mưu cho Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng 31 văn bản liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng; 39 văn bản về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng; tham mưu giúp Ban Bí thư, Bộ Chính trị giám sát 69 cấp uỷ và tổ chức đảng trực thuộc Trung ương... Phương thức giám sát đã được quan tâm đổi mới, từng bước đa dạng hoá các hình thức giám sát như không chỉ giám sát trên cơ sở kế hoạch, chương trình theo định kỳ hàng tháng, hàng năm mà có thể giám sát trực tiếp khi có vấn đề phát sinh do đơn khiếu nại, tố cáo của nhân dân hoặc báo chí phản ánh. Còn phải kể đến sự phối hợp giám sát ngày một nhiều hơn, tốt hơn giữa Mặt trận với các ban chuyên môn của Quốc hội và bước đầu đã có những kết quả tích cực.

Qua thực tế cho thấy, công tác giám sát của Mặt trận Lào hướng tập trung vào các nội dung, lĩnh vực như: Giám sát việc thực hiện Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở cơ sở; giám sát việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm các chức danh chủ chốt trong bộ máy của Đảng, Nhà nước; giám sát việc thực hiện phòng, chống tham nhũng; giám sát việc thực hiện chuyển đổi chủ trương không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp quận, huyện và phường; giám sát đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và đại biểu dân cử...

Song song với giám sát, công tác phản biện xã hội của Mặt trận Lào Xây dựng đất nước bước đầu được quan tâm, tạo điều kiện. Ban Thường trực cùng các ban tư vấn đã tập hợp được nhiều chuyên gia, nhà khoa học, nhân sỹ, trí

thức đại diện cho đông đảo các giai cấp, dân tộc, tôn giáo, thành phần xã hội làm tăng tính thiết thực và hàm lượng trí tuệ trong mỗi ý kiến phản biện xã hội, nhất là với các nghị quyết, chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước. Phản biện xã hội của Ban Thường trực, các ban tư vấn, cộng tác viên của Mặt trận Lào Xây dựng đất nước không chỉ được tổ chức đa dạng, phong phú mà phương thức hoạt động đã linh hoạt hơn, phù hợp với yêu cầu thực tế như phản biện thông qua các hội nghị, hội thảo; qua thu thập lấy ý kiến của nhân dân; qua tập hợp ý kiến từ các tổ chức thành viên. Đặc biệt phải kể đến hình thức đối thoại trực tiếp giữa các cấp uỷ Đảng, chính quyền với Mặt trận. Do Mặt trận tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia vào công tác giám sát và phản biện xã hội, vì thế mà môi trường dân chủ được mở rộng hơn, quyền làm chủ của nhân dân không ngừng được phát huy tạo ra nhiều cơ hội hơn cho người dân được nói lên tiếng nói của mình. Thông qua đó, Đảng và Nhà nước có thể lắng nghe, tiếp thu, trả lời; thậm chí có thể giải quyết trực tiếp ngay vụ việc, vấn đề nếu có thể. Rõ ràng, phương thức phản biện xã hội mang tính nhân dân rộng rãi này đã và đang là một điểm sáng mới trong hoạt động, công tác của Mặt trận Lào Xây dựng đất nước.

Nội dung của công tác phản biện xã hội của Mặt trận Lào cho thấy đều hướng tập trung vào việc Đảng, Nhà nước phải trả lời câu hỏi có cần thiết hay không ban hành các chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị; thực hiện các chương trình, dự án. Ở cấp Trung ương, một số chương trình, dự án lớn của Chính phủ như thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp quận, huyện và phường; nhân dân bầu trực tiếp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; đề án xây dựng trụ sở làm việc mới cho chính quyền các cấp đều được đem ra trao đổi, thảo luận để tìm ra phương án tốt nhất, có lợi cả về kinh tế tài chính. Bên cạnh Mặt trận đứng ra chủ trì, công tác phản biện xã hội còn phát huy được vai trò chủ động từ các tổ chức thành viên như Hội Nông dân Lào phản biện việc ban hành nghị quyết “Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn”; Đoàn Thanh niên phản biện việc ban hành nghị quyết “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá”; Hội Liên hiệp Công đoàn Lào phản biện nghị quyết “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Lào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”. Còn phải kể đến vai trò của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Lào đã tập hợp, phát huy rất có hiệu quả đội ngũ trí thức, nhà khoa học có chuyên môn sâu tham gia được nhiều ý kiến có chất lượng vào những công việc ích nước, lợi dân này.

Trong dịp chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Nhân dân cách mạng Lào lần thứ XI, Mặt trận Lào Xây dựng đất nước còn tổ chức nhiều cuộc họp, gặp mặt với hàng trăm nhân sỹ, trí thức, nhà khoa học, các chuyên gia và đông đảo quần chúng nhân dân tham gia

phản biện phát huy dân chủ, quyền làm chủ đóng góp được nhiều nhất ý kiến có chất lượng chuẩn bị cho các văn kiện Đại hội của Đảng. Đây là những việc làm rất thiết thực để Mặt trận Lào Xây dựng đất nước tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền góp phần đáng kể nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước. Sự tham chính, tham nghị đầy trách nhiệm của Mặt trận Lào Xây dựng đất nước như nói trên không chỉ giúp làm tăng vị thế, uy tín của Mặt trận Lào mà còn góp phần thiết thực xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Điều rất cơ bản hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Lào Xây dựng đất nước không dừng ở tham gia đóng góp được nhiều ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền mà còn tạo ra bầu không khí dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Về bản chất thì thực hiện giám sát và phản biện xã hội cũng chính là mở rộng dân chủ, là tạo điều kiện đưa nhân dân tham gia vào công việc quản lý nhà nước và xã hội, cũng tức là phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Điều rõ ràng là, dân chủ xã hội chủ nghĩa những năm qua ở nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào không ngừng được mở rộng; tính tích cực xã hội của quần chúng nhân dân theo đó cũng được tăng cường, phát huy; quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân thông qua công tác giám sát, phản biện xã hội cho thấy càng gần bó, gần gũi hơn đúng như thông điệp “Đảng nói thì dân tin; chính quyền làm thì dân ủng hộ; Mặt trận, đoàn thể vận động thì dân theo”.

Thông qua hoạt động giám sát và phản biện xã hội còn cho thấy không chỉ đổi mới nội dung mà phương thức hoạt động của Mặt trận Lào Xây dựng đất nước cũng được đổi mới một bước. Bên cạnh những hoạt động chung mang tính liên minh chặt chẽ trên cơ sở phát huy vai trò của Mặt trận giữa các tổ chức thành viên vẫn có những hoạt động riêng phản ánh lợi ích, quyền lợi theo từng giai cấp, dân tộc, tôn giáo, các giới, thành phần xã hội khác nhau. Nói cách khác, phương thức hoạt động của Mặt trận Lào Xây dựng đất nước được thực hiện dựa trên cơ sở giữ vững nguyên tắc phối hợp và thống nhất hành động chung, song linh hoạt và tôn trọng tính độc lập của từng tổ chức, đúng như Điều lệ Mặt trận Lào Xây dựng đất nước đã quy định.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, việc đã làm được, công tác giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Lào Xây dựng đất nước những năm qua vẫn còn có mặt hạn chế. Một số nội dung, vấn đề; phương thức tổ chức giám sát và phản biện xã hội lựa chọn chưa đúng, chưa trúng, chưa thật cụ thể và sát thực. Tiêu biểu như Luật Mặt trận Lào Xây dựng đất nước đã đề ra “Ủy ban Mặt trận Lào Xây dựng đất nước thực hiện giám sát... đại biểu dân cử, cán

bộ công chức nhà nước”¹ nhưng do thiếu các văn bản hướng dẫn cụ thể nên rất khó thực hiện. Một số nội dung, vấn đề đưa ra giám sát, phản biện xã hội nhưng chưa có chuẩn bị, đầu tư thoả đáng; chưa thu hút được đông đảo chuyên gia, nhà khoa học, đội ngũ trí thức giỏi tham gia.

Quan điểm của Đảng Nhân dân cách mạng Lào: “Cán bộ, đảng viên; cơ quan và đoàn thể phải thật sự xem trọng các ý kiến của quần chúng nhân dân”² chưa phải đã được tất cả cán bộ, đảng viên thấm nhuần và thực hiện ở mọi lúc, mọi nơi. Tinh chủ động của Mặt trận chưa thật cao, vẫn còn tư tưởng chờ đợi yêu cầu giám sát và phản biện xã hội từ các cơ quan Đảng, Nhà nước. Một số cơ quan Đảng, Nhà nước còn chưa coi trọng những ý kiến phản biện xã hội, góp ý của Mặt trận; coi ý kiến của Mặt trận chỉ như một kênh tham khảo. Ở khía cạnh khác cho thấy, bản thân Đảng, Nhà nước cũng chưa có những quy định cụ thể có giá trị pháp lý tôn trọng ý kiến của Mặt trận. Đây là các nguyên nhân tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công tác giám sát và phản biện xã hội. Có không ít nội dung, vấn đề nêu ra phản biện xã hội nhưng kết quả chỉ dừng ở một số kiến nghị, góp ý chung chung do chưa phân biệt rõ ràng giữa góp ý kiến, kiến nghị với phản biện xã hội. Nói cách khác, còn đồng nhất phản biện xã hội với góp ý kiến, kiến nghị mà chưa thấy được yêu cầu cao cũng như sự khác nhau bởi tính chủ động “tranh biện” cao, nhằm khẳng định vấn đề hoặc phản bác vấn đề với đầy đủ luận cứ khoa học sắc bén để đi đến tận cùng chân lý thuyết phục các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Thực trạng nói trên có nhiều nguyên nhân. Tuy nhiên, cơ bản và quyết định nhất vẫn là nhân tố con người. Công tác giám sát và phản biện xã hội là vấn đề mới, có yêu cầu cao, nhưng đội ngũ cán bộ Mặt trận Lào lại chưa có sự chuẩn bị thật cần thiết. Hầu hết đội ngũ cán bộ của Mặt trận Lào được đào tạo từ nhiều nguồn, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ rất khác nhau. Những kiến thức về Mặt trận nói chung, đặc biệt kiến thức về công tác giám sát và phản biện xã hội chưa được đào tạo, trang bị một cách đầy đủ, cơ bản và hệ thống.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền đang là cuộc vận động lớn, xu hướng phát triển tất yếu khách quan của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào. Theo đó, cần phải làm cho Mặt trận Lào Xây dựng đất nước thực sự là tổ chức liên minh chính trị - xã hội rộng lớn, có đủ sức mạnh tham chính, tham nghị, nhất là hướng làm tốt công tác giám sát và phản biện xã hội, nhằm xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Làm được như vậy, Mặt trận Lào Xây dựng đất nước đã góp phần thiết thực vào công cuộc xây dựng đất nước Lào hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và thịnh vượng. ❖

Chú thích:

1. Quốc hội nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào: Luật Mặt trận Lào Xây dựng đất nước. Nxb. Quốc gia Lào, Viêng Chăn, 2010, tr. 20.
2. Đảng Nhân dân cách mạng Lào: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. Nxb. Quốc gia Lào, Viêng Chăn, 2016, tr. 65, 66.

Dân số thế giới sẽ đạt ngưỡng 9,8 tỷ người vào năm 2050 - Thách thức cho các quốc gia

HỒNG NHUNG biên dịch

Tóm tắt: Dân số thế giới hiện nay đã tăng hơn gấp 3 lần so với giữa thế kỷ XX. Dân số thế giới dự kiến sẽ tăng gần 2 tỷ người trong 30 năm tới, từ 8,1 tỷ hiện tại lên 9,8 tỷ người vào năm 2050 và có thể đạt đỉnh gần 10,4 tỷ người vào giữa những năm 2080. Điều này sẽ đặt ra nhiều thách thức to lớn cho các quốc gia trên toàn thế giới, từ việc đảm bảo an ninh lương thực, quản lý tài nguyên, đến giải quyết các vấn đề môi trường và phát triển kinh tế bền vững.

Summary: The world population has more than tripled since the mid-20th century. It is projected to increase by nearly 2 billion people over the next 30 years, rising from the current 8.1 billion to 9.8 billion by 2050, and could peak at around 10.4 billion in the mid-2080s. This growth will pose significant challenges for countries worldwide, from ensuring food security and managing resources to addressing environmental issues and achieving sustainable economic development.

Từ khóa: Dân số; năm 2050; thách thức; vấn đề xã hội; kiểm soát; tăng trưởng; bền vững; thế giới.

Keywords: Population; 2050; challenges; social issues; control; growth; sustainability; world.

Nhận bài: 12/6/2024; Sửa chữa: 18/6/2024; Duyệt đăng: 25/6/2024.

Vào ngày 15/11/2022, dân số thế giới đạt 8 tỷ người, một cột mốc quan trọng trong sự phát triển của xã hội loài người. Trong khi dân số toàn cầu mất 12 năm để tăng từ 7 tỷ lên 8 tỷ, thì sẽ mất khoảng 15 năm để đạt mốc 9 tỷ, một dấu hiệu

cho thấy tốc độ tăng trưởng dân số toàn cầu đang chậm lại. Tuy nhiên, mức sinh vẫn ở mức cao ở một số nước. Những quốc gia có mức sinh cao nhất thường là những quốc gia có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất. Do đó, tăng trưởng dân số toàn cầu theo thời gian ngày



Ấn Độ là đất nước đông dân nhất thế giới.

ẢNH: GETTY IMAGES



Dân số đông dân dẫn đến nhiều vấn đề xã hội.

ẢNH: EARTH

càng tập trung ở các nước nghèo nhất thế giới, hầu hết là khu vực châu Phi cận Sahara. Dân số ở khu vực này dự kiến sẽ tăng gấp đôi vào năm 2050 ngay cả khi mức sinh giảm đáng kể trong tương lai gần. Bất chấp sự không chắc chắn xung quanh xu hướng sinh sản trong tương lai ở châu Phi, số lượng lớn thanh niên những người sẽ nằm trong độ tuổi trưởng thành và sinh đẻ trong năm tới đang sinh sống ở khu vực này, điều này đảm bảo rằng châu Phi cận Sahara đóng vai trò trung tâm trong việc định hình quy mô và sự phân bố dân số thế giới trong những thập kỷ tới.

Trung Quốc và Ấn Độ vẫn là hai quốc gia đông dân nhất thế giới (trên 1,4 tỷ người), Trung Quốc hiện chiếm 17,7% dân số toàn cầu, trong khi dân số Ấn Độ chiếm khoảng 17,8%. Dân số Ấn Độ dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong vài thập kỷ tới, trong khi đó, dân số Trung Quốc gần đây đã đạt quy mô tối đa và có dấu hiệu suy giảm kể từ năm 2022. Theo dự báo, dân số Trung Quốc sẽ tiếp tục giảm và có thể xuống dưới 1 tỷ người trước cuối thế kỷ này. Theo Viện Hàn lâm Thượng Hải về Khoa học Xã hội, dân số Trung Quốc vào năm 2100 có thể giảm đến 60% so với hiện tại. Vào năm 2100, quốc gia đông dân thứ hai thế giới có thể chỉ còn lại 525 triệu người.

Trong khi đó, dân số thế giới dự đoán sẽ đạt 10,4 tỷ vào năm 2100. Giống như bất kỳ loại dự báo nào luôn tồn tại tại mức độ không chắc chắn. Những số liệu về dân số trên được tính toán dựa trên phương án dự báo trung bình, giả định mức sinh giảm ở những quốc gia nơi mô hình gia đình đông con vẫn còn phổ biến, cũng như mức sinh tăng nhẹ ở một số quốc gia có số con trung bình của một phụ nữ ít hơn hai. Triển vọng về tuổi thọ trung bình cũng được dự đoán sẽ cải thiện ở tất cả các quốc gia. Dân số của 61 quốc gia và khu vực trên thế giới dự kiến sẽ giảm vào năm 2050, trong đó có 26 quốc gia và khu vực có thể giảm ít nhất 10% dân số. Một số quốc gia dự kiến giảm hơn 10% vào năm 2050, bao gồm Bosnia và Herzegovina,



Mất an ninh lương thực là vấn đề nghiêm trọng.

ẢNH: AGRIGATE GLOBAL

Bulgaria, Croatia, Hungary, Nhật Bản, Latvia, Lithuania, Cộng hòa Moldova, Romania, Serbia và Ukraine. Mức sinh ở tất cả các nước châu Âu hiện ở dưới mức sinh thay thế và trong phần lớn các trường hợp mức sinh đã ở dưới mức thay thế trong nhiều thập kỷ qua.

Nếu như dân số thế giới đạt gần 10 tỷ người như dự kiến vào năm 2050, chúng ta sẽ phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng về cung cấp đủ lương thực, đảm bảo nguồn nước sạch, giải quyết tình trạng biến đổi khí hậu, cũng như duy trì sự ổn định kinh tế và xã hội. Châu Phi cận Sahara là khu vực mất an ninh lương thực nghiêm trọng nhất trên thế giới. Hơn 600 triệu người ở khu vực này, tương đương 58% dân số khu vực đang phải đối mặt với tình trạng thiếu lương thực trầm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển của cả trẻ em và người lớn. Điều này có nghĩa là cứ hai người thì có một người đang phải chịu cảnh thiếu lương thực ở mức độ vừa phải hoặc nghiêm trọng. Năm quốc gia đang trong tình trạng mất an ninh lương thực tồi tệ nhất ở khu vực châu Phi bao gồm: Sierra Leone, Liberia, Niger, Malawi và Lesotho.

Mất an ninh lương thực được định nghĩa là sự không chắc chắn trong việc tiếp cận đủ số lương thực, thực phẩm cần thiết cho một cuộc sống khỏe mạnh. Số người bị mất an ninh lương thực trên toàn cầu đang gia tăng, tăng thêm 300 triệu người kể từ năm 2014. Trong số 2 tỷ người trên thế giới đang trong tình trạng mất an ninh lương thực thì có khoảng 700 triệu người đang trong tình trạng mất an ninh lương thực nghiêm trọng, điều này có nghĩa là các cá nhân này phải bỏ bữa hoặc không có gì ăn cả ngày.

Tình trạng mất an ninh lương thực này gây ra những hậu quả bất lợi đối với sức khỏe thể chất và tinh thần của mỗi cá nhân, năng suất lao động sụt giảm nghiêm trọng, sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia chịu ảnh hưởng của tình trạng mất an ninh lương thực cũng bị kìm hãm.



Khan hiếm nguồn nước sạch ở nhiều quốc gia, khu vực.

ẢNH: REUTERS

Mất an ninh lương thực dẫn tới kết quả trực tiếp là bạo lực, xung đột hoặc bất ổn chính trị, là tác nhân gây ra những căng thẳng xã hội. Xung đột, đói nghèo cùng cực và mất an ninh lương thực tương tác với nhau một cách có hệ thống bằng cách tạo ra các vòng phản hồi tiêu cực.

Có thể nói, hầu hết các vấn đề mà thế giới đang phải đối mặt đều bắt nguồn từ sự gia tăng dân số. Trong đó, vấn đề môi trường, đặc biệt là ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã đặt ra thách thức nghiêm trọng đối với nhân loại. Ô nhiễm, hủy hoại môi trường sống, vấn đề xử lý rác thải và đối với nhiều người dân trên thế giới, chất lượng cuộc sống của họ ngày càng suy giảm do những ảnh hưởng bắt nguồn từ dân số.

Nhu cầu sử dụng nước đã tăng 1% mỗi năm trong bốn thập kỷ qua kể từ năm 1980. Nhu cầu này ngày càng tăng được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng dân số, hoạt động kinh tế và mô hình tiêu dùng. Nhu cầu về nước đã tăng lên ở tất cả các loại mục đích sử dụng bao gồm sinh hoạt, công nghiệp và nông nghiệp. Ngoài ra, tác động đáng kể của biến đổi khí hậu đến hệ thống lương thực toàn cầu là do tình trạng khan hiếm nước ngày càng gia tăng. Báo cáo Phát triển Nước Thế giới của Liên hiệp quốc nhấn mạnh rằng hơn hai tỷ người sống ở các quốc gia đang gặp phải tình trạng căng thẳng về nguồn nước và khoảng 4 tỷ người gặp phải tình trạng khan hiếm nước nghiêm trọng ít nhất một tháng trong năm. Gia tăng dân số dẫn tới gia tăng tự nhiên nhu cầu về nước, tác động của biến đổi khí hậu cũng làm căng thẳng thêm về nguồn cung nước sạch trong những thập kỷ tới.

Những thay đổi bất lợi trong môi trường tự nhiên có thể dẫn đến gia tăng căng thẳng xã hội nếu xã hội không có đủ khả năng phục hồi cần thiết để đối phó với những mối đe dọa này. Tương tự, xung đột và gia tăng dân số một cách không kiểm soát cũng có những tác động tiêu cực rõ ràng đối với môi trường. Hai yếu tố làm tăng sự khan hiếm tài nguyên và gây xung đột này có thể tạo ra

một vòng luẩn quẩn trong đó cái này làm tăng khả năng xảy ra cái kia dẫn tới thất bại xã hội.

Trong bối cảnh hiện nay, chúng ta cần tìm ra những giải pháp sáng tạo và bền vững để giải quyết các vấn đề liên quan đến an ninh lương thực, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế. Chia khóa cho những thách thức này nằm ở việc tăng cường hợp tác quốc tế, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, và triển khai các chính sách hiệu quả.

Một trong những giải pháp cấp bách là nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Công nghệ và đổi mới trong nông nghiệp có thể giúp tăng năng suất và giảm lãng phí. Các biện pháp như sử dụng giống cây trồng chịu hạn, cải tiến kỹ thuật tưới tiêu và áp dụng công nghệ sinh học có thể giúp đảm bảo nguồn cung lương thực ổn định ngay cả trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt.

Đồng thời, quản lý tài nguyên nước hiệu quả là một yếu tố then chốt. Các quốc gia cần phát triển các chiến lược quản lý tài nguyên nước bền vững, bao gồm tái chế nước, quản lý nhu cầu nước và bảo vệ các nguồn nước ngầm. Việc giáo dục cộng đồng về tầm quan trọng của tiết kiệm nước và các biện pháp bảo vệ môi trường cũng là yếu tố không thể thiếu.

Biến đổi khí hậu là thách thức toàn cầu đòi hỏi sự cam kết và hành động từ tất cả các quốc gia. Các chính sách giảm phát thải khí nhà kính, chuyển đổi sang năng lượng tái tạo và thúc đẩy các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu cần được triển khai một cách quyết liệt. Hợp tác quốc tế, chia sẻ công nghệ và tài trợ cho các dự án phát triển bền vững ở các nước đang phát triển cũng sẽ giúp giảm bớt tác động của biến đổi khí hậu.

Ngoài ra, việc đảm bảo sự ổn định kinh tế và xã hội đòi hỏi sự đầu tư vào giáo dục, y tế và cơ sở hạ tầng. Các quốc gia cần tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững bằng cách tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, khuyến khích khởi nghiệp và đổi mới, và đảm bảo rằng tất cả mọi người đều có cơ hội tiếp cận với các dịch vụ cơ bản.

Dân số tăng nhanh ở các nước nghèo đòi hỏi sự chú ý đặc biệt. Các chính sách dân số và phát triển cần tập trung vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm tỷ lệ sinh và cải thiện giáo dục và y tế. Sự đầu tư vào phụ nữ và trẻ em, cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và giáo dục giới tính có thể giúp kiểm soát tăng trưởng dân số một cách bền vững.

Để đối phó với những thách thức từ sự gia tăng dân số toàn cầu, chúng ta cần một chiến lược tổng thể, kết hợp giữa các biện pháp kỹ thuật, chính sách và hợp tác quốc tế. Chỉ khi chúng ta hành động kịp thời và đồng bộ, thế giới mới có thể phát triển bền vững và đảm bảo một tương lai tươi sáng cho tất cả mọi người. ❖

Phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế thực hiện thắng lợi việc chuyển quân, tập kết theo Hiệp định Gionevo năm 1954

NGUYỄN VĂN NHẬT*

Tóm tắt: Cách đây 70 năm, với Hiệp định Gionevo, chúng ta đã thực hiện thành công việc chuyển quân, tập kết cán bộ, chiến sỹ và đồng bào miền Nam ra miền Bắc. Thắng lợi của việc chuyển quân, tập kết năm 1954 - 1955 trước hết là do chủ trương, cách thức tổ chức đúng đắn; đồng thời cũng là kết quả của việc tuyên truyền, khơi dậy tinh thần yêu nước, của việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Summary: Seventy years ago, with the Geneva Agreement, we successfully carried out the transfer and assembly of troops, cadres, soldiers, and compatriots from the South to the North. The success of the troop transfer and assembly in 1954-1955 was primarily due to the correct policies and organizational methods, as well as the results of propoganda efforts that stirred patriotic spirit and leveraged the strength of great national unity bloc and international solidarity of the Vietnamese Party and State.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết toàn dân tộc; đoàn kết quốc tế; chuyển quân tập kết; Hiệp định Gionevo.
Keywords: Communist Party of Vietnam; great national unity; international solidarity; troop transfers and assembly; Geneva Agreement.

Nhận bài: 18/6/2024; *Sửa chữa:* 28/6/2024; *Duyệt đăng:* 3/7/2024.

Hiệp định Gionevo và vấn đề chuyển quân, tập kết

Ngày 21/7/1954, Hiệp định Gionevo về đình chỉ chiến sự tại Đông Dương đã được ký kết. Theo Hiệp định, các nước công nhận và tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương; Pháp rút quân khỏi lãnh thổ ba nước; Quân tình nguyện Việt Nam rút khỏi Lào và Campuchia.

Riêng đối với Việt Nam, Hiệp định quy định lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời để lực lượng hai bên tập kết. Quân đội nhân dân Việt Nam tập kết ở phía Bắc, Quân đội Liên hiệp Pháp ở phía Nam. Giới tuyến quân sự chỉ có tính chất tạm thời, không có giá trị là ranh giới chính trị hay lãnh thổ; quy định thời hạn tổ chức tổng tuyển cử để thống nhất nước Việt Nam vào tháng 7/1956. Việc tập kết chuyển quân và chuyển giao khu vực được thực hiện trong vòng 300 ngày, kể từ ngày 21/7/1954. Ở miền Bắc, khu vực Hà Nội nằm trong vùng tập kết 80 ngày, Hải Dương 100 ngày, Hải Phòng, Kiến An, Hồng Quảng 300 ngày của quân đội Pháp. Ở miền Nam, thời gian Việt Nam bàn giao cho

phía Pháp quy định khác nhau. Tại Trung Bộ, các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định là 300 ngày, các tỉnh khác bàn giao xong trước ngày 31/8/1954. Tại Nam Bộ, khu vực Hàm Tân (Bình Thuận), Xuyên Mộc (Bà Rịa - Vũng Tàu) vùng tập kết 80 ngày; vùng Cao Lãnh - Đồng Tháp Mười là 100 ngày, riêng khu tập kết Cà Mau là 200 ngày.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ đón tiếp cán bộ, chiến sỹ và đồng bào miền Nam tập kết, Đảng đã chỉ đạo chặt chẽ từ Trung ương đến các địa phương, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, từ các cấp ủy, chính quyền đến các tổ chức đoàn thể nhân dân.

Ngày 31/8/1954, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Về việc đón tiếp bộ đội, thương binh, một số cán bộ và đồng bào miền Nam ra Bắc". Ban Bí thư quyết định thành lập Ban phụ trách chung về công tác đón tiếp đồng bào, chiến sỹ miền Nam gồm: Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Lê Văn Lương, Bộ trưởng Bộ Lao động Nguyễn Văn Tạo, Bộ trưởng Bộ Thương binh Vũ Đình Tung, các đại biểu của Mặt trận Liên Việt, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, do Bộ trưởng Bộ Lao động Nguyễn

* Phó Giáo sư, Tiến sỹ, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nguyên Viện trưởng Viện Sử học.



Hội nghị Geneve 1954 bàn về lập lại hòa bình ở Đông Dương.

ẢNH TƯ LIỆU

Văn Tạo làm Trưởng ban¹. Việc tổ chức đón và tiếp nhận người tập kết do nhiều cơ quan khác nhau đảm nhận. Phần lớn số bộ đội do Bộ Quốc phòng đảm nhận; số dân sự do Bộ Lao động và một số bộ, ngành đảm nhận; gia đình và con em cán bộ, chiến sĩ do Bộ Giáo dục giải quyết. Sau khi đón tiếp, những đơn vị tập kết được đưa về Hà Nội và các nơi khác ở miền Bắc. Bộ Lao động và các cơ quan hữu quan bố trí công việc hoặc vào cơ quan Nhà nước, hoặc vào các xí nghiệp, nông trường. Đối với học sinh miền Nam tập kết, Đảng và Nhà nước coi đây là nhiệm vụ rất quan trọng. Chăm lo đời sống sinh hoạt, giáo dục cho học sinh miền Nam còn nhằm mục đích lâu dài là đào tạo nhân tài cho miền Nam.

Đối với các địa phương được giao nhận đồng bào tập kết, Ban Bí thư yêu cầu phải lập ngay ban phụ trách. Ban phụ trách các cấp từ khu đến xã sẽ gồm đại diện cấp ủy đảng, chính quyền, bộ đội, cơ quan thương binh; ở xã thì có đại diện chi ủy, ủy ban, tổ chức nông hội, Mặt trận Liên Việt, lực lượng dân quân. Ban phụ trách chuẩn bị việc tiếp đón và lập kế hoạch phân phối người về các huyện, các xã, là những nơi phải đủ các điều kiện như: nhân dân có giác ngộ chính trị cao, có chỗ ở tạm được, không hẻo lánh và khí hậu xấu.

Ở miền Bắc, các tỉnh được giao nhiệm vụ đón tiếp đồng bào và chiến sĩ miền Nam tập kết gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình; trong đó Sầm Sơn (Thanh Hóa)

và Cửa Hội (Nghệ An) là những địa điểm đón tiếp cán bộ, chiến sĩ và đồng bào miền Nam tập kết theo đường biển; Hà Tĩnh và Quảng Bình đón tiếp qua đường bộ.

Thực hiện sự phân công của Trung ương, Liên khu ủy Liên khu IV đã ra Chỉ thị số 161/CT-LK4 "Về kế hoạch đón tiếp quân đội, cán bộ, đồng bào miền Nam", quy định các điểm đón tiếp, yêu cầu các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chuẩn bị các điều kiện vật chất cho công tác đón tiếp. Thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư và của Liên Khu ủy, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình đã thành lập Ban đón tiếp. Các sở, ty chuyên môn được giao phụ trách trực tiếp từng lĩnh vực như: xây dựng lán trại, bố trí nơi ở, cung cấp lương thực thực phẩm, đảm bảo cuộc sống cho đồng bào tập kết.

Ở miền Nam, để chuẩn bị cho công việc chuyển quân tập kết, tháng 7/1954, Trung ương Cục miền Nam ra chỉ thị số 41/CT-TWC "Về việc tập kết quân đội và chính quyền", quán triệt đến các cấp ủy đảng, đảng viên mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ của người tập kết ra miền Bắc và người ở lại tiếp tục hoạt động ở miền Nam. Tiếp đó, ngày 23/10/1954, Trung ương Cục ra Nghị quyết thành lập Đảng ủy chuyển quân ở các khu, các tỉnh và khu tập kết Cà Mau. Đảng ủy chuyển quân cấp tỉnh đặt dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy chuyển quân cấp khu; Đảng ủy chuyển

quân Khu Cà Mau đặt dưới sự chỉ đạo của Trung ương Cục. Các địa phương, cơ quan kháng chiến và lực lượng vũ trang các cấp tiến hành lập danh sách, phân loại, cử người tiếp tục ở lại và người ra đi tập kết².

Việc chuyển quân, tập kết cán bộ, chiến sỹ và nhân dân miền Nam ra miền Bắc và Quân tình nguyện Việt Nam ở Lào và Campuchia về nước diễn ra trong bối cảnh miền Bắc còn nhiều khó khăn và tâm lý của cán bộ, chiến sỹ miền Nam có những phức tạp nhất định.

Ở miền Nam, việc chuyển quân tập kết từ miền Nam ra miền Bắc thực sự là cuộc đấu tranh tư tưởng, tuy âm thầm nhưng đầy quyết liệt của quân và dân miền Nam, nhất là ở những vùng tự do, khu du kích, căn cứ du kích.

Như chúng ta đã biết, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Liên khu V và rất nhiều vùng khác ở miền Nam là vùng tự do, do ta làm chủ. Thực hiện chủ trương chuyển quân, tập kết, đồng bào miền Nam trong vùng tự do vừa phải chia tay hàng chục ngàn cán bộ và con em tập kết ra Bắc; đồng thời phải trở lại sống dưới sự kiểm soát của địch. Những người ở lại nảy sinh tư tưởng và suy nghĩ băn khoăn lo lắng: Liệu kẻ địch có thi hành Hiệp định Giơnevơ hay không, dưới chính quyền địch cuộc sống của người dân sẽ ra sao; con em của những người tập kết liệu có bị phân biệt, trả thù hay không?.

Trong khi đó ở miền Bắc, vào cuối năm 1953 đầu năm 1954, nhân dân vùng tự do Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh cũng như các tỉnh khác tập trung nhân lực, vật lực cho chiến trường Điện Biên Phủ, do vậy đến thời điểm năm 1954, đời sống của nhân dân các tỉnh này rất khó khăn, thậm chí có địa phương bị thiếu đói.

Để thực hiện thành công việc chuyển quân, tập kết theo Hiệp định Giơnevơ, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã triển khai công tác tuyên truyền, vận động nhân dân ở cả hai miền nhằm đi đến sự đoàn kết, nhất trí, chung sức, chung lòng trong việc thực hiện nhiệm vụ quan trọng này.

Tuyên truyền, phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc trong thực hiện nhiệm vụ chuyển quân, tập kết

Ngày 22/7/1954, sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi đồng bào cả nước, giải thích rõ yêu cầu, mục đích của việc chuyển quân, tập kết: "Để thực hiện hòa bình, bước đầu tiên là quân đội hai bên phải ngừng bắn. Để ngừng bắn, thì cần phải tách quân đội hai bên ra hai vùng khác nhau: tức là điều chỉnh khu vực. Điều chỉnh khu vực là việc tạm thời, là bước quá độ để thực hiện đình chiến, lập lại hòa bình và tiến đến thống nhất nước nhà bằng cách tổng tuyển cử... Đó là một việc cần thiết. Nhưng Trung Nam Bắc đều là bờ cõi của ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng"³.

Tiếp sau đó, ngày 27/7/1954, trong Chỉ thị "Tuyên truyền về những Hiệp định của Hội nghị Giơnevơ. Tình

hình và nhiệm vụ mới", Ban Bí thư Trung ương Đảng nêu rõ: "Việc điều chỉnh thành hai vùng đóng quân dứt khoát ở Việt Nam là một việc làm cần thiết để thực hiện ngừng bắn và đình chiến và cũng là việc làm tạm thời trước khi quân Pháp rút khỏi Việt Nam. Đó không phải là "chia cắt đất đai" không phải là "phân trị"... "Cần nêu khẩu hiệu "Điều chỉnh để đình chiến, tuyển cử để thống nhất"⁴.

Để thực hiện tốt việc chuyển quân, tập kết, ngày 31/8/1954, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị về việc đón tiếp bộ đội, thương binh, một số cán bộ và đồng bào miền Nam ra Bắc, trong đó nêu rõ: "Việc đón tiếp, phân phối công tác, tìm nơi tạm ở và công ăn việc làm cho số người nói trên là rất trọng yếu, có ảnh hưởng và tác dụng chính trị rất lớn không những đối với tinh thần tư tưởng của những người ra ngoài này, mà còn có ảnh hưởng rất lớn đối với tinh thần đồng bào miền Nam ở trong kia"⁵, do đó, Ban Bí thư yêu cầu các địa phương tổ chức tuyên truyền, giáo dục một cách sâu rộng để cho "cán bộ và nhân dân nhận thấy việc đón tiếp và giúp đỡ này là một nghĩa vụ và cũng là một vinh dự... Cần có thái độ ân cần, săn sóc, giúp đỡ anh chị em miền Nam giải quyết mọi sự khó khăn, lo lắng như với anh chị em ruột thịt... là thái độ đối với những người có công với Tổ quốc"⁶.

Tại miền Nam, trong Chỉ thị số 41/CT-TWC "Về việc tập kết quân đội và chính quyền", Trung ương Cục miền Nam nêu rõ: "Việc xây dựng tư tưởng là một việc rất quan trọng. Có xây dựng tư tưởng chu đáo mới tránh được tình trạng cán bộ ở lại thì cảm thấy bị bỏ rơi, cán bộ ra đi cảm thấy như không được tin cậy". Phải tuyên truyền cho mọi người nhận thức rõ "Đi hay ở đều là công tác, là phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc, đều vinh quang như nhau"⁷. Tiếp đó, trong Chỉ thị số 50/CT-TWC ngày 20/8/1954, Trung ương Cục miền Nam yêu cầu lãnh đạo và xây dựng tư tưởng cho cán bộ và nhân viên các cấp: "Cách mạng cần đi thì đi, cách mạng cần ở thì ở. Tuyệt đối không phải đi hay ở để hưởng lợi lộc cá nhân, để trốn tránh trách nhiệm, để chạy giặc"⁸.

Tại các điểm tập kết ở miền Nam, các đơn vị tập kết đầy mạnh tuyên truyền thắng lợi kháng chiến và ý nghĩa của Hiệp định Giơnevơ, củng cố phát triển Mặt trận Dân tộc Thống nhất, xây dựng cơ sở mật, thực hiện các quyền tự do dân chủ, tăng cường công tác xã hội, khôi phục sản xuất, mua bán của nhân dân. Để giảm bớt khó khăn cho Trung ương trong việc đón tiếp đồng bào miền Nam tập kết, Liên khu ủy miền Tây Nam Bộ đã huy động và gửi theo tàu ra miền Bắc khoảng 20.000 tấn gạo⁹. Tại địa điểm tập kết Cà Mau, hàng ngàn đồng bào các nơi kéo về đây để tiễn bộ đội và con em lên tàu ra miền Bắc. Trong những ngày này, diễn ra nhiều câu chuyện xúc động, thể hiện tình cảm của nhân dân miền Nam với miền Bắc, với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong ngày tiễn đưa bộ đội ra Bắc, Má Tư Hồ (Huỳnh Thị Sánh), Hội trưởng Phụ nữ cứu quốc xã Trí Phải (huyện Thới Bình, Bạc Liêu) đã giao cho đồng chí Trung Kiên, đại đội trưởng đại đội hỏa lực Tiểu đoàn 307 cây vú sữa do bà uơm trồng và nói rằng: "Nhân dân xin tặng Bác Hồ cây vú sữa như hứa hẹn với

Bác rằng: Đồng bào miền Nam, nhân dân Trí Phải luôn luôn giữ vẹn lòng chung thủy son sắt với sự nghiệp cách mạng do Bác lãnh đạo và nguyện vượt mọi khó khăn để bảo vệ và xây dựng đất nước"¹⁰. Ngày 26/1/1955 (mùng 3 Tết Ất Mùi), đồng chí Nguyễn Văn Kinh, Ủy viên Trung ương Cục miền Nam đã thay mặt đồng bào Nam Bộ tặng cây vú sữa cho Bác Hồ. Xúc động trước món quà đặc biệt của đồng bào miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trồng cây vú sữa bên cạnh nhà sàn trong Phủ Chủ tịch. Cây vú sữa trong vườn Bác đã trở thành biểu tượng cho tấm lòng đồng bào miền Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như tình cảm của Người đối với đồng bào miền Nam ruột thịt.

Ở miền Bắc, đến thời điểm này, đời sống của nhân dân các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh còn rất nhiều khó khăn do tập trung nhân lực, vật lực cho chiến trường Điện Biên Phủ, song theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng, nhân dân các địa phương đã dốc lòng, tạo mọi điều kiện về vật chất và tinh thần để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang này.

Tại Thanh Hóa, khi được chọn là nơi đón đồng bào miền Nam tập kết, Chính quyền và Mặt trận Liên Việt xã Quảng Tiến (nay là phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn) đã huy động, hàng nghìn ngày công lao động của quân và dân để xây dựng các cơ sở đón tiếp. Cả xã trở thành đại công trường, người người san lấp mặt bằng, dựng cột kèo, lán trại làm nơi cho cán bộ, đồng bào nghỉ ngơi, sinh hoạt; người thì làm đường, mở rộng đường ra Cảng Hới, làm tuyến cầu phao luồng dài hàng kilômét để đón cán bộ, chiến sĩ, đồng bào miền Nam.

Nhân dân các huyện khác như: Quảng Xương, Nga Sơn, Đông Sơn, Hoàng Hóa, Nông Cống, Thiệu Hóa, Yên Định, Thọ Xuân... đã cung cấp hàng ngàn con trâu, bò, lợn, hàng vạn con gà, vịt; hàng chục ngàn bộ quần áo, hàng ngàn màn, chăn, áo ấm. Đồng bào các huyện miền núi Như Xuân, Cẩm Thủy cung cấp hàng vạn cây luồng, nứa, bương, gỗ để xây dựng nhà cửa, lán trại. Nhân dân các địa phương đã cùng ngành y tế xây dựng một trạm cấp cứu tại Sầm Sơn, 2 trạm y tế ở 2 xã Hoàng Quang và Hoàng Lộc (Hoàng Hóa), 1 bệnh xá ở xã Thiệu Đò (Thiệu Hóa) để kiểm tra sức khỏe cho cán bộ, đồng bào và học sinh miền Nam. Đến 1/5/1955, nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã đón 45 chuyến tàu, với 79.996 người; trong đó gồm 1.869 thương, bệnh binh; 47.346 cán bộ; 5.922 học sinh, sinh viên và 1.443 gia đình cán bộ ở miền Nam tập kết¹¹.

Tại Nghệ An, cảng Cửa Hội được chọn làm nơi đón tiếp bằng đường biển. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh và Mặt trận Liên Việt đã tuyên truyền để nhân dân hiểu rõ chủ trương tập kết với khẩu hiệu "nuông cơm, sẻ áo", "vì miền Nam ruột thịt", vận động nhân dân chuẩn bị cơ sở vật chất, nhường nhà ở cho cán bộ, chiến sĩ và đồng bào, bố trí trường học cho các cháu học sinh miền Nam. Đến cuối tháng 12/1954, tại cảng Cửa Hội, nhân dân Nghệ An đã đón tiếp 26.629 cán bộ, bộ đội, thương binh và đồng bào miền Nam tập kết¹².

Các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình được phân công tiếp đón trên đường bộ, nhân dân địa phương đã đóng góp hàng nghìn ngày công lao động để xây dựng các trạm tiếp đón, cung cấp lương thực, thực phẩm, quần áo, chăn màn cho đồng bào tập kết. Riêng ở Vinh Linh, địa phương tiếp giáp với miền Nam, trong điều kiện còn hết sức khó khăn, nhưng bà con Vinh Linh đã nhường 783 mẫu ruộng, góp sức mua được 207 con trâu và 427 con bò, sắm hàng chục ghe thuyền, hàng trăm xấp lưới để đồng bào tập kết có tư liệu sản xuất¹³. Trên tuyến đường bộ, các tỉnh thuộc Liên khu IV đã đón 11.345 người từ Quảng Trị, Thừa Thiên, trong đó có 4.608 cán bộ, chiến sĩ; 497 thương binh, 1.278 cán bộ Dân - Chính - Đảng, 3.061 người thuộc gia đình cán bộ và 1.163 hàng binh. Cùng với đó, Liên khu đã tổ chức 6 đợt đón tiếp Quân tình nguyện Việt Nam và Giải phóng quân Lào và quân đội Campuchia với số lượng 7.162 người¹⁴.

Để đảm bảo đời sống cho đồng bào miền Nam tập kết, Liên khu IV đã thành lập 51 tập đoàn sản xuất nông, lâm ngư nghiệp dành cho các gia đình và cán bộ dân chính đảng. Tại Thanh Hóa, đồng bào được tiếp nhận vào làm việc trong các nông trường Phúc Do (huyện Cẩm Thủy), Thạch Quảng (huyện Thạch Thành), Lam Sơn (huyện Thọ Xuân), Thống Nhất (huyện Yên Định), Yên Mỹ (huyện Nông Cống). Cùng với đó, ngành đường sắt nhận 3.000 người; Bộ Lao động nhận 3.199 công nhân; Bộ Y tế nhận đưa vào bệnh viện gần 2.000 bệnh nhân, Bộ Nội vụ và Ban Tổ chức Trung ương đã tổ chức ba khóa học cho 1.907 cán bộ Dân - Chính - Đảng, sau khi học xong được bố trí công tác tại các cơ quan ban ngành Trung ương và các tỉnh; 2.886 thương binh đã được chuyển đến các viện Quân y điều trị và Bộ Thương binh để điều dưỡng. Mặt trận Liên Việt đón 10 thân sĩ và gia đình; tổ chức lớp học cho 52 cán bộ¹⁵.

Đối với học sinh miền Nam tập kết, Đảng và Nhà nước coi đây là nhiệm vụ rất quan trọng. Chăm lo đời sống sinh hoạt, giáo dục cho học sinh miền Nam còn nhằm mục đích lâu dài là đào tạo nhân tài cho miền Nam. Từ giữa tháng 10/1954 đến cuối tháng 5/1955, miền Bắc đón nhận vào các trường 12.089 học sinh, gồm 7.000 học sinh Liên khu V và gần 5.000 học sinh Nam Bộ. Số còn lại là học sinh Thừa Thiên, Quảng Trị... Hầu hết học sinh miền Nam ra Bắc được sắp xếp vào các trường học theo đúng trình độ, lứa tuổi, trong đó có 500 học sinh đã được đưa đi học tập tại các nước xã hội chủ nghĩa; số còn lại được đưa vào học trong các trường phổ thông¹⁶.

Đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với cách mạng và nhân dân Lào, Campuchia

Với đường lối ngoại giao đúng đắn của Đảng, trong suốt 9 năm kháng chiến, nhân dân các nước trên thế giới, đặc biệt là Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân đã hết lòng ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta. Trong việc chuyển quân tập kết,

Đảng và Nhà nước Việt Nam đã nhờ Liên Xô giúp đỡ. Phía bạn đã lập một ủy ban hỗn hợp lo việc thuê tàu và tổ chức chuyên chở. Từ ngày 26/8/1954, các tàu vận tải mang tên Arkhangelsk và Stavropol (của Liên Xô), Kilinski (của Ba Lan) bắt đầu đưa những đoàn cán bộ, chiến sĩ và đồng bào miền Nam ra miền Bắc. Ngày 25/9/1954, đoàn chuyển quân đầu tiên ở khu vực Hàm Tân - Xuyên Mộc cập bến Lạch Hới, Sầm Sơn (Thanh Hóa). Đến cuối tháng 10/1954, toàn bộ lực lượng tập kết ở hai khu vực Hàm Tân - Xuyên Mộc và Cao Lãnh - Đồng Tháp Mười ra đến miền Bắc an toàn. Ngày 8/2/1955, chuyển tàu cuối chuyển quân ở khu vực Cà Mau ra đến miền Bắc. Ngày 16/5/1955, chuyển cuối cùng rời cảng Quy Nhơn, kết thúc việc chuyển quân, tập kết.

Theo thống kê chưa đầy đủ, trong khoảng thời gian từ tháng 8/1954 đến 2/1955, tàu Arkhangelsk đã thực hiện 12 chuyến Nam - Bắc, chuyên chở hơn 30.000 người và hơn 1.300 tấn hàng; tàu Kilinski từ tháng 10/1954 đến 5/1955 đã thực hiện 27 chuyến, vận chuyển 85.000 người, 3.500 vũ khí các loại, 250 tấn đạn dược. Riêng tàu Stavropol, sau những chuyến Bắc - Nam, từ tháng 1/1955 đã chuyển sang chở gạo viện trợ từ Trung Quốc sang Việt Nam¹⁷.

Đối với cách mạng Lào và Campuchia, thực hiện Hiệp định Gionevo, Quân tình nguyện Việt Nam rút về nước và cùng với việc đón quân tình nguyện Việt Nam, miền Bắc còn tiếp nhận một bộ phận quân đội và nhân dân Lào, Campuchia tập kết. Trên tuyến đường biển, trong lực lượng tập kết ra miền Bắc có 1.038 người của cách mạng Campuchia, gồm 6 cán bộ cấp Trung ương, 16 cán bộ cấp miền, tỉnh, 30 cán bộ cấp huyện, 12 sinh viên đại học và trung học, trong đó có 128 người là đảng viên Đảng Nhân dân Campuchia. Trên tuyến đường bộ, các tỉnh thuộc Liên khu IV đã tổ chức 6 đợt đón tiếp Quân tình nguyện Việt Nam, Quân giải phóng Lào và Quân đội cách mạng Campuchia, với số lượng 7.162 người; trong đó Quân giải phóng Lào có 3.979 người cùng với 162 phụ nữ và 83 thiếu nhi và 140 người của Quân đội cách mạng Campuchia tập kết theo các đơn vị của Hạ Lào¹⁸.

Cách đây 70 năm, thi hành Hiệp định Gionevo, chúng ta đã thực hiện thành công việc chuyển quân, tập kết, đưa hơn 120 nghìn cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, 500 tấn súng đạn, 600 tấn máy móc khí tài, 236 ô tô các loại từ Nam ra Bắc¹⁹.

Tổng kết cuộc chuyển quân, tập kết, trong bản báo cáo trình bày tại Kỳ họp lần thứ 4, phiên họp thứ 2, Quốc hội khóa I, ngày 20/3/1955 về "Tình hình thi hành Hiệp định Geneva trong 8 tháng qua", thay mặt Chính phủ, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp khẳng định: "... Với một sự cố gắng rất lớn của quân đội, với sự ủng hộ tích cực và thắm thiết của nhân dân, với sự giúp đỡ anh em của các nước bạn Liên Xô, Ba Lan trong việc vận chuyển, chúng ta đã thực hiện các việc nói trên đúng thời hạn hoặc sớm hơn thời hạn đã định. Và hiện nay trừ một bộ phận lực lượng của ta còn tạm đóng trong vùng Bình Định, Quảng Ngãi, trên 7 vạn quân ta và một số anh em cán bộ và đồng bào ta ở miền Nam đã an toàn chuyển ra miền Bắc"²⁰.

Như vậy, với chủ trương của Đảng là: "đề cao tinh thần yêu nước, yêu mến đồng bào miền Nam, đề cao tinh thần đoàn kết của nhân dân, cán bộ và bộ đội toàn quốc đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất và hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc"²¹, nhân dân các địa phương miền Bắc đã dốc lòng, yêu thương, đùm bọc cán bộ, chiến sĩ và đồng bào miền Nam tập kết với tinh thần "Nam - Bắc một nhà, anh em ruột thịt". Việc tổ chức thắng lợi nhiệm vụ chuyển quân, tập kết cán bộ, chiến sĩ và đồng bào miền Nam ra Bắc năm 1954 - 1955 là kết quả của chủ trương và sự chỉ đạo đúng đắn, của đường lối phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế của Đảng trong điều kiện đất nước còn rất nhiều khó khăn. Kinh nghiệm về công tác tuyên truyền, cách thức tổ chức, về việc phát huy lòng yêu nước, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chuyển quân tập kết năm 1954 - 1955 luôn có giá trị đối với chúng ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay. ❖

Chú thích:

- 1,4,5,6,21. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tập 15, tr. 260, 241, 259, 261-262.
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng: Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 51.
3. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 9, tr. 2.
- 7,8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn phòng: Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tập 5 (1953-9/1954), tr. 881-884, 915.
- 9,10. Ban Biên soạn Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến, Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến, tập 1 (1945-1954), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2010, tr. 362, 366.
- 11,13,14,15,17,18,19. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: 300 ngày đấu tranh, thi hành Hiệp định Gionevo (22/7/1954 - 17/5/1955), tr.168-172.
12. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An: Lịch sử Nghệ An tập II từ năm 1945 - 2005, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012, tr. 235.
16. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học: Lịch sử Việt Nam, tập 12, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr. 99.
20. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Văn kiện Quốc hội toàn tập, tập 1, 1945 - 1960. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 585.

Từ Tây Nguyên đến chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

NGUYỄN KHẮC TRINH*

Tóm tắt: Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng của thực dân Pháp ở Nam Đông Dương. Để ngăn cản cuộc hành quân Átlăng nhằm đánh chiếm, bình định vùng tự do Liên khu V của quân Pháp, Trung ương Đảng và Bộ Tổng tham mưu đã quyết định lựa chọn Tây Nguyên là một trong bốn hướng tấn công của quân ta trong kế hoạch chiến lược Đông - Xuân (1953 - 1954). Mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng dưới sự lãnh đạo của Khu ủy Khu V, quân và dân Tây Nguyên đã chiến đấu mưu trí và kiên cường, chủ động tấn công quân địch trên toàn vùng, buộc Nava phải điều lực lượng đi đối phó, khiến cho kế hoạch tập trung binh lực của quân xâm lược ngay từ đầu đã bị đảo lộn. Với chiến dịch Bắc Tây Nguyên, quân và dân ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ "chia lửa" với cả nước, đặc biệt là mặt trận Tây Bắc, góp phần làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

Summary: Tay Nguyen was indeed a strategically important area for French colonialists in Indochina. In order to counter the Atlantik operation aimed at securing and controlling Free Zone Region V under French authority, the Central Party and the General Staff selected Tay Nguyen as one of the four directions of attack in our strategic Winter-Spring campaign (1953 - 1954). Despite facing numerous challenges, under the leadership of the Party Committee of Region V, the troops and people of Tay Nguyen fought with resilience and determination, launching proactive attacks throughout the region. This compelled Nava to divert forces in response, disrupting the invading army's centralized strength plan from the outset. Through the Northwest Tay Nguyen campaign, our troops and people successfully fulfilled the mission of sharing difficulties with the whole country, especially the Northwest Front, contributing significantly to the historic victory at Dien Bien Phu in 1954.

Từ khóa: Tây Nguyên; Điện Biên Phủ; kháng chiến chống thực dân Pháp; chiến thắng lịch sử; Đông Dương.

Keywords: Tay Nguyen; Dien Bien Phu; anti-French colonial resistance; historic victory; Indochina.

Nhận bài: 25/6/2024; *Sửa chữa:* 28/6/2024; *Duyệt đăng:* 5/7/2024.

Những cố gắng cao nhất của quân Pháp ở Đông Dương

Với mong muốn cứu vãn nền hòa bình cho Đông Dương, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần đàm phán và nhượng bộ với thực dân Pháp. Nhưng mùa Đông năm 1946, chúng vẫn kiên quyết mở rộng cuộc tấn công quân sự ra toàn lãnh thổ Việt Nam, hòng bình định và đặt lại ách cai trị của chúng ở Đông Dương. Tuy nhiên, chỉ trong một thời gian ngắn, chúng đã mất thế chủ động, bị thiệt hại nặng nề và sa lầy trên chiến trường Đông Dương.

Trong khi đó, lực lượng kháng chiến của quân và dân Việt Nam, từ tình thế khó khăn, bị động, đã nhanh chóng phát triển, giành được thế chủ động, giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở Tây Nguyên, Liên Khu V, vùng Cao-Bắc-Lạng và các khu vực ở đồng bằng Bắc Bộ... Đến đầu năm 1953, ta đã kiểm soát được 2/3 lãnh thổ¹.

Kế hoạch chiến lược quy mô lớn của Nava

Để tìm lối thoát cho quân đội Pháp, ngày 7/5/1953, được sự đồng thuận của Mỹ, Chính phủ Pháp đã cử tướng

* Tiến sĩ, Trường Đại học Tây Nguyên.

Hãngri Nava² sang làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Cả Pháp và Mỹ đều kỳ vọng, với tài năng và bề dày kinh nghiệm thực chiến, Nava có thể chuyển bại thành thắng, giúp xoay chuyển cục diện ở Đông Dương theo hướng có lợi cho quân Pháp.

Sau khi nghiên cứu tình hình chiến trường, ngày 24/7/1953, Nava đã trình bày một kế hoạch quân sự cho quân đội Pháp ở Đông Dương mang tên ông ta. Nava dự kiến triển khai kế hoạch trong vòng 18 tháng, chia làm hai giai đoạn: Giai đoạn 1, trong Đông - Xuân (1953 - 1954), giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc vĩ tuyến 18, tránh đối đầu với quân chủ lực của ta; đồng thời tiến hành tấn công chiến lược bình định miền Nam, miền Trung Đông Dương, chủ yếu là mở chiến dịch Átlăng, nhằm xóa bỏ vùng tự do Liên khu V; Giai đoạn 2, Thu - Đông năm 1954 đưa quân ra miền Bắc, tấn công chiến lược và giành thắng lợi quyết định trên chiến trường chính, buộc ta phải đàm phán theo hướng có lợi cho Pháp³.

Mặt trận Tây Nguyên trong kế hoạch chiến lược Đông - Xuân (1953 - 1954) của quân và dân Việt Nam

Trước âm mưu và hành động của quân Pháp, tháng 9/1953, Bộ Chính trị họp bàn về nhiệm vụ của ta trong Đông - Xuân (1953 - 1954). Hội nghị nhận định: “Kế hoạch Nava có thể gây cho ta những khó khăn mới, nhưng bản thân nó có nhiều mâu thuẫn và có nhược điểm lớn”⁴. Từ đó, Hội nghị đề ra phương châm: “Chỉ sử dụng một bộ phận chủ lực mở những cuộc tiến công vào những hướng địch sơ hở, đồng thời tranh thủ cơ hội tiêu diệt địch ở những hướng địch có thể đánh sâu vào vùng tự do của ta; trong khi đó đẩy mạnh chiến tranh du kích ở khắp các chiến trường sau lưng địch và tích cực tiến hành mọi sự chuẩn bị cần thiết trong nhân dân và bộ đội địa phương, dân quân du kích các vùng tự do để cho chủ lực rảnh tay làm nhiệm vụ”⁵.

Trên cơ sở chỉ đạo của Trung ương, Bộ Tổng tham mưu đã triển khai kế hoạch tác chiến theo bốn hướng: Tây Bắc và Thượng Lào; đồng bằng Bắc Bộ; Trung, Hạ Lào và phát triển sang Campuchia; Tây Nguyên (khu V), hướng chính là Tây Bắc.

Cụ thể hóa kế hoạch của Bộ Tổng tham mưu, tháng 11/1953, Tổng quân ủy hướng dẫn: “Trong Đông xuân này, Liên khu 5 cần phải tập trung lực lượng tiến công lên Tây Nguyên, phát triển lên Tây Nguyên phải coi là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất; nhiệm vụ củng cố vùng tự do là nhiệm vụ quan trọng thứ hai”⁶.

Như vậy, trong kế hoạch tác chiến Đông - Xuân (1953 - 1954) thì Tây Nguyên là một trong bốn hướng tấn công phối hợp với mặt trận chính là Tây Bắc (sau này là Điện Biên Phủ 12/1953) nhằm phân tán lực lượng địch, phối hợp với Điện Biên Phủ, quyết tâm đánh bại kế hoạch quân sự của Nava.

Những trận đối đầu quyết liệt của quân và dân Tây Nguyên phối hợp với chiến trường cả nước và mặt trận chính Điện Biên Phủ

Chiến dịch Bắc Tây Nguyên

Trong khi chúng ta đang triển khai kế hoạch tác chiến, ngày 20/1/1954, Nava đã huy động 30 tiểu đoàn cơ động (GM) mở cuộc hành binh Átlăng tiến vào Tuy Hòa (Phú Yên) bắt đầu kế hoạch bình định, xóa bỏ vùng tự do Liên khu V.

Trước hành động của quân Pháp, Khu ủy Khu V quyết định mở chiến dịch Bắc Tây Nguyên với phương châm; chỉ sử dụng bộ đội địa phương, du kích và một bộ phận nhỏ quân chủ lực để đối phó với quân Pháp, bảo vệ hậu phương, còn đại bộ phận quân chủ lực tập trung tiến công ở hướng chính phía Đông Bắc Kon Tum, hướng phối hợp trên đường 19⁷. Mục tiêu của chiến dịch là kiểm soát được thị xã Kon Tum và một số vị trí chiến lược quan trọng ở Bắc Tây Nguyên; tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch; buộc Nava phải dừng cuộc hành quân Átlăng, phân tán lực lượng lên ứng cứu Tây Nguyên, vừa giữ vững vùng tự do Liên khu V, vừa góp phần để chiến trường chính có điều kiện chuẩn bị tốt hơn cho các trận quyết chiến chiến lược.

Chiến dịch Bắc Tây Nguyên diễn ra từ ngày 27/1/1954 đến ngày 17/2/1954 bắt đầu từ hướng Kon Tum. Qua 20 ngày đêm chiến đấu, cả hai hướng tấn công của ta đã giành thắng lợi to lớn, trong đó tiêu biểu là chiến thắng Măng Đen, Măng Bút (28/1/1954), phá vỡ hệ thống phòng ngự của địch, giải phóng thị xã Kon Tum (rộng hơn 13.000 km² với gần 200 ngàn dân), quét sạch quân địch ở Bắc Tây Nguyên và tràn xuống phía Nam đến sát đường số 19.

Với chiến thắng Bắc Tây Nguyên, ta đã tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn, chiếm giữ những vị trí quan trọng ở hai tỉnh Kon Tum và Gia Lai, cắt đứt liên lạc giữa Pleiku với Bình Định của quân Pháp. Lo sợ mất địa bàn trọng yếu Tây Nguyên, Nava buộc phải ra lệnh dừng cuộc hành quân Átlăng, tấn công vào đồng bằng Liên khu V, vội vã điều động 11 tiểu đoàn ở Nam Bộ và Bình - Trị - Thiên lên tăng cường cho Tây Nguyên, tổ chức hai tập đoàn cứ điểm An Khê và Pleiku để đối phó với ta⁸.

Cuộc tấn công cứ điểm Pleiku và cứ điểm trên đường 19 - An Khê

Ngay sau chiến dịch Bắc Tây Nguyên, Đảng ủy chiến dịch đã họp và nhận định: Sau khi rút khỏi thị xã Kon Tum, địch đã đưa một phần lực lượng từ đồng bằng lên để củng cố và tổ chức lại hệ thống phòng thủ ở Tây Nguyên. Chúng bố trí lực lượng thành hai khối lớn ở thị xã Pleiku và trên đường 19 - An Khê (mỗi nơi 9 tiểu đoàn). Từ đó, Hội nghị nêu quyết tâm: Tổ chức một đợt tiến công ngắn nhưng thật mạnh vào thị xã Pleiku, và đường 19, kìm giữ lực lượng địch, không để cho chúng rút đi chi viện cho chiến trường khác; bổ sung và tổ chức thêm lực lượng mới, tăng lực lượng cơ động tấn công địch; nhanh chóng

ổn định vùng mới giải phóng, sẵn sàng đánh địch lấn chiếm lại. Tăng cường chỉ đạo chiến đấu và chuẩn bị chiến đấu ở vùng tự do⁹.

Chấp hành chủ trương của Đảng ủy mặt trận, ngày 16/2/1954, ta mở đợt tấn công vào tuyến phòng thủ vòng ngoài thị xã Pleiku; ngày 19/2/1954, tập kích diệt 2 đại đội địch ở Đak Đoa; cùng thời điểm này, quân ta đã phục kích 2 tiểu đoàn địch tại nam Biển Hồ, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Ngoài ra, bộ đội ta còn tiến hành pháo kích và tổ chức luân sâu đánh nhiều mục tiêu cơ quan, kho tàng của địch ở ngay trung tâm thị xã Pleiku. Ở phía nam đường 19, ta diệt đồn Đắc Bót, tiến công cơ quan ngục quyền ở trung tâm thị trấn Cheo Reo,...

Trong khi Nava đang lúng túng trước sự đảo lộn của kế hoạch quân sự của mình, ngày 25/3/1954, bộ đội ta tiếp tục tập kích lần thứ 2 vào thị xã Pleiku, đánh vào các kho tàng, trại lính của Pháp, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Dù đang rơi vào thế bị động trên chiến trường Tây Nguyên, nhưng Nava vẫn chủ quan cho rằng, cuộc tiến công Đông - Xuân (1953 - 1954) của ta đã kết thúc, chủ lực ta trên chiến trường chính hết khả năng đánh lớn, nên ngày 12/3/1953, y đã ra lệnh cho các đơn vị tiến hành bước 2 của cuộc hành quân Átlăng, tấn công đánh chiếm tỉnh Bình Định và điều binh đoàn cơ động dù từ Hà Nội vào Quy Nhơn để hỗ trợ. Nhưng ngay hôm sau, ngày 13/3/1954, bộ đội ta nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Bị bất ngờ và để mất phân khu Bắc sau 5 ngày chiến đấu, ngày 16/3/1954, Nava phải gấp rút điều động binh đoàn cơ động dù mới vào Quy Nhơn ra hỗ trợ cho mặt trận Điện Biên Phủ.

Phát triển thế trận chiến tranh nhân dân, phối hợp tiến công địch trên khắp vùng Tây Nguyên

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến, thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, Khu ủy Khu V và các địa phương vùng Tây Nguyên luôn tích cực xây dựng lực lượng, tổ chức chiến tranh du kích phối hợp tiêu diệt địch.

Từ một vùng du kích nhỏ ở Bắc Tây Nguyên, đến năm 1953 đã mở rộng ra toàn vùng, hình thành những mảng lớn có sự liên kết với nhau: Ở phía Bắc phát triển từ Đắc Tô đến Đắc Pet, Đắc Lây (Kon Tum), dọc hai bên đường 14, nối liền với vùng du kích hạ Lào; phía Đông Bắc phát

triển từ Đắc Pơ (Gia Lai) nối liền lạc với các lực lượng vũ trang tuyên truyền đang hoạt động ở Campuchia; ở phía Nam, hình thành khu tam giác Cheo Reo-Buôn Hồ-M'Đrắk (Đắk Lắk), mở rộng đến đường 14, nối liền lạc được với vùng du kích Đắc Pơ ở Gia Lai; ở Lâm Đồng, ta giữ vững các khu căn cứ Anh Dũng, Là Ba, mở rộng các cơ sở du kích dọc đường 20, đường 11 trong vùng đồng bào Mạ và vùng đồng bào các dân tộc ở Tây Bắc Đà Lạt.

Phối hợp với quân chủ lực, các vùng du kích của ta liên tục tấn công địch, tiêu biểu như: Cuộc nổi dậy của 6 ngàn dân ở Đắc Pơ phá tan khu đồn dân, giải phóng 23 làng; phối hợp với bộ đội địa phương và nhân dân hai bên đường 19 bao vây, rút 4 cứ điểm và giải tán ở vũ trang phản động ở Đắc Rong; Cuộc tập kích tiêu diệt quân địch của bộ đội địa phương và du kích tỉnh Đắk Lắk ngày 18/1/1954 đã phá hủy 24 kho quân trang của Pháp dự trữ cho chiến dịch Átlăng; trận tập kích các đồn La Giày, Gia Bát, Tánh Linh trong đêm ngày 6, rạng ngày 7/4/1954 của Trung đoàn 812 và lực lượng vũ trang Lâm Đồng...

Trong khi cuộc chiến đấu của quân và dân Tây Nguyên đang phát triển mạnh, ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, kế hoạch Nava đã thất bại hoàn toàn. Một ngày sau đó, ngày 8/5/1954 Hội nghị Giơnevơ bàn về vấn đề Đông Dương chính thức khai mạc. Phái đoàn Chính phủ ta do đồng chí Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn tự tin bước vào Hội nghị với tư cách của người chiến thắng.

Được Trung ương Đảng và Bộ Tổng tham mưu chọn là một trong bốn hướng tấn công trong Đông - Xuân (1953 - 1954), mặc dù còn nhiều khó khăn và bị quân Pháp tập trung lực lượng đánh phá, nhưng nhờ biết vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, cùng sự chỉ đạo tập trung, kịp thời và tinh thần chiến đấu quật cường, quân và dân Tây Nguyên đã giáng cho địch những đòn chí tử, làm thất bại hoàn toàn kế hoạch chiếm đóng vùng tự do Liên khu V. Cuộc chiến đấu của các lực lượng vũ trang và đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã phối hợp chặt chẽ với quân và dân cả nước, nhất là chiến trường Điện Biên Phủ đánh bại hoàn toàn kế hoạch quân sự Nava, buộc Chính phủ Pháp phải ngồi vào bàn đàm phán và ký kết Hiệp định Giơnevơ, kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. ❖

Chú thích:

1. Đại cương Lịch sử Việt Nam (Tập III), PGS. Lê Mậu Hãn (chủ biên), Nxb. Giáo dục, 1999, tr.112.
2. Hăngri Nava (1898-1983), trong thế chiến thứ 2, là chỉ huy Sư đoàn Constantine ở Angerie (Bắc Phi). Trước khi sang Đông Dương, ông đang là vị tướng 4 sao, Tổng tham mưu trưởng lực lượng quân khối Bắc Đại Tây Dương (NATO).
3. Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1974 - Thắng lợi và bài học, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 127.
- 4,6,8. Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975, Viện Lịch sử Đảng, Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến, Hà Nội 1992, tr. 209, 210.
- 5,7. Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học, Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh - trực thuộc Bộ Chính trị, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, tr. 192, 199.
9. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Gia Lai (1945 - 2005), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2006, tr. 177.

Từ lính mới đến người dẫn đầu về công nghệ viễn thông

Từ dịch vụ dành cho người giàu những năm 2000, sự xuất hiện của một doanh nghiệp Quân đội đã làm thay đổi cục diện của ngành Viễn thông tại Việt Nam.

Tìm ra hướng đi trong khó khăn

VoIP 178, “ứng dụng OTT” đầu tiên ở Việt Nam do Viettel phát triển vào năm 2000, cho phép gọi điện đường dài với giá rẻ chưa từng có, đã đem lại cho Viettel số vốn khoảng 10 triệu USD để bước chân vào thị trường di động. Thế nhưng, phát triển hạ tầng cho di động là siêu tốn kém và số tiền đó chỉ đủ mua và lắp đặt khoảng 150 trạm BTS. Để mạng di động đi vào vận hành, ở mỗi thành phố cần tối thiểu 50 trạm, với mật độ dân số khi đó. Chưa có tài sản gì trong tay, Viettel cũng không thể vay ngân hàng hàng trăm triệu USD để phát triển hạ tầng. Tuy đã có giấy phép kinh doanh, nhưng dự án bước vào ngành di động của Viettel đứng trước nguy cơ chết yểu vì cạn tiền.

Trong một chuyến công tác Thái Lan, ông Nguyễn Mạnh Hùng, Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông, khi đó là Phó Giám đốc Viettel, tìm được một lời khuyên mang tính bước ngoặt từ bà Yingluck Shinawatra, Chủ tịch Tập đoàn viễn thông lớn nhất Thái Lan AIS. Bà Yingluck cho biết, thị trường thiết bị viễn thông 2G khi đó gặp khủng hoảng thừa vì tốc độ phát triển đã chững lại, không còn nhiều công ty viễn thông còn muốn mua thiết bị.

“Chúng tôi hiểu rằng các nhà sản xuất khi thiếu người mua thì họ chỉ cần duy trì thời, lợi nhuận thấp hoặc bằng 0 cũng được, và nghĩ ra cách thuyết phục các nhà sản xuất cho mua trả chậm”, ông Hùng kể lại.

Ngay sau cuộc gặp, ông Hùng gọi về nước xin ý kiến Giám đốc Viettel khi đó, Trung tướng Hoàng Anh Xuân đề xuất mua 5.000 trạm BTS trả chậm và nhận được câu trả lời: “Chơi luôn!”.

“Quyết định được đưa ra rất nhanh, nhưng dựa trên những hiểu biết về thị trường và công nghệ. Chúng tôi biết rằng Việt Nam mới có 4% người dân sử dụng điện thoại di động, biết rằng khi đầu tư độ phủ lớn thì chi phí cho người dùng cũng giảm hàng nghìn lần và tin chắc sẽ kinh doanh thành công”, ông Hùng nói.

Từ thế khó đến chiến lược “lấy nông thôn vây thành thị”

Trước khi Viettel bước vào thị trường di động, các công ty khác đã chiếm lĩnh 95% thị phần các đô thị, thành phố lớn. Cũng vì thế, lính mới Viettel đã chọn chiến lược giành thị phần là “lấy nông thôn bao vây thành thị”: nơi nào xa nhất, khó nhất, dù hải đảo hay đất liền, dù cao nguyên hay miền ngược, chỉ cần là chưa có sóng di động thì sẽ có Viettel.

Ban đầu, Viettel thuê thiết kế trạm với kinh phí 1 triệu USD cho 150 trạm BTS, có nghĩa là gần 7.000 USD cho mỗi trạm. Tốc độ thiết kế là 2 tuần/trạm. Như vậy, Viettel sẽ mất hàng chục năm và hàng trăm triệu đô mới thiết lập được mạng lưới di động đáp ứng quy mô toàn quốc.

Trong một chuyến công tác Indonesia, lãnh đạo Viettel gặp và được Giám đốc kỹ thuật của Công ty viễn thông Extrenco tư vấn về thiết kế trạm BTS. Theo đó, Viettel chia ô mỗi trạm cách nhau khoảng 500 - 800m theo hình mắt lưới, ở các khu vực nhiều người dùng thì lắp thêm trạm, cách nhau từ 200 - 400m, vì bản chất của mỗi trạm là phát sóng đáp ứng một dung lượng sử dụng nhất định

Từ tư vấn ban đầu này, việc đặt vị trí hàng nghìn trạm BTS được hoàn thành chỉ trong 1 ngày. Nhờ đó, Viettel đã có thể thi công hàng nghìn trạm BTS thần tốc. “Lính mới” trong ngành viễn thông đã nhanh chóng xây dựng được mạng lưới phủ khắp vùng miền trong thời gian ngắn, đem sóng di động đến mọi người và cũng nhờ đó mà giá thành dịch vụ giảm hàng trăm lần.

“Quá trình liên tục dấn thân đã tạo cho Viettel một niềm tin rất lớn rằng tự mình có thể làm chủ được trong ngành viễn thông. Tự làm chủ giúp chúng ta tự tin, kích thích lòng tự tôn dân tộc, từ đó nảy ra vô số sáng kiến, cải tiến”, ông Hoàng Anh Xuân nói.

Phổ cập viễn thông ở Việt Nam

Chỉ sau chưa đầy một năm khai trương mạng di động với đầu số 098, Viettel đã đạt mốc 1 triệu thuê bao, dấu mốc mà các nhà mạng đi trước phải mất hơn 10 năm mới đạt được. 3 năm sau, Viettel trở thành công ty chiếm thị phần viễn thông lớn nhất. Dịch vụ di động không còn là “dịch vụ cho người giàu” mà trở thành bình dân, mọi người Việt Nam đều có thể sử dụng được.

Tiếp nối thành công ở thế hệ di động đầu tiên của Việt Nam, Viettel cũng là doanh nghiệp tiên phong về chất lượng và vùng phủ ở các thế hệ 3G, 4G, là doanh nghiệp giành được “băng tần vàng” đem lại vùng phủ tốt nhất cho 5G trong giai đoạn triển khai sắp tới. Theo đánh giá của Umlaut năm 2023, Viettel tiếp tục là nhà mạng có chất lượng dịch vụ tốt nhất Việt Nam và nằm trong top 40 nhà mạng có chất lượng tốt nhất thế giới. Đến nay, Viettel đã phủ sóng đến 97% dân số Việt Nam, 99% quận huyện, 6.300 xã trên toàn quốc, trong đó có nhiều xã ở vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. ❖

CÙNG LIÊN KẾT

CHỐNG LẠI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ NGĂN CHẶN SỰ PHÁ HỦY HỆ SINH THÁI TOÀN CẦU



Happy DI-PAYROLL

CHI LƯƠNG ONLINE – NGẬP TRÀN ƯU ĐÃI



100% ONLINE

100% MIỄN PHÍ

ĐẶC QUYỀN
DOANH NHÂN

ƯU ĐÃI TÀI CHÍNH



ĐĂNG KÝ NGAY

1900 6060 (24/7)

www.hdbank.com.vn

Gói chi lương Online - Happy Di-Payroll mang đến cho Quý doanh nghiệp, Doanh nhân và Cán bộ nhân viên đang công tác vô vàn ưu đãi hấp dẫn cùng tiện ích toàn diện:

- Chủ doanh nghiệp: Đặc quyền chơi golf và phòng chờ thương gia miễn phí, thẻ tín dụng Vietjet Platinum hạn mức đến 500 triệu đồng, cùng nhiều trải nghiệm đẳng cấp.
- Doanh nghiệp: Cộng thêm lãi suất tiền gửi, giảm lãi vay so với niêm yết và tài trợ đến 6 lần tổng quỹ lương.
- Cán bộ nhân viên: Tài khoản số đẹp và Zero phí trọn đời cùng nhiều ưu đãi tài chính khác (Thẻ tín dụng, tiền gửi và tiền vay).

Doanh nghiệp thời đại số, quản lý thật dễ dàng, chi trả lương nhẹ nhàng vì đã có Happy Di-Payroll, Chi lương online ngập tràn ưu đãi.

